

HƯỚNG ỨNG THẬP KỶ GIÁO DỤC NHÂN QUYỀN CỦA LIÊN HIỆP QUỐC  
TRUNG TÂM THÔNG TIN NHÂN QUYỀN CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

## **GIÁO ÁN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI**

Dành cho các trường phổ thông ở Đông Nam Á

## **GIÁO ÁN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI**

Dành cho các trường phổ thông ở Đông Nam Á

Mã số:  $\frac{02.02.14}{75 - TK.2005}$

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

## Mục lục

Lời tựa	5
Lời cảm ơn	7
Thông điệp	9
<i>của ngài Yoshio Kawashma</i>	11
<i>của ngài Fe A.Hidalgo</i>	13
Lời giới thiệu	19
Quá trình biên soạn giáo án về quyền con người	
A. Cơ cấu chương trình quyền con người	
1. Cam-pu-chia	30
2. In-đô-nê-xia	32
3. Ma-lai-xi-a	34
4. Phi-lip-pin	35
5. Thái Lan	38
6. Việt Nam	39
B. Giáo án	
I. Cấp tiểu học	41
1. Quyền được sống trong một môi trường trong sạch (môn Khoa học)	42
2. Quyền được vui chơi (môn Tìm hiểu xã hội, Giáo dục thể chất và sức khỏe)	45
3. Quyền được chăm sóc và bảo vệ (môn Giáo dục đạo đức, Tìm hiểu xã hội)	50
4. Quyền được tham gia (môn Giáo dục đạo đức)	54
5. Lạm dụng ma túy (môn Tìm hiểu xã hội)	58
6. Quyền được giáo dục (môn Giáo dục đạo đức)	63
7. Lao động trẻ em (môn Tìm hiểu xã hội)	69
8. Quyền được biểu đạt ý kiến (môn Giáo dục công dân, Tìm hiểu xã hội)	72

9. Quyền được chia sẻ (môn Giáo dục công dân, tìm hiểu xã hội)	78
10. Làm việc trong mùa khô (môn Tìm hiểu xã hội, Khoa học và Nữ công gia chánh)	83
II. Cấp trung học	87
1. Nhân phẩm (môn Giáo dục đạo đức, Giáo dục công dân)	88
2. Nạn hối lộ và tham nhũng (môn Giáo dục đạo đức)	97
3. Cuộc sống có ý nghĩa (môn Giáo dục đạo đức)	104
4. Không phân biệt đối xử (môn Tìm hiểu xã hội)	109
5. Người lao động nhập cư (môn Giáo dục đạo đức, Tìm hiểu xã hội)	114
6. Trẻ em đường phố (môn Giáo dục công dân)	120
7. Ngân sách quốc gia và thuế (môn Kinh tế học, Tìm hiểu xã hội)	129
8. Các thủ tục pháp lý (môn Tìm hiểu xã hội)	136
9. Phát triển và quyền con người (môn Tìm hiểu pháp luật, Kinh tế học)	143
10. Quyền con người mang tính phổ biến (môn Tìm hiểu xã hội)	150
C. Tài liệu tham khảo	158
1. Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền	159
2. Công ước quốc tế về quyền trẻ em	167
3. Công ước chống phân biệt đối xử trong giáo dục	199
Phụ lục	209
1. Đại biểu dự Hội thảo Viết sách Đông Nam Á	
2. Nhóm Đánh giá và Biên tập khu vực	
3. Một số ảnh	

## ***LỜI TỰA***

Trong những năm qua, Trung tâm Thông tin nhân quyền Thái Bình Dương OSAKA của Nhật Bản hợp tác với các nước trong khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, Phi-lip-pin, Ma-lai-xia, Cam-pu-chia, Thái Lan, In-đô-nê-xia và nhiều tổ chức quốc tế như UNESCO, Quỹ Friedrich Naumann... đã cố gắng không mệt mỏi trong việc tăng cường công tác giáo dục nhân quyền cho các trường phổ thông trong tiểu khu vực này.

Trung tâm đã chủ trì và tổ chức nhiều hội thảo và tiếp thu ý kiến đóng góp của đại biểu các nước và với sự cố gắng bền bỉ và không mệt mỏi của nhóm Đánh giá và Biên tập Khu vực. Cuốn sách hướng dẫn về giảng dạy nhân quyền in bằng tiếng Anh đã chính thức ra mắt độc giả vào tháng 10 năm 2003 phục vụ việc giáo dục nhân quyền ở các trường phổ thông Đông Nam Á. Cuốn sách này đã được dịch và in bằng các thứ tiếng khác nhau như Căm-pu-chia, Thái Lan, Trung Quốc, In-đô-nê-xia...

Theo đề nghị của Trung tâm Thông tin nhân quyền châu Á-Thái Bình Dương OSAKA của Nhật Bản và được sự tài trợ của UNESCO khu vực, chúng tôi đã cho dịch cuốn sách trên sang tiếng Việt để các nhà giáo dục và các thầy cô giáo người Việt Nam tiện tham khảo và sử dụng một cách thích hợp trong hoàn cảnh của nước mình nhằm giúp các em học sinh phổ thông hiểu được quyền của mình nói riêng và quyền công dân nói chung, để sống theo Hiến pháp và pháp luật và để trở thành người công dân tốt của nước mình, của khu vực và thế giới.

Cuốn sách được các dịch giả sau đây dịch:

1. Nguyễn Thanh Hoàn
2. Trần Quang Vinh
3. Nguyễn Minh Hạnh
4. Nguyễn Kiên Cường

Tổ biên tập gồm Nguyễn Thanh Hoàn và Nguyễn Dục Quang, chuyên gia giáo dục của Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam.

Nhân dịp này, chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của mình tới ngài Giám đốc SHELDON SHAEFFER và ngài OLOF SANDKULL, chuyên gia về giáo dục và nhân quyền UNESCO Bangkok đã giúp về tài chính và kỹ thuật để xuất bản cuốn sách này bằng tiếng Việt.

Trong quá trình dịch thuật và biên tập cũng như in ấn, chúng tôi đã cố gắng và thận trọng nhưng khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được sự thông cảm, lượng thứ và phê bình của độc giả.

*THAY MẶT TỔ BIÊN DỊCH VÀ BIÊN TẬP*

**Nguyễn Thanh Hoàn**

## ***LỜI CẢM ƠN***

Chúng tôi xin cảm ơn các cá nhân và các tổ chức đã giúp đỡ chúng tôi trong việc chuẩn bị xuất bản cuốn sách này.

Chúng tôi xin cảm ơn các đại biểu dự Hội thảo Đông Nam Á, sách hướng dẫn giảng dạy nhân quyền (Hội thảo SEA) đã cung cấp các tài liệu cơ bản cho cuốn sách này. Đồng thời, chúng tôi chân thành xin lỗi vì đã không nêu tên các tác giả của các giáo án theo quy ước của khu vực Đông Nam Á, chứ không chỉ là của từng quốc gia. Do có nhiều đại biểu tham gia Hội thảo SEA này nên chúng tôi không thể nêu tên từng người một trong phần Lời cảm ơn. Danh sách đại biểu đầy đủ sẽ được in trong phần Phụ lục.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới các vị sau đây trong nhóm Đánh giá và Biên tập Khu vực vì những đóng góp quý báu trong việc hiệu chỉnh các giáo án:

1. TS. Nguyễn Thanh Hoàn  
Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam
2. Bà Chin Yahan  
Bộ Giáo dục, Thanh niên và Thể thao, Cam-pu-chia
3. TS. Valai na Pombejr  
Mạng lưới Giáo dục Quốc tế và Giáo dục các Giá trị  
Châu Á - Thái Bình Dương (APNIEVE), Thái Lan
4. TS. Sirilus Belen  
Bộ Giáo dục và Văn hóa, In-do-ne-xia
5. GS.TS. Chiam Heng Keng  
Ủy ban Nhân quyền Ma-lay-sia, Ma-lay-sia
6. Bà Zaida T. Azcueta

Bộ Giáo dục, Phi-lip-pin

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn TS. Valai na Pombejr đã sửa bản in của cuốn sách này, cộng tác viên 101 về trình bày, Bà Rungtip Imruangruang và Ủy ban Tư pháp và Hòa bình Thiên chúa giáo (Thái Lan) vì sự hỗ trợ về mặt hành chính.

Chúng tôi xin cảm ơn những đóng góp quý báu của ông Jefferson R.Plantilla thuộc Trung tâm Thông tin Nhân quyền châu Á - Thái Bình Dương (HURIGHTS OSAKA) và Bà Nerissa L.Losaria thuộc Bộ Giáo dục (Phi-lip-pin) trong việc hoàn thiện cuốn sách này.

Chúng tôi xin cảm ơn Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về Nhân quyền và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc - văn phòng tại Ca-na-da (UNICEF - Ca-na-da) đã cho phép chúng tôi sử dụng phiên bản dễ hiểu về nội dung của Tuyên bố Thế giới về Nhân quyền, Công ước về Quyền Trẻ em, và phần giới thiệu các thuật ngữ về nhân quyền làm tài liệu tham khảo trong cuốn sách này.

Chúng tôi xin cảm ơn các đồng nghiệp Cam-pu-chia, Việt Nam và Thái Lan đã gửi tới những bức vẽ, những hình minh họa và những bức ảnh làm sinh động thêm cho các bài khóa.

Cuối cùng, chúng tôi xin cảm ơn Quỹ Friedrich Naumann thông qua văn phòng khu vực ở Bangkok vì đã cấp kinh phí tài trợ cho cuộc họp của nhóm Đánh giá và Biên tập khu vực và cho việc in ấn cuốn sách này. Chúng tôi xin cảm ơn Ngài Uwe Johannsen, giám đốc văn phòng khu vực vì đã giúp đỡ mọi mặt cho ấn phẩm này, và cô Wallaya Pinprayoon vì những đóng góp về mặt hành chính đã dành cho chúng tôi.



## *Thông điệp*

Giáo viên là người chiến sĩ trên tuyến đầu của lĩnh vực giáo dục. Chúng ta đặt lên vai họ trách nhiệm giúp đỡ con em chúng ta chuẩn bị cho tương lai. Do đó, chúng ta cần nhận thấy vai trò quan trọng đó của người giáo viên và hỗ trợ những gì cần thiết để họ hoàn thành được nhiệm vụ của mình.

Vị trí của người giáo viên luôn là mối quan tâm lớn tại Trung tâm Thông tin Nhân quyền châu Á - Thái Bình Dương (HURIGHTS OSAKA) nhằm tăng cường công tác giảng dạy nhân quyền trong các trường học. Nếu chúng ta không hỗ trợ cho giáo viên thì mọi chương trình giáo dục nhân quyền trong các trường học chắc chắn sẽ thất bại.

Vì vậy, chúng tôi đánh giá cao sự đóng góp của các nhà giáo dục dành cho Hội thảo Viết sách hướng dẫn giảng dạy nhân quyền Đông Nam Á (Hội thảo SEA) trong việc viết các giáo án được in trong cuốn sách này. Chúng tôi xin cảm ơn các đại biểu cũng như các đối tác của mình (Bộ Giáo dục Phi-lip-pin, Ủy ban Nhân quyền tại Phi-lip-pin, và Quỹ Phát triển thể chế và pháp lý Đông Nam Á) vì những chia sẻ với chúng tôi về tầm nhìn, cam kết và các nguồn lực để có thể tổ chức được Hội thảo SEA này.

Cuối cùng, chúng tôi đã có được một bộ các giáo án dành trước tiên, mặc dù không phải là dành riêng, cho giáo viên khu vực Đông Nam Á. Giờ đây nhiệm vụ của chúng ta là đưa những giáo án này vào giảng dạy trong các lớp học ở khu vực Đông Nam Á.

Chúng tôi hi vọng rằng giáo viên sẽ tìm ra nội dung và phương pháp giảng dạy phù hợp với các nhu cầu đặt ra và thích hợp với học sinh. Chúng tôi cũng hi vọng những giáo án này sẽ góp phần cổ vũ giáo viên và các nhà giáo dục khác tham gia tích cực hơn nữa vào giáo dục nhân quyền.

Chúng tôi đánh giá cao sự giúp đỡ của Quỹ Friedrich Naumann trong việc in cuốn sách này.

Cuối cùng, khi đưa cuốn sách này đến tay giáo viên ở trong và ngoài khu vực Đông Nam Á, chúng tôi cũng muốn góp phần vào việc hoàn thành các mục tiêu của Thập kỷ Liên hợp quốc về Giáo dục Nhân quyền (1995 - 2004). Thập kỷ Liên hợp quốc này đã trở thành cơ sở toàn diện giúp chúng tôi trong việc tăng cường công tác giáo dục nhân quyền trong khu vực.

***GS. Yoshio Kawashima***

*Giám đốc Trung tâm HURIGHTS OSAKA Nhật Bản*

## ***Thông điệp***

Giáo dục nhân quyền biến những nguyên tắc nhân quyền trừu tượng thành những kinh nghiệm thực tế trong lớp học. Các bài giảng mẫu về nhân quyền mà chúng tôi giới thiệu tại các trường công lập của Phi-lip-pin đã được dùng làm công cụ giảng dạy trong việc tích hợp với các khái niệm và giá trị nhân quyền vào tất cả các môn học - Toán học, Khoa học, Nghệ thuật giao tiếp (tiếng Phi-lip-pin và tiếng Anh) và MAKABAYAN (Xã hội học, Âm nhạc, Nghệ thuật, Giáo dục thể chất, Công nghệ và cách sống và Giáo dục giá trị). Trong các bài giảng mẫu này, các khái niệm và giá trị nhân quyền được gắn một cách tự nhiên với năng lực học mà chúng tôi quy định trong chương trình giáo dục cơ bản.

Các tài liệu giảng dạy có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo rằng giáo dục nhân quyền phục vụ cho chính mục đích của nó là khắc sâu vào tâm trí học sinh lòng tôn trọng phẩm giá con người và sự nhận thức về trách nhiệm của mình với tư cách là những công dân của đất nước và của thế giới. Hội thảo viết sách hướng dẫn giảng dạy về nhân quyền Đông Nam Á do Bộ Giáo dục, Ủy ban Nhân quyền tại Phi-lip-pin, và Trung tâm HURIGHTS OSAKA khởi xướng nhằm chia sẻ kinh nghiệm của Phi-lip-pin trong việc giáo dục và biên soạn tài liệu với các đối tác trong lĩnh vực giáo dục và tăng cường giáo dục nhân quyền tại khu vực. Chúng tôi mong rằng các bài giảng mẫu thể hiện tính liên tục của giáo dục nhân quyền theo cách thức vượt qua những khác biệt về văn hóa, tôn giáo và những khác biệt khác và sẽ được sử dụng trong các trường học của Đông Nam Á. Điều này sẽ giúp chúng ta giáo dục được những người con

mà chúng ta tự hào sẽ có được trong tương lai.

Mục tiêu của giáo dục nhân quyền mang tính lâu dài. Bất kỳ biểu hiện nào về sự thay đổi hành vi trên lớp của học sinh có thể không nhìn thấy và đánh giá ngay được. Sự thay đổi đó sau này sẽ được biểu hiện trong mối quan hệ với những người khác khi con em của chúng ta lớn lên và đối mặt với thế giới thực đầy thử thách. Vì thế, giáo dục nhân quyền không chỉ dạy về quyền con người và quyền cơ bản của trẻ em mà còn dạy cả tư cách công dân và hành động có trách nhiệm, sự dân chủ, lòng yêu tự do, ý thức về đất nước và thế giới, sự nhạy cảm đối với các vấn đề về phụ nữ và trẻ em, bảo vệ môi trường, và phát triển bền vững. Những mục tiêu giáo dục nhân quyền này đã được thể hiện trong các bài giảng mẫu của Đông Nam Á. Vì thế, chúng tôi mong nhận được sự giúp đỡ của các bộ Giáo dục trong khu vực để đảm bảo rằng các bài giảng đó được đưa vào giảng dạy trong các lớp học/ trường học ở Đông Nam Á. Việc tăng cường giáo dục nhân quyền luôn luôn là một nhiệm vụ lâu dài, thực sự góp phần đem lại mối quan hệ tốt đẹp hơn giữa những con người với nhau và một viễn cảnh tích cực đối với thế giới mà chúng ta đang sống.

Các bài giảng mẫu của Đông Nam Á là một bước lớn trong nhận thức về tầm nhìn của chúng ta đối với giáo dục nhân quyền.

***GS. Fe A. Hidalgo***

*Thứ trưởng phụ trách Chương trình và các Dự án*

*Bộ Giáo dục Phi-lip-pin*

## ***LỜI GIỚI THIỆU***

Cuốn sách này là nỗ lực đầu tiên trong việc biên soạn sách hướng dẫn giảng dạy nhân quyền cho các trường Đông Nam Á. Nó dựa trên những kinh nghiệm giảng dạy nhân quyền của các nhà giáo dục thuộc tiểu vùng này. Đó là kết quả của sự hợp tác không ngừng của các nhà giáo dục và các tổ chức ở Đông Nam Á.

Do đó, sự cộng tác là đặc trưng chủ chốt của cuốn sách này.

Cuốn sách này góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu của Thập kỷ Liên hợp quốc về Giáo dục nhân quyền (1995 - 2004) [Thập kỷ Liên hợp quốc]. Thập kỷ Liên hợp quốc đã ủng hộ việc biên soạn các tài liệu giảng dạy nhân quyền. Thập kỷ Liên hợp quốc còn thúc đẩy sự cộng tác giữa các tổ chức với tư cách là một phương tiện quan trọng cho việc thực hiện các chương trình giáo dục nhân quyền.

Câu chuyện về sự cộng tác này được bắt đầu trong một loạt các hoạt động về giáo dục nhân quyền tại các trường học ở Đông Nam Á vào cuối những năm 1990. Hoạt động đầu tiên là một hội thảo tư vấn 1998 (Hội thảo Surabaya). Hội thảo này đã xem xét việc giáo dục nhân quyền trong các chương trình của các trường ở một số nước Đông Nam Á, các vấn đề phải đối mặt và các cơ hội hiện có. Những đại biểu tham gia cuộc hội thảo này đã xác định được một số lĩnh vực cần có những cải tiến hơn nữa:

- Phương pháp giảng dạy - phát triển các phương pháp định hướng quá trình nhận thức và kinh nghiệm về giảng dạy nhân quyền.

- Tài liệu giảng dạy — biên soạn tài liệu giảng dạy nhân quyền dành cho các giáo viên đứng lớp.
- Cách tiếp cận đối với giáo dục nhân quyền - tìm tòi cách giảng dạy nhân quyền chứ không phải cách tiếp cận giá trị.
- Phổ biến các khái niệm về nhân quyền - làm cho các nguyên tắc và các chuẩn về nhân quyền dễ hiểu bằng cách sử dụng ngôn ngữ thông thường (chứ không phải là ngôn ngữ của Liên hợp quốc về nhân quyền), và bàn về các vi phạm nhân quyền cụ thể hay các vấn đề trong xã hội và trong cuộc sống hàng ngày của con người.
- Trao quyền cho giáo viên - tạo điều kiện thuận lợi để trao quyền cho giáo viên thông qua việc đào tạo giáo viên và các phương tiện khác để giúp họ luôn đổi mới trong giảng dạy, và tạo ra môi trường dạy học tốt hơn. Sự trao quyền đó phải giải quyết được “các phương thức giúp họ có thể liên hệ tốt hơn với đội ngũ công chức giáo dục và góp phần giúp họ hoàn thành công việc giảng dạy của mình. Điều này cũng khích lệ việc hoàn thành các chương trình đào tạo giáo viên về giáo dục nhân quyền, và tạo ra những khuyến khích trong giảng dạy nhân quyền.”
- Nội dung giáo dục nhân quyền - mở rộng phạm vi giáo dục nhân quyền trong đó có các vấn đề như “khái niệm chính trị về Nhà nước, và mối liên hệ qua lại giữa hòa bình, sự phát triển, môi trường, giới, sắc tộc và các vấn đề khác với nhân quyền với tư cách là một chiếc ô lớn bao trùm.”

Cuối hội thảo này, những người tham gia đã nhất trí biên soạn một tài liệu hướng dẫn nhằm thúc đẩy giáo dục nhân quyền trong tiểu vùng này.

Hội thảo Tập huấn giáo viên thí điểm về nhân quyền đã được tổ chức từ 26- 29 tháng 4, 1999 tại In-đô-nê-xia sau Hội thảo Surabaya. Hội thảo này (gọi là Hội thảo Tập huấn Bali) đã có chương trình nghị sự như sau:

- Khái niệm và tầm nhìn về nhân quyền, xem xét tình hình và các vấn đề về nhân quyền, lịch sử của các quốc gia, và các vấn đề nhân quyền ở các khu vực (như các vấn đề về phụ nữ, trẻ em, các tộc người thiểu số,...).
- Giáo dục nhân quyền và chương trình học trong nhà trường, gồm:
  - (i) Cập nhật về công tác giáo dục nhân quyền;
  - (ii) Bàn về vai trò của trường học trong việc thúc đẩy nhân quyền trong xã hội;
  - (iii) Phác họa chân dung những người ủng hộ nhân quyền (giáo viên và học sinh);
  - (iv) Xây dựng các chương trình giảng dạy nhân quyền mẫu.
- Phương pháp giảng dạy, gồm việc soạn giáo án, các mô đun, và sách hướng dẫn giảng dạy.
- Cơ chế quảng bá kết quả đào tạo (trong và ngoài hệ thống giáo dục).
- Đánh giá chương trình và hoạt động giáo dục nhân quyền.

Các đại biểu đã tổ chức các buổi giảng thử tại một trường trung học phổ thông ở Bali để thử nghiệm các giáo án đã lập được trong cuộc hội thảo này. Cuối cùng, các đại biểu đã nhất trí về các hoạt động tiếp theo để thúc đẩy việc phát triển mạng lưới và sự hỗ trợ nhau ở cấp quốc gia”. Trong nhiều vấn đề được nhất trí có:

- Tổ chức một cuộc hội thảo viết sách cho cán bộ chủ chốt.

- Xây dựng mô-đun giáo dục nhân quyền cho những người thực hiện và các giáo viên.

Các đại biểu đều nhận thức được ý nghĩa của cuộc hội thảo như là một phương tiện cải thiện kỹ năng viết giáo án về nhân quyền.

Hội thảo Surabaya nhận thấy cần có tập huấn về giáo án nhân quyền khi các đại biểu xem việc biên soạn tài liệu giảng dạy nhân quyền cho giáo viên đứng lớp là một lĩnh vực cần phải được cải thiện rất nhiều. Mặt khác, Hội thảo Tập huấn Bali đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức một hoạt động đào tạo theo cách này.

Các đại biểu In-đô-nê-xia, Phi-lip-pin và Thái Lan đã lập chương trình cho Hội thảo Viết sách Đông Nam Á sau đó.

Hai mươi sáu đại biểu gồm các giáo viên, các nhà nghiên cứu giáo dục, các nhà xây dựng chương trình giảng dạy và cán bộ của các tổ chức phi chính phủ đến từ Cam-pu-chia, In-đô-nê-xia, Ma-lai-sia, Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam đã nhóm họp tại Phi-lip-pin vào ngày 19 - 27 tháng 6, 2001 để tham gia Hội thảo Đông Nam Á về Viết sách hướng dẫn giảng dạy nhân quyền (Hội thảo SEA) kéo dài chín ngày.

Mục tiêu chung của Hội thảo SEA là “biên soạn sách hướng dẫn giảng dạy nhân quyền cho các trường học của Đông Nam Á”, cụ thể là:

- Xây dựng tầm nhìn và nhiệm vụ của giáo dục nhân quyền.
- Xem lại các chuẩn và nguyên tắc nhân quyền để xác định các quan niệm nhân quyền cốt lõi cho giáo dục tiểu học.
- Kiểm tra lại các mối liên hệ giữa nhân quyền và các nền văn hóa Đông Nam Á để biến các quan niệm nhân quyền thành các tài liệu giáo dục.
- Tập huấn về cách liên hệ các giáo án nhân quyền với chương trình học hiện hành.

- Xác định các phương pháp khác nhau để đưa nội dung nhân quyền vào chương trình học chính thức.
- Xác định các chương trình hoạt động ngoại khóa và/ hoặc các hoạt động nhân quyền dựa vào cộng đồng.
- Chuẩn bị một chương trình hành động liên quan tới chiến lược giáo dục nhân quyền trong hành lang khu vực.
- Tăng cường mối liên hệ giữa các nhà giáo dục ở Đông Nam Á tham gia vào giáo dục nhân quyền trong các trường học.

Trong suốt chín ngày, các đại biểu dự hội thảo đã thực hiện những hoạt động sau đây:

- Rà soát lại các chương trình giáo dục nhân quyền, các nguyên tắc nhân quyền, các phương pháp tiếp cận giáo dục nhân quyền, các chiến lược và các phương pháp; và đề ra Tầm nhìn và Sứ mệnh ASEAN về giáo dục nhân quyền.
- Viết sách hướng dẫn giảng dạy nhân quyền.
- Thao giảng thông qua sử dụng các hướng dẫn giảng dạy đã được biên soạn.
- Lập kế hoạch cho các hoạt động tiếp theo.

Các đại biểu đã viết ra các khung chương trình và giáo án nhân quyền của nước mình. Họ cũng nhất trí với việc xuất bản các giáo án này, và tiến hành tập huấn cách sử dụng các giáo án đó.

Sau đó, một nhóm đánh giá và biên tập khu vực đã được thành lập bao gồm các đại biểu hàng đầu của sáu nước Đông Nam Á với các nhiệm vụ sau đây:

- Hoàn tất bộ giáo án và các tài liệu khác đã in trong cuốn sách này.

- Đánh giá bản thảo cuối cùng các giáo án với tư cách là nhóm biên tập.
- Đề xuất một kế hoạch phát hành cuốn sách này tới các nhà giáo dục/ các trường học ở Đông Nam Á.

Nhóm Đánh giá và Biên tập này đã nhóm họp hai lần ở Bangkok vào năm 2002. Nhóm này đã chọn ra các giáo án in trong cuốn sách này, thảo luận về cách cải tiến, tập trung vào những giáo án này. Bản thảo các giáo án đã được chuyển tới các thành viên của Nhóm Đánh giá và Biên tập sau cuộc gặp lần thứ hai và có được những nhận xét cần thiết.

Do cần có bản thảo các giáo án sớm nên việc thử nghiệm trên lớp giáo án cho bậc tiểu học mới chỉ được thực hiện ở Campuchia. Các trường học ở các nước khác thì đã đóng cửa để nghỉ hè (tháng 4 - 5, 2003) nên không thể thử nghiệm trên lớp được. Tuy nhiên, các giáo viên Thái Lan đã có cơ hội đánh giá những giáo án này.

Bản thảo cuối cùng của giáo án đã tập hợp được những gợi ý và nhận xét cá nhân của các thành viên Nhóm Đánh giá và Biên tập. Ngoài ra còn có các cuộc trao đổi ngắn gọn nhưng thực tế về các khái niệm nhân quyền cụ thể.

Quá trình này đã hoàn thành được chu kỳ cộng tác giữa các nhà giáo dục Đông Nam Á trong việc đưa ra một bộ tài liệu giảng dạy về nhân quyền. Một chu kỳ cộng tác mới giờ đây chắc chắn sẽ được bắt đầu khi in cuốn sách này. Kết quả là, một chu kỳ sửa đổi và dịch cuốn sách này sang ngôn ngữ của các nước có liên quan và tập huấn cho huấn luyện viên chủ chốt sẽ được triển khai như là một bước thúc đẩy hơn nữa giáo dục nhân quyền trong các trường học ở Đông Nam Á.

## **BIÊN SOẠN GIÁO ÁN NHÂN QUYỀN**

### **BIÊN SOẠN GIÁO ÁN NHÂN QUYỀN**

Việc phát triển giáo án nhân quyền là một nhiệm vụ đầy thách thức. Nó đòi hỏi giáo viên phải kết hợp các công cụ giáo dục chuẩn với việc áp dụng các khái niệm nhân quyền vào thực tế giảng dạy. Nó mở ra một khía cạnh mới cho việc thảo luận các môn học trong chương trình học.

Có hai cấp chuẩn bị các giáo án nhân quyền của Đông Nam Á. Cấp thứ nhất là viết các giáo án trong suốt thời gian diễn ra Hội thảo Đông Nam Á về Biên soạn sách hướng dẫn giảng dạy nhân quyền (Hội thảo SEA) vào năm 2001. Cấp thứ hai là đánh giá và biên tập do nhóm Đánh giá và Biên tập khu vực thực hiện vào năm 2002. Ở mỗi cấp lại có các quá trình khác nhau.

#### **Quá trình của Hội thảo viết sách**

Quá trình của hội thảo trong việc biên soạn giáo án nhân quyền có hai phần chính: tạo ra một khung chương trình giảng dạy nhân quyền, và viết các giáo án.

Khung chương trình giảng dạy nhân quyền là một tổng quan về chương trình giáo dục nhân quyền kéo dài nhiều năm và liên quan tới nhiều môn học. Nó được cấu thành bởi ba bộ phận - các vấn đề đặt ra, các khái niệm nhân quyền, và các giá trị cốt lõi. Trong suốt thời gian diễn ra hội thảo SEA, đại biểu của các nước đã xây dựng khung chương trình giảng dạy nhân quyền của riêng mình áp dụng cho các trường tiểu học và trung học cơ sở. Khung chương trình này dựa trên một mô hình đã được xây dựng trước. Họ bắt đầu bằng các vấn đề đã đặt ra, các khái niệm nhân quyền, và các giá trị cốt lõi liên quan tới bản thân, sau đó là tới gia đình, cộng đồng, đất nước, khu

vực và cuối cùng là tới thế giới. Theo cách này, các vấn đề đặt ra và khái niệm nhân quyền sẽ ngày càng trở nên phức tạp hơn khi “thế giới” của học sinh ngày càng trở nên lớn hơn. Phạm vi bản thân, gia đình, cộng đồng, đất nước, khu vực và thế giới sẽ tương ứng với từng năm học. Cấp tiểu học có thể nghiên cứu các bối cảnh từ bản thân tới đất nước, trong khi đó cấp trung học cơ sở có thể nghiên cứu nốt phần còn lại.

Hướng dẫn chung thể hiện ở chỗ các vấn đề đặt ra phải thích hợp với mức độ phát triển và hiểu biết của học sinh. Có thể có những nhận thức khác nhau về những vấn đề liên quan đối với nhiều phạm vi khác nhau. Các vấn đề cũng có thể có những điểm tương đồng trong một chừng mực nào đó. Chẳng hạn, vấn đề phát triển và môi trường có thể thích hợp với bối cảnh cộng đồng, cũng như đất nước và khu vực. Việc xác định vấn đề phần lớn phụ thuộc vào quyết định của những người tham gia xây dựng khung chương trình giảng dạy về nhân quyền.

Các giá trị cốt lõi là bộ giá trị hiện hữu mà chương trình học quy định đối với học sinh. Những giá trị này có thể được rút ra từ môn Đạo đức học, Giáo dục công dân và các môn học liên quan khác trong chương trình học. Việc xác định những giá trị này có ý nghĩa quan trọng trong việc gắn khung chương trình giảng dạy nhân quyền với chương trình học chung. Những giá trị đó có thể tương đồng với các giá trị văn hóa, xã hội, tôn giáo của các nước ở Đông Nam Á.

Do đó, khung chương trình giảng dạy nhân quyền là một phương tiện lập kế hoạch cho toàn bộ chương trình giáo dục nhân quyền ở các trường tiểu học và trung học cơ sở. Nó hướng dẫn cách đưa các khái niệm nhân quyền vào mỗi cấp lớp nhằm giúp các giáo viên và cán bộ quản lý trường học có cái nhìn toàn cảnh về cách dạy các khái niệm nhân quyền trong chương trình học hiện hành.

Một khung chương trình dạy nhân quyền hoàn chỉnh hơn có thể

gồm cả một danh sách môn học tương ứng liên quan đến các vấn đề đặt ra, các khái niệm nhân quyền và các giá trị cốt lõi ở từng cấp lớp.

Sau khi hoàn chỉnh xong khung chương trình giảng dạy nhân quyền, công việc tiếp theo sẽ là biên soạn giáo án nhân quyền.

Để giáo dục nhân quyền phù hợp với cuộc sống hàng ngày của học sinh, bước đầu tiên trong công tác biên soạn giáo án là xác định các vấn đề ít nhiều là mối quan tâm của học sinh. Câu hỏi đặt ra là: những vấn đề nào mà học sinh thường hoặc có thể phải đối mặt trong cuộc sống hàng ngày? Câu trả lời khác nhau theo từng cấp lớp, theo từng trường học, theo từng hoàn cảnh của mỗi học sinh. Do đó, các vấn đề nêu ra trong giáo án nhân quyền là cực kì khác nhau về cấp độ.

Từ bối cảnh của quốc gia, câu hỏi này có thể được trả lời thông qua việc nhìn lại các vấn đề hiện tại mà đất nước đang phải đối mặt. Câu trả lời có thể liên quan tới các vấn đề từ nghèo đói, tới lạm dụng ma túy, tới tình trạng bạo lực trong gia đình.

Trong suốt Hội thảo SEA, các đại biểu của sáu nước Đông Nam Á đã tìm ra một số vấn đề chung như: lạm dụng trẻ em (trong đó có lao động trẻ em), phân biệt đối xử dựa vào sắc tộc, giới và vị trí kinh tế, bạo lực trong gia đình, lạm dụng ma túy, suy thoái môi trường, các vấn đề y tế, và nghèo đói. Trong một phạm vi lớn, các vấn đề này phản ánh tình hình thực tế của các địa phương và của các quốc gia ở Đông Nam Á. Những vấn đề này cũng cho thấy điểm chung trong một số vấn đề quan tâm của các chương trình giáo dục nhân quyền ở các trường học Đông Nam Á.

Bộ phận thứ hai của việc biên soạn là mối liên hệ với chương trình học hiện hành. Cần phải đảm bảo rằng nội dung của giáo án đều gắn với các môn học trong chương trình học và góp phần vào

việc giảng dạy các môn học liên quan.

Trong khi các vấn đề nhân quyền nói chung đều được xem là thích hợp với các môn khoa học xã hội (Lịch sử, Ngôn ngữ, Xã hội học, Đạo đức học và Kinh tế học), giờ đây lại đang có một xu hướng sử dụng toán học, và các môn khoa học tự nhiên cho việc biên soạn giáo án nhân quyền. Do vậy, các giáo án có thể bao trùm tất cả các môn học, kể cả môn Giáo dục thể chất trong chương trình học.

Trong suốt Hội thảo SEA, đại biểu của một nước đã đưa cả các môn Sinh vật, Sức khỏe và Khoa học vào trong giáo án nhân quyền của họ.

Các hoạt động ngoại khoá cũng được đề cập trong khi vận dụng khái niệm nhân quyền đã được học trên lớp. Vì thế, những hoạt động đó là một phần trong các giáo án nhân quyền.

Những giá trị cốt lõi thích hợp được xác định trong khung chương trình giảng dạy nhân quyền đều được đề cập trong cuốn giáo án này. Những giá trị đó được giả định là có trong nội dung các môn học của chương trình học. Việc xác định các giá trị cốt lõi liên quan nhằm tăng cường mối liên hệ giữa giáo án nhân quyền với chương trình học. Việc thảo luận các vấn đề và khái niệm nhân quyền liên quan sẽ trở nên dễ dàng hơn đối với các giáo viên khi chúng được liên hệ với các giá trị nằm trong từng môn học.

### **Quá trình đánh giá và biên tập cấp khu vực**

Nhằm đảm bảo chất lượng, tính thích ứng và việc sử dụng rộng rãi hơn ở các nước Đông Nam Á, một nhóm Đánh giá và Biên tập Khu vực đã được thành lập để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- a. Hoàn tất bộ giáo án và các tài liệu khác đã in trong cuốn sách này;
- b. Đánh giá và biên tập bản thảo các giáo án với tư cách là nhóm biên tập;
- c. Lập kế hoạch phát hành sách tới các nhà giáo dục các trường

phổ thông Đông Nam Á.

Nhóm Đánh giá và Biên tập đã nhất trí thông qua những tư tưởng chỉ đạo sau đây:

### **1. Khung chương trình giảng dạy**

Khung chương trình giảng dạy nhân quyền cơ bản dành cho các trường tiểu học và trung học cơ sở được thông qua tại Hội thảo SEA đã được nhóm Đánh giá và Biên tập sử dụng khi rà soát lại các giáo án. Những giáo án này dành cho cấp tiểu học và trung học cơ sở. Ở mỗi cấp học, chúng được phân loại cụ thể hơn từ thấp đến cao. Do đó, đối với cấp tiểu học, có giáo án cho cả các lớp đầu và cuối cấp. Ở cấp trung học cơ sở cũng tương tự. Hệ thống này tạo ra sự linh hoạt trong việc sử dụng các giáo án ở mỗi cấp. Việc sử dụng giáo án khác nhau tùy theo sự xác định của mỗi nước ở mỗi cấp học. Nhóm Đánh giá và Biên tập cũng nhận thấy có thể được sử dụng một số giáo án ở cả cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở.

### **2. Cấu trúc giáo án**

Cấu trúc giáo án được thông qua tại Hội thảo SEA đã được dùng để đánh giá và biên tập các bản thảo. Giáo án được xây dựng theo cách tiếp cận 4A (Hoạt động - Activity, Phân tích - Analysis, Trích dẫn - Abstraction và Vận dụng - Application). Tuy nhiên, đối với những giáo án cấp tiểu học, các phần Hoạt động, Phân tích và Trích dẫn không được đưa vào để giúp đơn giản hoá nội dung.

Cấu trúc giáo án cuối cùng có thêm một số phần để làm sáng tỏ hơn những vấn đề và khái niệm nhân quyền (xem Phụ lục 1).

Ở phần đầu giáo án có phần Lưu ý giải thích ngắn gọn những vấn đề cũng như các quyền con người có liên quan. Phần Lưu ý này



nhấn mạnh tầm quan trọng và tính thích hợp của những vấn đề và quyền đó đối với học sinh. Ngoài phần lưu ý ở cuối giáo án còn có phần giải thích thêm hay các thông tin về các quyền con người có liên quan.

Nhóm Đánh giá và Biên tập đảm bảo rằng các phần khác nhau của giáo án đều nhất quán với nhau.

### **3. Vấn đề nêu ra trong giáo án**

Những vấn đề trong giáo án đều được xác định thông qua việc sử dụng các khung chương trình giảng dạy nhân quyền tại Hội thảo SEA. Những vấn đề chung trong khung chương trình giảng dạy nhân quyền của sáu nước đã được đưa vào cùng với các vấn đề được xem là thích hợp chung với tiểu vùng này.

Mỗi giáo án tập trung vào một vấn đề duy nhất liên quan nhiều đến một khái niệm nhân quyền.

### **4. Khái niệm nhân quyền**

Những khái niệm nhân quyền được trình bày dưới dạng a) các điều khoản gốc của các công cụ nhân quyền quốc tế (đã được đưa vào danh sách nguồn tài liệu của giáo án), b) dưới dạng đơn giản, tóm tắt trong phần Trích dẫn, và trong một số trường hợp nhất định là dưới dạng c) chú ý cuối cùng của giáo án. Để làm cho các khái niệm nhân quyền thích hợp với hệ thống luật pháp trong nước, các điều khoản trong hiến pháp và luật của quốc gia nói chung cũng được đề cập trong giáo án. Giáo viên có thể sử dụng thêm các luật liên quan của địa phương khi giảng.

Các giáo án tập trung vào hai tài liệu nhân quyền chủ yếu - đó là Tuyên ngôn về Nhân quyền của Liên hợp quốc và Công ước về Quyền trẻ em. Các tài liệu nhân quyền khác cũng được đề cập tới

trong một số giáo án.

### **5. Tính chất của các giáo án**

Nói chung, các giáo án đều phù hợp với bối cảnh Đông Nam Á và linh hoạt đối với việc sử dụng trong chương trình học của các trường, và điều kiện giáo dục của các quốc gia. Những câu chuyện, những trích dẫn và những lời tuyên bố trong giáo án đều được viết theo thuật ngữ phổ thông để thích ứng với tất cả các nước Đông Nam Á. Chúng cũng sử dụng ngôn ngữ đơn giản.

Chúng thích hợp với các buổi học đơn lẻ, mỗi buổi kéo dài 40 - 50 phút. Độ dài thời gian cho mỗi bài được quyết định khác nhau ở từng nước.

### **6. Các tác giả**

Nhằm giúp giáo án thích ứng với bất kỳ một nước Đông Nam Á nào, tên của các tác giả và tên nước của họ không được nêu lên trong các giáo án. Danh sách các tác giả (những đại biểu Hội thảo SEA) được in trong các phần Phụ lục của cuốn sách này.

Nhóm Đánh giá và Biên tập đã làm việc tích cực để phản ánh những ý tưởng đó trong cuốn sách này.

Việc kiểm định các giáo án nhân quyền này là trách nhiệm của giáo viên khi sử dụng trên lớp. Do chúng là tài liệu hướng dẫn nên chúng tôi mong giáo viên sẽ cải tiến chúng cho phù hợp với tình huống thực. Khi đó, cuốn sách này sẽ đạt được mục đích của mình.

## CẤU TRÚC GIÁO ÁN NHÂN QUYỀN

1. Chú giải: *Giải thích nội dung giáo án*
  2. Tựa đề: *(chủ đề, cấp lớp, môn học, khái niệm nhân quyền, thời gian)*
  3. Mục đích: *Học nhân quyền là mục đích cuối cùng.*
  4. Các nguồn tài liệu: *Trích dẫn các điều khoản nhân quyền cụ thể đã có trong cuốn sách này.*
  5. Tài liệu: *Được liệt kê riêng*
  6. Quy trình giảng dạy:
    - a. Mở bài: *Các thông tin ngắn dẫn tới phần Hoạt động (bài hát, trích dẫn, lời tuyên bố, câu hỏi,...)*
    - b. Hoạt động: *Nhiệm vụ, bài tập cho người tham gia liên quan đến vấn đề nhân quyền và chủ đề của môn học.*
- Các nhiệm vụ, bài tập phải bao gồm các yếu tố sau đây:
- |  |                          |
|--|--------------------------|
| <Nội dung>                               | <Quá trình>              |
| Vấn đề quan tâm (Các giá trị, thái độ) : | Phân tích                |
| Mục tiêu (Kiến thức) :                   | Phân tích                |
| Quan niệm (Kiến thức) :                  | Trích dẫn, khái quát hóa |
| Đóng góp (Kĩ năng) :                     | Bài tập vận dụng         |
- c. Kết luận: *Tóm tắt lại thông điệp của giáo án.*
  7. Bài tập: *Đây là phần tự chọn của giáo án.*
  8. Đánh giá: *Những gợi ý về cách đánh giá toàn bộ quá trình, liên quan tới các khía cạnh khác nhau của các giáo án.*
  9. Các chú ý về chủ đề:

*Các thông tin thêm về khái niệm nhân quyền đã được bàn trong giáo án.*

## GIÁO ÁN NHÂN QUYỀN DÀNH CHO CẤP TIỂU HỌC

(Vấn đề nhân quyền nêu ra trong giáo án - giới thiệu về tầm quan trọng của vấn đề nhân quyền trong giáo án)

Chủ đề :  
Cấp học : Cấp tiểu học  
Môn học :  
Khái niệm nhân quyền :  
Thời gian : Một buổi

## I. MỤC ĐÍCH

## II. CÁC NGUỒN TÀI LIÊU

### III TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

- A. Mở bài
- B. Thân bài
- C. Kết luận

#### IV. ĐÁNH GIÁ

## Chú ý về khái niệm nhân quyền

**Phụ lục 3**  
**GIÁO ÁN NHÂN QUYỀN**  
**CHO CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ**

(Vấn đề nhân quyền nêu ra trong giáo án - giới thiệu về tầm quan trọng của vấn đề nhân quyền trong giáo án)

Chủ đề :

Cấp học : Cấp trung học cơ sở

Môn học

Khái niệm nhân quyền :

Thời gian : Một buổi

**I. MỤC ĐÍCH**

**II. CÁC NGUỒN TÀI LIỆU**

**III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY**

**A. Mở bài**

**B. Thân bài**

1. Hoạt động
2. Phân tích
3. Trích dẫn
4. Bài tập vận dụng
5. Kết luận

**IV. ĐÁNH GIÁ**

**V. BÀI TẬP**

Các lưu ý về các khái niệm nhân quyền

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÂN QUYỀN CỦA CÁC NƯỚC**

- Căm-pu-chia
- In-đô-nê-xia
- Ma-lai-xia
- Phi-lip-pin
- Thái Lan
- Việt Nam

**Cam-pu-chia**

j	Chương trình giảng dạy HR	Các vấn đề	Khái niệm HR	Giá trị cốt lõi
7	Bản thân	-Khái niệm phát triển -Quyền và sự tôn trọng người khác -Vi phạm nhân quyền -Giải quyết các tình huống khó khăn	-Quyền trẻ em -Quyền được học tập -Quyền được phát triển năng lực cá nhân -Quyền riêng tư	-Bình đẳng -Yêu thương -Tự lực cánh sinh -Trách nhiệm -Lòng tự trọng
8	Những người khác	-Quan hệ giữa con người với con người -Sự phân biệt đối xử -Hạnh kiểm đạo đức -Sự quan tâm chia sẻ	-Không phân biệt đối xử -Bình đẳng -Quyền không bị phân biệt đối xử -Hành động trên tinh thần anh chị em -Quyền được sống trong một xã hội trật tự an toàn -Bình đẳng về giới	-Loài người -Lịch sự nhã nhặn -Chân thành -Nhân đạo -Chia sẻ

9	Cộng đồng	-Quyền và trách nhiệm -Phát triển -Môi trường -Tôn trọng luật pháp	-Quyền tham gia -Các quyền xã hội -Quyền kinh tế -Đưa ra các quyết định công bằng	-Sự tham gia -Sáng tạo -Trách nhiệm -Tôn trọng luật pháp
10	Đất nước	-Nghèo đói -Bất ổn -Quyền và trách nhiệm của quốc gia -Sự đoàn kết	-Quyền xã hội -Quyền dân sự -Quyền chính trị	-Lòng yêu nước -Hợp tác -Trách nhiệm -Tôn trọng pháp luật
11		-Văn hoá và quyền con người -Hàn gắn vết thương cho các nạn nhân bị vi phạm nhân quyền	-Quyền tự do tôn giáo -Quyền tự do ngôn luận -Bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ	-Tận tâm -Lương thiện -Trách nhiệm -Ngăn nắp
12	Khu vực và thế giới	-Khu vực hoá -Toàn cầu hoá	-Quyền được sống trong một xã hội công bằng và theo đúng trật tự quốc tế -Bổn phận với cộng đồng và giới hạn các quyền -Không được có những hành động đi ngược lại quyền lợi theo UDHR	-Trách nhiệm -Cởi mở, không thành kiến -Hợp tác tôn trọng và yêu lao động

## In-đô-nê-xia

Cấp lớp	Chương trình giảng dạy HR	Các vấn đề	Khái niệm HR	Giá trị cốt lõi
1	Bản thân	-Suy dinh dưỡng -Cha mẹ thờ ơ	-Quyền sống -Quyền sức khoẻ -Quyền được bảo vệ	-Tình yêu và sự quan tâm -Gia đình và xã hội bảo vệ
2	Gia đình	-Nạn bạo lực trong gia đình với phụ nữ và trẻ em -Nhục hình trong gia đình -Tỉ lệ tử vong trẻ em cao	-Quyền được bảo vệ -Quyền có sự giúp đỡ của y tế	-Đối xử và quan tâm -Nhân phẩm
3	Cộng đồng	-Tình hình xung đột -Xung đột giữa các dân tộc thiểu số	-Quyền của người bản xứ -Quyền được tham gia vào quá trình phát triển bền vững	-Công bằng và bình đẳng -Tính đa dạng

4	Đất nước	-Thiên tai hàng năm -Thiếu đào tạo giáo dục cho người bản xứ	-Quyền được sống -Quyền được sống trong xã hội ổn định -Quyền được học tập -Quyền của người bản xứ	-Môi trường tự nhiên tốt -Thương yêu -Quan tâm -Nhân phẩm
5	Khu vực	-Ô nhiễm môi trường do thuốc trừ sâu nhân tạo -Tình trạng nghèo đói lan tràn ở khu vực thành thị và nông thôn	-Quyền có môi trường có chất lượng -Quyền có sức khoẻ tốt -Quyền có nhu cầu cơ bản -Quyền được làm việc	-Môi trường tự nhiên tốt -Thương yêu -Quan tâm -Nhân phẩm
6	Thế giới	-Phân biệt chủng tộc -Phân biệt giới tính	-Quyền được đối xử công bằng -Nam nữ bình quyền -Quyền phụ nữ	-Tính thống nhất trong đa dạng -Bình đẳng -Công bằng

### Ma-lai-xia

Cấp lớp	Chương trình giảng dạy HR	Các vấn đề	Khái niệm HR	Giá trị cốt lõi
Phổ thông trung học	Cộng đồng	-Quyền tự do ngôn luận -Văn hoá sợ hãi -Tự kiểm duyệt -Tư duy không phê phán	-Tự do ngôn luận và tự do biểu đạt -Quyền được phổ biến thông tin -Tự do hội họp	-Tư duy phê phán -Năng động -Suy nghĩ đúng đắn -Dũng cảm -Ham học hỏi
10	Đất nước	-Phân biệt chủng tộc -Q.hệ căng thẳng về chủng tộc -Chính sách của nhà nước về việc ủng hộ một bộ phận dân chúng -Thành kiến văn hoá -Sự thiên vị về giới -Phân biệt giai cấp -Thiên vị theo khu vực	-Không phân biệt đối xử -Bình đẳng -Quyền không bị phân biệt đối xử -Bình đẳng về giới -Bình đẳng về cơ hội	-Tôn trọng -Thấu hiểu -Khoan dung -Bình đẳng -Đoàn kết
11	Khu vực và thế giới	-Văn hoá áp bức, pháp luật và chính phủ	-Quyền tự do tôn giáo -Quyền tự do hưởng thụ văn hoá	-Chú ý đến các giá trị bản xứ & toàn cầu nổi trội

### Phi-lip-pin

Cấp lớp	Chương trình giảng dạy HR	Các vấn đề	Khái niệm HR	Giá trị cốt lõi
1	Bản thân	-Lạm dụng tình dục	-Quyền được quan tâm chăm sóc đặc biệt -Quyền được bảo vệ khỏi lạm dụng thân thể	-Sự tự tôn -Tự trọng -Nhân phẩm
2	Gia đình	-Cha mẹ thờ ơ -Gia đình tan vỡ	-Quyền được cha mẹ dìu dắt	Yêu thương
3	Cộng đồng	Môi trường suy thoái (ví dụ vứt rác không đúng nơi quy định) -Dân nghèo ở đô thị thiếu thốn nhà cửa	-Quyền có môi trường có chất lượng -Quyền có cuộc sống no đủ -Quyền được sở hữu tài sản	-Sạch sẽ -Sống khoẻ mạnh -Sự riêng tư -Quyền tài sản
4	Đất nước	-Sự man rợ của cảnh sát - Thiếu giúp đỡ với người nghèo -Bảo tồn văn hóa truyền thống	-Quyền được đối xử có tình người -Quyền ổn định xã hội -Quyền được bảo tồn văn hoá	-Nhân phẩm -Quan tâm đến người khác -Quan tâm và bảo vệ -Tôn trọng di sản -Đa dạng văn hoá

5	Khu vực	-Lạm dụng ma túy  -Lao động trẻ em  -Mại dâm trẻ em	-Quyền được bảo vệ khỏi việc sử dụng ma túy bất hợp pháp  -Quyền nghỉ ngơi giải trí  -Quyền được bảo vệ trước các hình thức bóc lột	-Sự quan tâm và bảo vệ  -Lo ngại về sự an toàn của trẻ em
6	Toàn cầu	-Môi trường suy thoái (ví dụ sự suy yếu của tầng ozone, hiện tượng trái đất ấm dần lên)	-Quyền có 1 môi trường đảm bảo	-Sự an toàn và bảo vệ  -Sống khoẻ

## Phi-lip-pin

Cấp năm	Chương trình giảng dạy HR	Các vấn đề	Khái niệm HR	Giá trị cốt lõi
1	Cộng đồng	-Tắc nghẽn giao thông ở khu vực đô thị -Mua phiếu bầu -Tranh giành đất đai -Tranh chấp lao động	-Quyền an toàn trật tự công cộng -Quyền bầu cử -Quyền sở hữu tài sản -Quyền được làm việc	-Trật tự công cộng -An toàn -Công lý -Quan tâm đến người khác -Công bằng
2	Đất nước	-Hối lộ và tham nhũng - Nghèo nàn và các dịch vụ xã hội không đầy đủ	-Quyền có chính phủ tốt -Quyền được an toàn về mặt xã hội	-Trung thực -Trách nhiệm -Giúp đỡ kịp thời
3	Khu vực	-Khoảng cách giàu nghèo vẫn tiếp diễn -Chế độ gia đình trị -Thất nghiệp	-Quyền bình đẳng -Quyền có một chính phủ tốt -Quyền được làm việc -Quyền có việc làm tốt	-Bình đẳng -Công bằng -Vô tư, không thiên vị -Bình đẳng -Sống có ích -Sống hiệu quả
4	Toàn cầu	-Tù nhân chính trị -Phân biệt sắc tộc -Chủ nghĩa khủng bố ở châu Á	-Tự do -Quyền được hưởng thủ tục đúng pháp luật -Không phân biệt đối xử -Quyền an toàn cá nhân -Quyền được bào chữa tại toà án	-Tự do -Công bằng -Thống nhất trong đa dạng -Khoan dung -An toàn -Hoà bình -Công lý -An toàn -Hoà bình - Công lý

## Thái Lan

Cấp lớp	Chương trình giảng dạy HR	Các vấn đề	Khái niệm HR	Giá trị cốt lõi
Phổ thông cơ sở	Cộng đồng	-Môi trường  -Sự tự tôn và bản sắc	-Quyền tham gia vào quá trình phát triển bền vững -Quyền bảo vệ và khuyến khích văn hoá truyền thống	-Trách nhiệm và mối quan tâm về môi trường sinh thái -Bản sắc văn hóa
	Đất nước	- Giới  - Lao động trẻ em và bóc lột lao động trẻ em  -Mại dâm trẻ em	-Thừa nhận và tôn trọng sự khác nhau về giới -Quyền được bảo vệ khỏi các hành vi thô bạo và bóc lột -Quyền không bị ép buộc phải làm các công việc ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất và tinh thần -Quyền được bảo vệ khỏi các hành vi thô bạo và sự bóc lột và không bị ép buộc phải làm các công việc ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất và tinh thần	-Bình đẳng  -Tự do  -Tự do
Phổ thông trung học	Khu vực	-Lạm dụng ma túy	-Quyền được quan tâm và chăm sóc đặc biệt	-Tự do và phẩm giá
	Thế giới	-Môi trường  -Phân biệt	-Quyền tham gia vào quá trình phát triển bền vững. -Quyền được có hoà bình, tình yêu, hiểu biết, khoan dung tình bạn giữa con người	-Trách nhiệm, sự quan tâm đến môi trường sinh thái -Tôn trọng lẫn nhau -Thống nhất trong đa dạng

## Việt Nam

Hệ thống giáo dục: 5 + 4 + 3 = 12 năm

GD quyền con người được tích hợp trong các môn học: Giáo dục công dân, Sinh học, Địa lý, Lịch sử

Cấp lớp	Chương trình giảng dạy HR	Các vấn đề	Khái niệm HR	Giá trị cốt lõi
1	Cộng đồng	1. Môi trường suy thoái.  2. Các nhóm văn hoá xã hội của người bản xứ	-Quyền được có môi trường sạch  -Quyền được có phong tục tập quán	-Hoà hợp với thiên nhiên (quan tâm, tôn trọng và bảo vệ môi trường) -Tự tôn -Bản sắc -Kính trọng người khác
2	Đất nước	1. Lao động trẻ em  2. Trẻ em suy dinh dưỡng  3. Không có hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ  4. Lạm dụng ma túy  5. Ý thức tôn trọng pháp luật	-Quyền trẻ em  -Quyền được học tập -Quyền được bảo vệ -Quyền được vui chơi giải trí  -Quyền được sống -Quyền được đảm bảo an ninh xã hội	-Yêu thương chăm sóc trẻ thiệt thòi      -Tôn trọng cuộc sống -Tôn trọng pháp luật

3 và 4	-Khu vực và thế giới	1. Việt Nam vẫn chưa hội nhập đầy đủ vào cộng đồng khu vực và thế giới  2. Bảo tồn di sản quốc gia và bản sắc văn hoá dân tộc	-Quyền được tham gia đầy đủ và phát triển -Quyền hoà bình và phát triển -Quyền được đảm bảo an ninh -Quyền phát triển bền vững  -Quyền bảo tồn bản sắc văn hoá và di sản	-Tôn trọng lẫn nhau, chia sẻ hợp tác để cùng phát triển, hoà bình và hoà hợp. -Phát triển bền vững -Hiểu biết lẫn nhau  -Tự trọng -Tự tôn -Hiểu biết lẫn nhau
--------	----------------------	---	---	---





# NHỮNG BÀI GIẢNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

**\*CẤP TIỂU HỌC**

## **Quyền được sống trong một môi trường trong sạch**

*Mỗi người đều có quyền có mức sống thích hợp để duy trì sức khoẻ tốt và hạnh phúc. Môi trường của chúng ta cần phải sạch nhờ đó tất cả chúng ta đều có thể sống khoẻ. Môi trường không thể tự ô nhiễm mà chính con người đã làm ô nhiễm môi trường. Tất cả chúng ta phải góp phần mình vào việc gìn giữ cho môi trường được trong lành.*

**Chủ đề** : Sống trong một môi trường sạch

**Cấp học** : Tiểu học (lớp 1-3)

**Khái niệm nhân quyền** : Quyền có môi trường trong sạch

**Thời gian** : Một tiết

### **I. MỤC ĐÍCH**

Học sinh có thể:

- Liệt kê cách gìn giữ môi trường sạch.
- Nêu tầm quan trọng của việc sống trong một môi trường sạch
- Phát biểu về quyền được sống trong một môi trường sạch.

### **II. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY**

Theo điều 25 của Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền: *mọi người đều có quyền được hưởng một mức sống phù hợp với sức khoẻ và hạnh phúc của bản thân và gia đình mình, bao gồm thức ăn, quần áo, nhà cửa, chăm sóc y tế và các dịch vụ xã hội cần thiết khác và quyền được bảo trợ trong trường hợp thất nghiệp, đau ốm,*

*tàn tật, goá bụa, tuổi già và không có kế sinh nhai trong hoàn cảnh vượt xa tầm kiểm soát của người đó.*

- 3 bức tranh:

Bức tranh 1: thùng rác không đầy nhưng nhúc ruồi bâu

Bức tranh 2: thùng rác được đầy kín ở một nơi sạch sẽ

Bức tranh 3: rác nổi trên sông

### **III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY**

#### **A. Đặt vấn đề**

Giáo viên yêu cầu học sinh hát hoặc nghe một bài hát bài thơ về sự quan trọng của môi trường sạch, ví dụ như bài "Chú bé trên dòng sông Pasig". Hoặc học sinh có thể chọn bài "Trái đất này là của chúng mình" hoặc bất kì bài hát nào về môi trường.

Giáo viên yêu cầu học sinh giải thích ý nghĩa bài hát/bài thơ đó.

#### **B. Giải quyết vấn đề**

Giáo viên đưa ra bức tranh 1 và 2. Giáo viên hỏi học sinh cách xử rác nào đúng và giải thích

Giáo viên đưa ra bức tranh 3 và yêu cầu học sinh miêu tả những gì các em nhìn thấy và giải thích tại sao điều đó xảy ra

Giáo viên đưa ra những câu hỏi sau đây:

- Ai đã làm cho môi trường ô nhiễm?
- Điều gì xảy ra khi mọi người vứt rác xuống sông?
- Điều gì xảy ra khi mọi người vứt rác khắp mọi nơi?

d. Điều gì xảy ra với sức khỏe của con người nếu môi trường bẩn?

e. Cần phải làm gì để giữ cho môi trường sạch?

f. Làm thế nào mà chúng ta có thể làm sạch môi trường bị ô nhiễm (như là việc sông bị ô nhiễm hay là sân chơi bị xả giấy hoặc rác)? Đưa ra các gợi ý

Giáo viên viết câu trả lời lên bảng

#### **Gợi ý trả lời**

a. Con người xả rác khắp nơi làm ô nhiễm môi trường.

b. Con người dễ bị ốm nếu môi trường không sạch.

c. Con người muốn giữ gìn sức khỏe tốt cần nhất trí làm sạch môi trường.

d. Mọi người nên cùng làm việc để quản lí khu vực đổ rác và làm sạch những nơi bị bẩn.

Dựa trên những câu trả lời của học sinh, giáo viên giải thích quyền được sống trong một môi trường sạch theo điều 25 của Tuyên ngôn về nhân quyền trên toàn thế giới. Giáo viên nhấn mạnh quyền được sống trong một môi trường sạch để bảo vệ sự thịnh vượng của mọi người

Sau đó giáo viên đưa ra các tóm tắt sau:

Chúng ta cần phải có môi trường sạch sẽ cho sức khỏe của bản thân. Chúng ta có quyền có một môi trường sạch. Chúng ta hi vọng mọi người tôn trọng quyền này bằng việc không làm ô nhiễm môi trường.

Giáo viên hỏi học sinh nếu nhìn thấy các bạn khác vứt rác ở trong khu trường học, bạn sẽ nói gì với họ?

#### **C. Kết thúc**

Giáo viên gợi ý học sinh sưu tập các khẩu hiệu về môi trường sạch và dán ở trong lớp học hoặc trên các bản tin ở trường.

#### **III. ĐÁNH GIÁ**

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc danh sách ở phía dưới và tích (v) nếu đó là cách để giữ cho môi trường xung quanh sạch và nếu không thì tích (x)

1. Cho rác vào thùng và đảm bảo rằng nó đã được che đậy cẩn thận.
2. Làm sạch cống và đảm bảo cống không bị tắc.
3. Khuyến mọi người không xả rác.
4. Vứt rác khắp nơi.
5. Đốt rác.
6. Làm sạch môi trường là quyền của tôi.

#### **IV. BÀI TẬP**

Giáo viên yêu cầu học viên lập danh sách các dự án của chính phủ khuyến khích làm sạch và xanh môi trường. Giáo viên yêu cầu học sinh làm báo cáo về vấn đề này trước lớp trong buổi học tới.

#### **Quyền được nghỉ ngơi và giải trí**

*Nghỉ ngơi và giải trí là hết sức cần thiết đối với đời sống tinh thần và thể chất của trẻ. Trẻ có thể bị căng thẳng nếu bị buộc phải học bài suốt ngày để đạt kết quả tốt trong các kì thi và ít được*

*ngủ ngơi. Sự căng thẳng có thể ảnh hưởng đến sức khoẻ tinh thần của trẻ. Trẻ nhỏ nên tham gia vào các hoạt động thể chất như chạy, nhảy, cưỡi trâu và trèo cây để phát triển cơ bắp và tăng sức chịu đựng.*

**Chủ đề :** Em có quyền được giải trí

**Cấp học :** Tiểu học ( lớp 1-3).

**Môn học :** Các môn Nghiên cứu xã hội, Giáo dục thể chất và sức khoẻ.

**Khái niệm quyền con người:** Quyền được nghỉ ngơi và giải trí

**Thời gian :** Một tiết

## I. MỤC ĐÍCH

Học sinh sẽ:

- Giải thích tầm quan trọng của việc nghỉ ngơi đối với sự phát triển của trẻ.
- Chọn các hoạt động giải trí phù hợp.
- Giải thích tầm quan trọng của việc học và nghỉ ngơi hợp lí.
- Chỉ ra rằng trẻ em có quyền nghỉ ngơi và giải trí.

## II. TÀI LIỆU

- Theo điều 31(1) của Công ước về quyền trẻ em,

*Các quốc gia dân tộc công nhận trẻ em có quyền được nghỉ ngơi và giải trí, quyền được tham gia vào các trò chơi và các hoạt động giải trí phù hợp với lứa tuổi và quyền được tự do tham gia vào đời sống văn hoá và nghệ thuật.*

- Đưa ra 3 bức tranh:

Bức tranh thứ nhất : Một đứa trẻ dán mắt vào vô tuyến (nếu có thể thì sử dụng hình một đứa trẻ hơi mập).

Bức tranh thứ hai : Trẻ em đang chơi trên cánh đồng/ vỉa hè/ vườn hoa

Bức tranh thứ ba : Một đứa trẻ trông mệt mỏi, buồn ngủ đang cố gắng viết bài khi bị cha mẹ mắng.

## III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

### A. Đặt vấn đề

Giáo viên hỏi học sinh, các em thường làm gì trong giờ giải lao?

Giáo viên liệt kê các câu trả lời lên bảng.

### B. Giải quyết vấn đề

Giáo viên chỉ bức tranh thứ nhất, thứ hai và hỏi: trong bức tranh có những ai? Họ đang làm gì? Bức tranh nói gì với chúng ta?

*Các câu trả lời gợi ý:*

Trẻ em vui chơi.

Trẻ em nghỉ ngơi.

Trẻ em có những sở thích riêng.

Trẻ em có thể làm những gì chúng thích để vui chơi và giải trí.

Giáo viên hỏi học sinh vì sao trẻ em cần được nghỉ ngơi và vui chơi giải trí.

Giáo viên viết câu trả lời của học sinh lên bảng.

Giáo viên dùng các câu trả lời đó để tổng kết ý kiến về quyền được nghỉ ngơi và giải trí:

*Mọi trẻ em đều có quyền vui chơi, nghỉ ngơi và tham gia vào*

*các hoạt động văn hoá. Quyển này rất quan trọng đối với sức khoẻ tinh thần và thể chất của trẻ. Học tập, vui chơi và nghỉ ngơi hợp lí đều là vì lợi ích tốt nhất của trẻ.*

Giáo viên đặt bức tranh thứ nhất cạnh bức thứ hai. Giáo viên hỏi học sinh thích hoạt động nào trong số hai hoạt động trên và tại sao. Giáo viên liệt kê các lí do của học sinh lên bảng.

Giáo viên đưa ra những câu hỏi sau để giúp học sinh hiểu rằng các em cần luyện tập cơ bắp để trở nên khoẻ mạnh:

- a) Ai khoẻ hơn? Những đứa trẻ thích xem ti vi và không tham gia vào các hoạt động thể chất thiết thực (giống đứa trẻ trong bức tranh thứ nhất) có khoẻ hơn những đứa trẻ vui chơi ở ngoài sân (như trong bức tranh thứ hai) không?
- b) Tại sao những em nhỏ chạy, nhảy và tham gia vào các hoạt động thể chất thiết thực thì khoẻ mạnh hơn những trẻ ở trong nhà và chỉ xem ti vi?

Giáo viên chỉ bức tranh thứ 3 và hỏi những câu sau để hướng dẫn học sinh rút ra kết luận là trẻ em cần được nghỉ ngơi (ngủ đủ) và khi trẻ bị buộc phải học đến mệt mỏi thì sức khoẻ của các em có thể bị ảnh hưởng.

*Câu hỏi:*

- a) Miêu tả việc đứa trẻ đang làm trong bức tranh thứ 3.
- b) Nếu trẻ thấy mệt thì bố mẹ có nên cho nghỉ ngơi không? Tại sao?
- c) Khi bạn mệt và buồn ngủ, bạn có thể làm bài tập về nhà chính xác không?
- d) Bạn có nghĩ đứa trẻ trong bức tranh thứ 3 nên được nghỉ ngơi trước khi hoàn thành bài tập về nhà không? Tại sao?

Giáo viên tổng kết các câu trả lời của học sinh:

*Trẻ em cần được nghỉ ngơi và ngủ để có cơ thể và tinh thần khoẻ mạnh. Khi trẻ em cần phải học tập hay làm việc nhà thì đó cũng vì lợi ích của trẻ mà trẻ cần được ngủ nghỉ.*

### **C. Kết luận**

Giáo viên yêu cầu học sinh hát một bài hát về vui chơi.

### **IV. ĐÁNH GIÁ**

Giáo viên ra bài tập để đánh giá mức độ hiểu bài của học sinh về sự cần thiết phải học tập chăm chỉ, vui chơi (như chạy, cưỡi trâu, đi xe đạp, trèo cây, và chơi bịt mắt bắt dê) và nghỉ ngơi. Nếu có đủ thời gian, bài tập này có thể được đưa ra trước phần kết luận. Nếu không, đây sẽ là bài tập về nhà.

Giáo viên yêu cầu học sinh đánh dấu “√”. vào chỗ trống trước những câu đúng và dấu 0 nếu câu đó sai.

1. Những trẻ chỉ xem ti vi mà không muốn ra ngoài chơi thì khoẻ mạnh.
2. Trẻ em cần có thời gian học tập và vui chơi.
3. Dù trẻ nhỏ có mệt thế nào thì chúng cũng phải hoàn thành bài tập về nhà trước khi đi ngủ.
4. Tôi nên dành tất cả thời gian của mình học tập để đạt kết quả tốt trong các kì thi và không nên lãng phí thời gian vào việc vui chơi và nghỉ ngơi.
5. Tôi phải luyện tập bằng cách chạy bộ, nhảy cao và nhảy dây để phát triển khoẻ mạnh.
6. Trẻ em phải có thời gian để vui chơi và nghỉ ngơi.

## **Quyền được chăm sóc và bảo vệ**

*Mọi trẻ em đều có quyền hưởng một mức sống phù hợp với sự phát triển về thể chất, tinh thần, tâm hồn, đạo đức và xã hội. Cha mẹ của trẻ hay những người có trách nhiệm với trẻ phải có trách nhiệm đảm bảo những điều kiện cần thiết cho sự phát triển của trẻ trong điều kiện và khả năng tài chính của mình.*

*Cha mẹ hay những người giám hộ hợp pháp của trẻ phải có trách nhiệm có thái độ phù hợp với khả năng phát triển của trẻ. Những người này nên đưa ra hướng dẫn phù hợp trong việc thực hiện trách nhiệm của mình.*

**Chủ đề : Chăm sóc và bảo vệ**

**Cấp học :** Tiểu học (lớp 1-3)

**Môn học :** Giáo dục đạo đức và các môn nghiên cứu xã hội

**Khái niệm quyền con người :** Quyền được chăm sóc và bảo vệ

**Thời gian :** Một tiết.

### **I. MỤC ĐÍCH**

Học sinh sẽ phải:

- Chỉ ra trẻ em có quyền được cha mẹ chăm sóc và bảo vệ.
- Thể hiện giá trị của sự chăm sóc và bảo vệ của cha mẹ.

Thể hiện sự biết ơn của trẻ với sự chăm sóc và bảo vệ của cha mẹ hay của những người có trách nhiệm với chúng.

### **II. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY**

Theo Điều 27(1) trong Công ước về Quyền trẻ em,

*Các quốc gia dân tộc công nhận quyền được hưởng một điều kiện sống phù hợp với sự phát triển về thể chất, tinh thần, tâm hồn, đạo đức và xã hội của trẻ.*

Theo Điều 27(2),

*Cha mẹ hay những người có trách nhiệm với trẻ phải có trách nhiệm đầu tiên trong việc bảo vệ điều kiện sống cần thiết cho sự phát triển của trẻ trong điều kiện và khả năng tài chính của mình.*

- Đưa ra hai bức tranh:

*Bức tranh thứ nhất:* Một đứa trẻ bị ngược đãi.

*Bức tranh thứ hai:* Những đứa trẻ sống trong tình yêu thương của gia đình — một gia đình hạnh phúc đang ăn cơm, vui chơi hay làm việc cùng nhau.

### **III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY**

#### **A. Đặt vấn đề**

Giáo viên đưa bức tranh thứ nhất cho học sinh và yêu cầu học sinh miêu tả nội dung bức tranh.

Hoặc giáo viên có thể yêu cầu học sinh hát một bài hát hay ngâm một bài thơ về sự yêu thương trong gia đình.

#### **B. Giải quyết vấn đề**

Giáo viên đặt bức tranh thứ nhất cạnh bức thứ hai và đưa ra các câu hỏi sau để nêu bật sự khác nhau giữa những đứa trẻ bị cha mẹ hay những người có trách nhiệm với chúng bỏ rơi hay ngược đãi với những đứa trẻ được yêu thương và bảo vệ.

a) Liệt kê sự khác nhau giữa những đứa trẻ trong bức tranh thứ nhất và thứ hai.

b) Theo bạn chuyện gì đã xảy ra với đứa trẻ trong bức tranh thứ nhất? Tại sao?

- c) Đứa trẻ trong bức tranh thứ nhất cần gì?
- d) Tại sao những đứa trẻ trong bức tranh thứ hai lại hạnh phúc?

Giáo viên viết câu trả lời lên bảng.

Giáo viên đọc truyện kể về *một đứa trẻ hạnh phúc*.

Sau khi đọc xong, giáo viên đưa ra những câu hỏi sau:

- a) Ai đang nói trong truyện?
- b) Liệt kê tất cả những gì cha mẹ làm cho cậu bé và anh chị em của cậu.
- c) Điều gì làm cho Rithy hạnh phúc?
- d) Bố mẹ bạn làm gì ở nhà?
- e) Bố mẹ bạn đã làm gì để mang lại hạnh phúc cho bạn?
- f) Nếu học sinh nói rằng bố mẹ chúng hiếm khi ở nhà hay chẳng bao giờ làm chúng hạnh phúc thì giáo viên đưa ra câu hỏi sau: Bố mẹ bạn có thể làm gì để mang lại hạnh phúc cho bạn?
- g) Rithy và anh chị của cậu đã làm gì để cha mẹ hạnh phúc? Bạn có nghĩ rằng việc Rithy và anh chị của cậu cố gắng làm cha mẹ vui lòng là một điều tốt?
- h) Bạn đã làm gì để cha mẹ vui lòng?
- i) Bạn có nghĩ rằng cha mẹ nên yêu thương và chăm sóc con cái? Tại sao?

(Chú ý: Trong trường hợp một vài học sinh không sống với (hay không còn) cha mẹ thì giáo viên không nên chỉ dùng từ “cha mẹ” mà nên sử dụng những từ “những người có trách nhiệm với trẻ” như ông bà, cô chú, anh em họ hay những người khác)

## Một đứa trẻ hạnh phúc

*Tớ là Rithy. Tớ rất hạnh phúc vì cha mẹ rất yêu anh chị em tớ. Cha mẹ rất thích kể cho anh em tớ nghe những câu chuyện cười và chúng tớ cười vui vẻ. Cha mẹ luôn lo lắng cho anh em tớ ăn và làm xong hết bài tập về nhà. Khi chúng tớ buồn vì bị điểm kém trong kì thi, cha mẹ liền ôm chúng tớ và nói: “Đừng lo lắng, lần sau con nên cố gắng nhiều hơn”.*

*Cha mẹ tớ rất bận. Cha mẹ làm việc vất vả để chúng tớ ăn mặc đầy đủ và được đến trường.*

*Chúng tớ rất may mắn có cha mẹ tốt như vậy. Chúng tớ cố gắng làm cha mẹ vui lòng bằng cách vâng lời cha mẹ, giúp đỡ cha mẹ việc nhà và học tốt.*

Dựa trên những câu trả lời của học sinh, giáo viên sẽ nói:

***Là trẻ em, các em có quyền được cha mẹ và những người có trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc và bảo vệ để phát triển cả về mặt thể chất và tinh thần.***

Giáo viên giải thích rằng trẻ em có quyền được hưởng điều kiện sống cần thiết với sự phát triển của trẻ từ cha mẹ hay những người có trách nhiệm với chúng trong điều kiện và khả năng tài chính của họ. Giáo viên nhấn mạnh rằng quyền này không có nghĩa là trẻ em có thể đòi hỏi bất kỳ cái gì chúng muốn, nhưng điều quan trọng là những gì trẻ em nhận được đều giúp phát triển về thể chất, tinh thần, tâm hồn, đạo đức và xã hội của trẻ .

## C. Kết luận

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một việc đó để chứng tỏ tấm lòng của các em đối với cha mẹ hay những người có trách nhiệm với chúng như vẽ tranh, viết những bức thư ngắn, tặng hoa hay ôm cha mẹ.

#### IV. ĐÁNH GIÁ

Yêu cầu học đưa ra ba lí do tại sao sự chăm sóc hay bảo vệ của cha mẹ hay những người có trách nhiệm với chúng lại quan trọng.

#### V. BÀI TẬP

Yêu cầu học sinh ôm cha mẹ hay những người có trách nhiệm với chúng và tặng họ những thứ chúng đã chuẩn bị (trong phần kết luận).

### **Quyền tự do kết giao**

*Khi một người hoặc phải tham gia vào một nhóm hoặc sẽ không có tư cách thành viên nữa thì lúc đó quyền tự do kết giao của người đó đã bị vi phạm. Thiếu quyền tự do kết giao sẽ dẫn đến thiếu động cơ hoàn thành công việc. Do đó học sinh phải có quyền tự lập thành nhóm riêng, đặc biệt là trong khi làm một kế hoạch gì đó.*

**Chủ đề** : Quyền tham gia

**Cấp học** : Tiểu học (lớp 1-3)

**Môn học** : Giáo dục đạo đức

**Khái niệm quyền con người** : Quyền được tự do tổ chức

**Thời gian** : Một tiết

## I. MỤC ĐÍCH

Học sinh sẽ phải:

- Miêu tả làm sao để tham gia vào một tổ chức.
- Nêu các dạng tổ chức.
- Thực hành tham gia vào công việc của nhóm.
- Giải thích tầm quan trọng của quyền tự do kết giao khi thực hiện bất kì một kế hoạch nào.

## II. TÀI LIỆU

\* Theo Điều 15 trong Công ước về Quyền trẻ em,

1. Các quốc gia dân tộc công nhận trẻ em có quyền tự do kết giao và quyền tự do hội họp trong hoà bình.

2. Không được hạn chế thực thi những quyền này ngoài những hạn chế được đặt ra cho phù hợp với luật pháp hoặc những hạn chế cần thiết trong một xã hội dân chủ vì an ninh quốc gia hay vì sự an toàn của cộng đồng, trật tự công cộng (ordre public), để bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, đạo đức hay để bảo vệ quyền lợi và tự do của người khác.

\* Tờ giấy bài tập để giáo viên đánh giá công việc của học sinh.

## III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

### A. Đặt vấn đề

Giáo viên giới thiệu bài học bằng cách yêu cầu học sinh làm bài tập sau:

*Chúng ta sẽ chơi một trò chơi tên là Hàng dài nhất. Chia thành các nhóm với 8 thành viên. Mỗi nhóm sẽ cố gắng tạo thành một hàng dài nhất có thể. Các em có thể dùng thân mình hay bất kì vật nào có để tạo thành một hàng dài nhất có thể.*



Yêu cầu học sinh đề xuất cách các em sẽ làm để phân thành các nhóm. Giáo viên viết lên bảng các đề xuất của các em và không bình luận gì. Yêu cầu các em chọn cách tốt nhất để phân thành nhóm và nhắc nhở các em là cách đó phải công bằng và khả thi. Nếu không thống nhất được khi lựa chọn thì giáo viên sẽ để các em biểu quyết cách tốt nhất.

Giáo viên dành thời gian cho học sinh phân thành nhóm. Giáo viên ra hiệu để các nhóm bắt đầu tạo thành hàng. Năm phút sau, giáo viên ra hiệu cho các nhóm dừng lại. Nhóm tạo thành hàng dài nhất sẽ thắng.

### **B. Giải quyết vấn đề**

Sau khi công bố nhóm thắng cuộc, giáo viên đưa ra những câu hỏi sau để học sinh có thể thấy được tầm quan trọng của quyền tự do kết giao.

- a) Điều gì làm em thích nhất trong trò chơi? (Giáo viên liệt kê các câu trả lời lên bảng).
- b) Tại sao nhóm đó thắng? (Giáo viên hỏi cả nhóm thắng và nhóm thua).
- c) Nếu chỉ một hoặc hai thành viên trong nhóm của em làm việc thì nhóm em có khả năng thắng không?
- d) Vai trò cụ thể của em trong nhóm là gì? (Giáo viên hỏi vài em học sinh).
- e) Em thấy thế nào nếu không được tham gia vào trò chơi?

Giáo viên cố gắng giúp học sinh thấy tầm quan trọng khi tham gia vào trò chơi và vai trò của các em trong trò chơi.

Sau khi học sinh đã trả lời, giáo viên giải thích về quyền tự do

kết giao theo điều 15 trong Công ước về Quyền trẻ em:

*Mọi người đều có quyền tổ chức thành nhóm hay tham gia vào một nhóm nào đó. Không được ép buộc hay ngăn cản bất cứ cá nhân nào tham gia vào một nhóm nào đó mà họ thích muốn. Mọi người có thể hội họp một cách hoà bình ở bất kì nơi công cộng nào để làm công việc của nhóm họ. Chừng nào không có lí do chính đáng nào để cấm nhóm họ hoạt động ở nơi công cộng thì họ hoàn toàn tự do để làm việc. Các lí do chính đáng để cấm một nhóm hoạt động là vì sự an toàn của cộng đồng, các vấn đề về sức khoẻ, đạo đức và để bảo vệ quyền tự do của người khác.*

Giáo viên giải thích rằng có rất nhiều hình thức nhóm hay tổ chức. Có thể là nhóm bạn bè, công nhân, các tổ chức sinh viên, tôn giáo và các đảng phái chính trị.

Giáo viên đưa ra kết luận:

Để công việc tập thể hiệu quả thì mọi người cần thực hiện quyền tự do kết giao. Trong một nhóm theo ý muốn, mỗi thành viên đều cảm thấy mạnh hơn, quyết tâm hơn và có nhiều quyền lợi hơn.

### **C. Kết luận**

Giáo viên đề nghị học sinh nhớ lại các tình huống hay các hoạt động mà họ tham gia (tình huống A) và các tình huống mà họ không thể tham gia (tình huống B). Giáo viên hỏi cảm xúc học sinh trong tình huống cả hai tình huống.

Từ các câu trả lời, giáo viên rút ra kết luận là việc tham gia hay có liên quan vào bất kì hoạt động nào đều đem lại hạnh phúc và sự hài lòng, tinh thần tập thể và hợp tác cũng rất có tác dụng. Giáo viên nói rằng đó chính là ý nghĩa của quyền tự do kết giao.

#### IV. VẬN DỤNG / ĐÁNH GIÁ

Giáo viên yêu cầu học sinh lập ra một kế hoạch của lớp như giữ cho trường lớp sạch sẽ, làm đẹp trường (ví dụ: trồng cây xanh trong vườn trường) hay giúp bạn cùng lớp trong hoàn cảnh khó khăn.

Giáo viên đánh giá sự tham gia của học sinh trong kế hoạch đó. Giáo viên sử dụng tờ giấy bài tập dưới đây trong các nhiệm vụ khác nhau đã được hoàn thành và chỉ định những học sinh tham gia những nhiệm vụ này. Sự đóng góp của các em có thể được đánh giá theo thang điểm 5.

Bảng đánh giá kết quả tham gia của các em trong mỗi hoạt động:

#### **Quyền được bảo vệ**

*Trẻ em có quyền được bảo vệ. Lợi ích của trẻ phải luôn được khuyến khích. Giáo viên phải biết rằng trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi việc lạm dụng ma túy và biết rằng Chính phủ phải có các biện pháp thích hợp bao gồm cả biện pháp giáo dục để bảo vệ trẻ em khỏi trở thành nạn nhân của ma túy.*

<b>Chủ đề</b>	<b>: Lạm dụng ma túy</b>
<b>Cấp học</b>	<b>: Trung học cơ sở (Lớp 6-9)</b>
<b>Môn học</b>	<b>: Các đối tượng xã hội</b>
<b>Khái niệm nhân quyền:</b>	<b>Quyền được bảo vệ chống lại việc sử dụng các ma túy cấm</b>
<b>Thời gian</b>	<b>: Một tiết</b>

#### I. MỤC ĐÍCH

Học viên sẽ phải:

- Giải thích các lí do của việc lạm dụng ma túy giữa trẻ em.
- Nhận diện các giải pháp và cách để tránh trẻ em khỏi nghiện.
- Phát biểu/đưa ra quyền được bảo vệ khỏi sử dụng trái phép các chất nicôtin và các quyền liên quan khác.

#### II. NGUỒN TƯ LIỆU

- Theo Điều 33 Công ước về Quyền trẻ em

*Các quốc gia tham gia kí kết phải thực hiện các biện pháp thích đáng bao gồm cả biện pháp pháp luật, hành chính, xã hội và giáo dục để bảo vệ trẻ em khỏi việc sử dụng trái phép các chất nicôtin và các chất ảnh hưởng đến thần kinh như các chất được ghi rõ trong các hiệp ước quốc tế liên quan và tránh việc lợi dụng trẻ em vào hoạt động sản xuất và buôn bán các chất này.*

- Điều 39

*Các nước tham gia kí kết phải thực hiện các biện pháp thích đáng để đẩy mạnh khôi phục về tinh thần và thể chất cũng như tái hoà nhập vào xã hội nạn nhân trẻ em dưới: bất cứ hình thức nào như bỏ rơi, bóc lột, hoặc lợi dụng, hành hạ hay bất cứ hình thức nào khác như tàn bạo, vô nhân đạo hay đối xử hèn hạ hoặc ngược đãi; hoặc xung đột có vũ trang. Việc khôi phục và tái hoà nhập phải được thực hiện trong một môi trường thuận lợi cho sức khoẻ, tự tôn trọng và nhân phẩm của trẻ em.*

- Điều 24

*Các nước tham gia kí kết công nhận quyền của trẻ em được hưởng tiêu chuẩn cao nhất có thể được về sức khoẻ và các điều kiện được chăm sóc y tế và phục hồi sức khoẻ. Các nước tham gia kí kết phải cố gắng đảm bảo rằng không trẻ em nào bị tước đoạt đi quyền được hưởng các dịch vụ y tế này.*

- Đưa ra các bức tranh/phim về trẻ em đang phải đau khổ vì nghiện
- Bức thư của Jerry

### III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

#### A. Đặt vấn đề

Giáo viên giới thiệu các bức tranh hoặc đoạn phim nói về trẻ em đang khốn khổ vì nghiện. Giáo viên yêu cầu học sinh phản ánh và thảo luận nghĩa của bức tranh/đoạn phim.

#### B. Giải quyết vấn đề

Giáo viên yêu cầu một học sinh đọc lá thư của một người nghiện ma túy đang ở trong tù yêu cầu một viên chức chính phủ giúp đỡ.

Sau khi đọc bức thư, giáo viên đặt ra các câu hỏi sau:

- a) Ai viết bức thư này?
- b) Anh ta viết ở đâu?
- c) Loại ma túy nào đã làm cho Jerry nghiện?
- d) Jerry đã bắt đầu sử dụng ma túy khi nào?

Giáo viên yêu cầu học sinh chia thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm khoảng 4-5 em và thảo luận các câu hỏi sau:

a) Bạn nghĩ gì khi nghe câu chuyện về Jerry?

b) Những tác động có hại của ma túy là gì?

c) Bạn sẽ làm gì nếu bạn của bạn hay người lớn mời bạn một liều thuốc hay bất cứ một loại ma túy đang bị cấm nào như ma túy tổng hợp hay thuốc lắc?

(Lưu ý: Dùng tiếng địa phương để gọi tên các loại thuốc bị cấm) Ngày 15/5/2003

#### *Thư cô Matulungin,*

*Ba mẹ cháu rất nghèo. Ba cháu là công nhân xây dựng. Mẹ cháu là người đi giặt thuê. Nhà cháu ở trong một khu ổ chuột. Khu vực này rất dễ có ma túy. Có nhiều cấm đồ trẻ em ở đó. Cháu đã được nhận vào học ở một trường công lập nhưng cháu đã bỏ học khi sử dụng ma túy.*

*Mười hai tuổi cháu đã bắt đầu hít. Việc này bắt đầu khi bạn cháu mời cháu thử. Lúc đầu cháu cảm thấy choáng váng nhưng rồi cháu đã quen với ma túy. Nhưng câu chuyện không dừng ở đó. Cháu còn dùng cả chất ma túy tổng hợp và các loại khác nữa. Cháu đã bị nghiện. Bây giờ cháu đang ngồi trong tù. Tại sao ư? Để thoả mãn bản thân, cháu đã đi ăn cướp. Cháu mới có 17 tuổi. Lẽ ra bây giờ cháu phải ở trường học.*

*Cháu thực sự thấy hối tiếc vì những điều đã làm. Nhưng cháu không biết cháu sẽ làm gì sau khi ra khỏi đây. Cháu cần lời khuyên của cô.*

*Jerry.*

Giáo viên yêu cầu các nhóm báo cáo thảo luận. Sau đó đưa ra những câu hỏi như: Có quyền nào liên quan đến nghiện ma túy không? Đó là những quyền gì? Giáo viên ghi các câu trả lời của học viên lên bảng.

Giáo viên thảo luận các quyền liên quan đến nghiện ma túy mà đã quy định tại Điều 24, 33, 39 trong Công ước về Quyền trẻ em. Giáo viên nhấn mạnh các ý sau:

- a) Quyền được bảo vệ từ phía chính phủ khỏi các hình thức nghiện nào hoặc các chất có hại khác.
- b) Quyền được chăm sóc y tế khi nghiện.
- c) Quyền được trợ giúp để khôi phục về thể chất và tinh thần, tái hoà nhập xã hội của trẻ em là nạn nhân của việc lạm dụng ma túy.
- d) Quyền được học hành.

Giáo viên yêu cầu học sinh suy nghĩ cách phòng tránh nghiện ma túy và viết ra ý kiến của mình lên các cánh hoa được vẽ khổ lớn và dán trên bảng.

Giáo viên sau đó sẽ yêu cầu học sinh vẽ thêm những chiếc lá bên dưới bông hoa và viết lên những chiếc lá đó các quyền lợi tương ứng đối với nghiện ma túy.

**Ghi chú:** Học sinh phải điền vào các cánh hoa, nếu học sinh có thêm câu trả lời khác thì có thể vẽ thêm cánh hoa.

### C. Kết luận

Giáo viên yêu cầu học sinh nêu lên hậu quả của việc nghiện ma túy và nói với các em rằng cuối cùng thì nghiện ma túy sẽ phá huỷ tương lai của các em.

## IV. ĐÁNH GIÁ

Việc đánh giá được tiến hành trong suốt bài học. Giáo viên lưu ý các câu trả lời của học sinh và sự tham gia vào cuộc thảo luận của các em để xác định hiểu biết của các em về sự nguy hiểm của việc lạm dụng ma túy và quyền của các em được bảo vệ khỏi ma túy.

### Định nghĩa thuật ngữ

Psychotropic: nghĩa là ảnh hưởng đến trạng thái tâm lý của một người nào đó.

### Quyền được học hành

*Giáo dục là một công cụ quan trọng đối với sự phát triển của một cá thể. Hiện nay người ta coi giáo dục như là một quyền cơ bản trong tất cả các quyền. Tất cả các nước kí kết và phê chuẩn Công ước về Quyền trẻ em đều bắt buộc phải thực hiện giáo dục tiểu học miễn phí và bắt buộc đối với mọi trẻ em. Giáo dục phải theo hướng phát triển toàn diện về nhân cách, tài năng, các khả năng về tinh thần và thể chất của trẻ.*

*Hệ thống trường học phải có các biện pháp để khuyến khích học sinh đi học đều và giảm tỉ lệ bỏ học giữa chừng. Các biện pháp mà trường học thực hiện để duy trì nguyên tắc này phải phù hợp với nhân phẩm của trẻ.*

**Chủ đề :** Quyền được học hành

**Cấp học :** Tiểu học (lớp 4~5)

**Môn học :** Giáo dục đạo đức

**Khái niệm nhân quyền :** Quyền được học hành

**Thời gian** : Một tiết

## I. MỤC ĐÍCH

Học sinh sẽ phải:

- Nêu tầm quan trọng của giáo dục đối với cuộc sống con người.
- Giải thích tại sao lại cần thiết phải có giáo dục.
- Giải thích quyền được học hành.

## II. NGUỒN TƯ LIỆU

- Điều 28 (1, 2) và 29 trong Công ước về Quyền trẻ em

*(1) Các nước tham gia phải thừa nhận quyền được học tập của trẻ, và để có được quyền này trên cơ sở bình đẳng về mặt cơ hội, cụ thể các nước phải*

*a) Thực hiện giáo dục tiểu học bắt buộc và sẵn có cho tất cả trẻ em ;*

*b) Cung cấp thông tin về giáo dục, dạy nghề và hướng cho tất cả trẻ em ;*

*c) Có biện pháp khuyến khích trẻ em thường xuyên đi học và giảm tỉ lệ bỏ học giữa chừng.*

*(2) Các nước tham gia phải có các biện pháp đảm bảo rằng nội quy nhà trường được áp dụng theo cách phù hợp với nhân cách của trẻ và với Công ước hiện hành.*

- Điều 29 (a)

*Các nước tham gia nhất trí rằng giáo dục trẻ em phải theo hướng (a) phát triển nhân cách, tài năng, các khả năng về thể chất và tinh thần của trẻ đến mức đầy đủ nhất có thể được.*

- Bảng kế hoạch: Tại sao tôi phải đi học? và Kế hoạch phát triển cá nhân

Không	Bắt đầu	Tiếp tục
(trả lời mẫu)	(trả lời mẫu)	(trả lời mẫu)

## III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

### A. Đặt vấn đề

Giáo viên phát cho học sinh bảng “Tại sao tôi phải đi học” và yêu cầu các em đánh dấu (✓) vào các lý do đi học. Giáo viên tổng hợp ý kiến đa số của học sinh và viết vào các bảng đó.

### B. Giải quyết vấn đề

Giáo viên yêu cầu một học sinh đọc câu chuyện của Vinh

#### **Câu chuyện của Vinh**

*Vinh muốn đi học và tìm hiểu đất nước và thế giới càng nhiều càng tốt. Nhưng cậu sống ở một làng hẻo lánh. Trường học gần nhất cũng cách nhà 6km. Hàng ngày cậu phải đi bộ từ rất sớm để đến lớp đúng giờ.*

*Bố mẹ cậu thương cậu vất vả và cố gắng thuyết phục cậu nghỉ học và chờ cho tới khi trường mới được xây dựng gần nơi họ ở. Nhưng Vinh nói rằng cậu không sợ khổ. Cậu thích đi học.*

*Vinh đã học tập chăm chỉ và đã tốt nghiệp không chỉ tiểu học, trung học mà cả đại học nữa. Cậu đã theo khoá học về nông nghiệp trong trường đại học. Cậu trở về làng và bắt đầu sử dụng những*

*kiến thức của mình để cải thiện các hoạt động nông nghiệp tại quê hương. Cậu đã thành công. Sản xuất nông nghiệp của làng đã được cải thiện đáng kể nhờ nỗ lực của cậu. Giờ đây, dân làng yêu cầu chính quyền xây dựng một trường học gần làng cậu. Chính quyền đã đồng ý với kiến nghị đó. Vinh cảm thấy hạnh phúc khi trẻ con ở làng được đi học mà không phải vất vả như cậu ngày trước. Cậu đang gặt hái những thành quả về sự tin tưởng của mình vào giá trị của giáo dục. Cậu cũng tin rằng cậu có quyền được như vậy.*

Giáo viên đưa ra các câu hỏi sau:

- Vinh nghĩ gì về việc học/ đi học?
- Suy nghĩ đó đã mang lại cho Vinh những gì nhiều năm sau đó?
- Bạn có muốn như Vinh không? Tại sao?
- Nếu Vinh không tiếp tục học thì điều gì đã có thể xảy ra đối với cậu?

Giáo viên tổng hợp các câu trả lời bằng cách nói rằng: Vinh đã tin tưởng vào giá trị của việc học và đòi hỏi cho quyền đó bất chấp khó khăn gian khổ.

Giáo viên chia lớp thành 5 nhóm và yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm câu hỏi sau:

- Là một bạn nhỏ, bạn cũng có cơ hội đến trường, bạn có thể làm gì để thành công trong học tập?

Giáo viên yêu cầu các nhóm báo cáo sau đó viết câu trả lời lên bảng.

Từ các câu trả lời trên bảng, giáo viên tổng hợp lại:

***Khi có cơ hội học tập, một học sinh phải có trách nhiệm học tập chăm chỉ vì cuộc sống tốt đẹp hơn. Được học hành là quyền***

***đồng thời là trách nhiệm của mỗi người.***

Giáo viên đưa ra khái niệm về quyền được học tập tại Điều 28 Công ước về Quyền trẻ em. Giáo viên nhấn mạnh rằng trẻ em có quyền được đến trường và vì vậy chính phủ phải đem lại cho chúng cơ hội được phổ cập giáo dục tiểu học càng nhiều càng tốt.

Công ước về quyền trẻ em thậm chí còn bắt buộc yêu cầu các chính phủ thực hiện giáo dục tiểu học bắt buộc và miễn phí. Cuối cùng, giáo viên nhấn mạnh rằng quyền được học hành chỉ có ý nghĩa khi giáo dục hướng tới sự phát triển về nhân cách, tài năng, thể chất và tinh thần của trẻ em đến mức cao nhất.

### **C. Vận dụng**

Giáo viên yêu cầu học sinh xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân. Sau đó hoặc là đưa cho học sinh các bảng Kế hoạch phát triển cá nhân hoặc vẽ lên bảng để học sinh chép và điền vào.

Bảng “Kế hoạch phát triển cá nhân”

Để khỏi bỏ lỡ cơ hội học tập tôi sẽ:

### **IV. ĐÁNH GIÁ**

Giáo viên đánh giá tại lớp thông qua việc quan sát các điểm sau:

- Sự phối hợp giữa các học sinh.
- Sự tham gia của học sinh vào việc tiến hành các hoạt động.
- Học sinh đưa ra các ý tưởng riêng.
- Tính chính xác của các lí do mà học sinh nêu ra trong quá trình thảo luận.

Hoặc giáo viên có thể yêu cầu học sinh nêu lên một quyền mà họ biết được từ bài học này và đưa ra 5 lí do tại sao nó lại quan trọng.

*Quyền được*

*Quyền này quan trọng vì:*

1. \_\_\_\_\_
2. \_\_\_\_\_
3. \_\_\_\_\_
4. \_\_\_\_\_
5. \_\_\_\_\_

BẢNG “TẠI SAO TÔI PHẢI ĐI HỌC”?

<i>Tôi phải đi học vì</i>
1. Ba mẹ muốn tôi đi học.
2. Tôi muốn đi cùng bạn bè.
3. Tôi muốn học nhiều điều trên thế giới này.
4. Tôi muốn chuẩn bị để làm việc nghiêm túc.
5. Tôi cần học để giúp đỡ gia đình.
6. Tôi muốn một ngày nào đó sẽ trở thành kĩ sư, bác sĩ, giáo viên...

## **Quyền được bảo vệ khỏi bị bóc lột về kinh tế**

Mọi trẻ em đều có quyền được phát triển toàn bộ tiềm năng của mình. Vì vậy, mọi trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi bị bóc lột về mặt kinh tế và khỏi phải làm bất cứ việc gì nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học tập hoặc bất lợi cho sức khoẻ hoặc tinh thần, thể chất, đạo đức và phát triển xã hội.

**Chủ đề :** Lao động trẻ em

**Cấp học :** Trung học cơ sở (lớp 6-9)

**Môn học :** Nghiên cứu xã hội

**Khái niệm nhân quyền :** Quyền được bảo vệ khỏi bị lạm dụng lao động trẻ em và quyền được học

**Thời gian :** Một tiết

### **I. MỤC ĐÍCH**

Học sinh sẽ phải:

- Giải thích tại sao trẻ em lại cần phải được bảo vệ khỏi lao động.
- Nêu các cách để bảo vệ trẻ em khỏi lao động trẻ em.
- Nêu lên hai quyền liên quan của trẻ em.

### **II. NGUỒN TƯ LIỆU**

- Theo Điều 32 (1) trong Công ước về quyền trẻ em

*Các nước tham gia phải thừa nhận trẻ em có nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học tập hoặc gây hại cho sức khoẻ hoặc tinh thần, thể chất, đạo đức và phát triển xã hội.*

- Điều 28 trong Công ước về Quyền trẻ em nêu quyền của trẻ em được học hành.

- Bức tranh về một em gái nhỏ đang giặt một chậu đầy quần áo
- Tài liệu đọc: “Cuộc sống trong thành phố”.

### III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

#### A. Đặt vấn đề

Giáo viên đưa ra một bức tranh về một em gái nhỏ đang giặt một chậu quần áo đầy và yêu cầu học sinh mô tả em gái đó đang làm gì.

#### B. Giải quyết vấn đề

Giáo viên yêu cầu một học sinh xung phong đọc bài “Cuộc sống trong thành phố”

#### Cuộc sống trong thành phố

*Tôi tên là Myrna Delgado. Tôi 12 tuổi. Tôi đến đây từ một gia đình nghèo ở một làng quê hẻo lánh. Ba tôi làm việc trong trang trại.*

*Một hôm, một người hàng xóm đang làm việc ở thành phố đến chơi. Bà ta hỏi tôi có muốn đi cùng bà lên thành phố không. Tôi nhận lời và nghĩ rằng tôi có thể kiếm được rất nhiều tiền cho gia đình.*

*Cuộc sống của tôi ở thành phố thật là vất vả. Tôi hầu như chẳng có thời gian để nghỉ vì tôi phải dậy từ rất sớm để làm việc và đến 8h30 tối mới được nghỉ. Đôi khi tôi phải làm đến tận 10h đêm. Tôi phải làm tất cả mọi việc nhà cho gia đình đó. Tôi chỉ có một mình và dường như không ai quan tâm đến tôi cả. Tôi hầu như chẳng có tiền.*

*Tôi cảm thấy ghen tị mỗi khi nhìn thấy các bạn trẻ cắp sách đến trường. Tôi ước ao được như các bạn ấy.*

*Tôi muốn trở về nhà.*

Sau khi học sinh đọc xong câu chuyện, giáo viên đưa ra các câu hỏi sau để khẳng định học sinh nắm được câu chuyện:

- a) Ai đang kể chuyện?
- b) Cô bé từ đâu đến?
- c) Tại sao cô bé đồng ý đi làm việc tại thành phố?
- d) Bạn hãy mô tả cuộc sống của cô bé tại thành phố.

Giáo viên yêu cầu học sinh chia thành các nhóm mỗi nhóm 4-5 người và thảo luận các câu hỏi sau để tìm hiểu suy nghĩ của các em về trẻ em làm việc để kiếm tiền.

*Câu hỏi:*

- a) Bạn đã nghĩ gì khi nghe câu chuyện của Myrna Delgado?
- b) Có nên bắt một đứa trẻ 12 tuổi như Myrna Delgado làm việc thay vì cắp sách đến trường không? Tại sao?
- c) Nếu bạn là Myrna Delgado, bạn sẽ làm gì? Tại sao?

*Giáo viên viết các câu trả lời lên bảng.*

Sau khi học sinh trả lời, giáo viên đưa ra các ý sau:

- a) Mọi trẻ em đều có quyền được học hành để phát triển toàn bộ tiềm năng của mình.
- b) Mọi trẻ em đều có quyền được bảo vệ khỏi các công việc



làm tổn hại đến thể chất, tinh thần, đạo đức và phát triển xã hội.

c) Trẻ em có thể làm việc nhưng công việc không được ảnh hưởng đến việc học của trẻ hoặc không làm hại đến sức khỏe hoặc thể chất, tinh thần, đạo đức và phát triển về mặt xã hội.

d) Nếu bất kì em không được đến trường vì bị bắt phải làm việc thì quyền của em đó bị vi phạm và sự phát triển bị nguy hại.

### C. Kết luận

Giáo viên yêu cầu học sinh làm tranh cổ động cho chiến dịch chống lạm dụng lao động trẻ em.

## IV. ĐÁNH GIÁ

Giáo viên yêu cầu học sinh viết thư cho một em nhỏ đang phải làm việc mà họ biết và giải thích quan ngại của mình về quyền của em đó.

### Quyền tự do ý kiến và biểu đạt

*Theo truyền thống, chúng ta tôn trọng người lớn tuổi và những người giữ chức vụ cao trong xã hội. Chúng ta biết phải luôn vâng lời họ. Chúng ta cũng được dạy rằng không được có ý kiến trái với ý kiến của họ. Tiếc rằng điều này dẫn đến việc thiếu tôn trọng ý kiến của những người trẻ tuổi. Điều này là đúng giữa bố mẹ và thầy cô giáo, hoặc trong mối quan hệ giữa người lớn và trẻ em. Người lớn phải tôn trọng trẻ em bằng cách cho phép chúng thể hiện ý kiến, nhất là trong vấn đề phản ánh sự tồn tại thực sự của chúng.*

**Chủ đề :** Ý kiến của tôi

**Cấp học :** Cuối tiểu học và đầu trung học cơ sở (lớp 4~6)

**Môn học :** Nghiên cứu xã hội và Giáo dục công dân

**Khái niệm nhân quyền :** Quyền được tự do ngôn luận

**Thời gian :** Một tiết

## I. MỤC ĐÍCH

Học sinh sẽ phải:

- Giải thích quyền được tự do ngôn luận và sự cần thiết phải có quyền này.
- Nhận biết những thực tế đúng đắn về quyền được tự do ngôn luận.
- Giải thích việc cần thiết phải tôn trọng quyền được tự do ngôn luận của người khác.

## II. NGUỒN TƯ LIỆU

- Điều 19 trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người

*Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận; quyền này bao gồm tự do giữ ý kiến mà không bị can thiệp, tìm kiếm, nhận và phổ biến thông tin và ý kiến qua các phương tiện thông tin đại chúng không phân biệt biên giới.*

- Tiểu phẩm : “Một buổi tối ở nhà Hoa”

### III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

#### A. Đặt vấn đề

Giáo viên yêu cầu học sinh sắm vai trong ba tình huống:

*Tình huống 1:* Nhiều trẻ em đang nói cùng một lúc, một vài em cố gắng lắng nghe

*Tình huống 2:* Trong khi một học sinh đang giải thích về hoa hướng dương trong vườn của mình thì học sinh khác cắt ngang và nói rằng,

“Thưa cô, Sally nói dối. Nhà bạn ấy không có vườn”.

*Tình huống 3:* Giáo viên nhắc một học sinh, “Patty, em hãy chú ý”. Ahmad, bạn cùng lớp, giơ tay. Khi giáo viên gọi, cậu đứng dậy và nói bằng giọng lịch sự thông thường, “Thưa thầy, quả là không lịch sự khi gọi Adam là Patty. Bạn ấy có tên và đó là Adam”. Giáo viên yêu cầu học sinh điền vào bảng dưới đây:

Tình huống	Có đúng khi nói?	
	Có	Không
Học sinh cùng nói một lúc.		
Đột nhiên có ý kiến khi bạn cùng lớp đang nói.		
Giáo viên gọi Adam là Patty.		
Ahmad cho giáo viên biết sẽ là không lịch sự khi gọi Adam là Patty và phải gọi là Adam.		

Giáo viên nhận xét phản ứng của học sinh bằng cách nói rằng mọi người nên nói nếu họ muốn chia sẻ thông tin, đưa ra các ý kiến và cho người khác biết hành động của mình. Nhưng họ phải nói một cách lịch sự và không được xúc phạm đến người khác hoặc ngắt lời người khác.

#### B. Giải quyết vấn đề

##### *Hoạt động*

Giáo viên yêu cầu học sinh sắm vai trong tiểu phẩm: “Một buổi tối tại nhà Hoa”

Nhân vật có Hoa, Tuấn, ông bố và bà mẹ. Khung cảnh tại nhà Hoa

- Bà mẹ (trông rất lo lắng) nói với ông bố:

*Con trai mình, thằng Tuấn, nó nhận được tin vui đã đỗ đại học. Chúng ta phải bảo cái Hoa nghỉ học để kiếm việc làm. Chúng ta không thể cáng đáng được cả việc thằng Tuấn học đại học và con Hoa học trung học.*

- Ông bố (lắc đầu nói):

*Không, điều quan trọng phải để cho cái Hoa học xong trung học. Dù có thế nào đi nữa thì cũng phải để nó học xong.*

- Bà mẹ (cần nhằn) trả lời:

*Nhưng mà lương ông không đủ cho thằng Tuấn học đại học và con Hoa ở trung học.*

- Ông bố (bằng giọng bình tĩnh) nói:

*Chúng ta hãy hỏi bọn trẻ xem liệu con Hoa nó có nên nghỉ học để giúp anh học đại học không. Nó phải đồng ý thôi.*

- Bà mẹ (bằng giọng tức giận) vặn lại:

*Chúng ta không cần phải hỏi nó. Chúng ta là bố mẹ nó. Chúng ta có quyền quyết định. Nó phải nghe và vâng lời chúng ta.*

- Ông bố (lắc đầu) không đồng ý:

*Không được. Bố mẹ phải nghe xem con cái nói gì nhất là về tương lai của chúng. Chúng ta phải tôn trọng ý kiến của con.*

- Bà mẹ miễn cưỡng đồng ý và gọi:

*Tuấn Hoa ơi, bố mẹ muốn nói chuyện với các con.*

- Ông bố nói;

*Tuấn, Hoa, có một việc mà mẹ và bố muốn bàn với cả hai con và muốn nghe ý kiến của hai con. Bố tin rằng chúng ta sẽ cùng nhau tìm được cách giải quyết.*

*Kinh tế gia đình ta không khá lắm nhưng bố mẹ vẫn muốn các con được đi học. Mẹ nghĩ rằng Hoa nên nghỉ học để con (chỉ Tuấn) có thể học đại học.*

- Tuấn đáp lại:

*Con muốn Hoa học xong trung học đã. Con có thể đi làm ở phòng khám vào cuối tuần. Công việc này sẽ tốt cho con vì con phải kiếm sống vừa học tập kinh nghiệm. Nghỉ hè thì con có thể làm việc cả ngày.*

- Hoa nói:

*Con cảm ơn bố mẹ và anh Tuấn. Con muốn đi học. Con có thể làm việc tại trung tâm chăm sóc trẻ em vào các ngày thứ bảy. Con cũng có thể giúp mẹ xay bột và buổi chiều để mẹ có thể làm thêm nhiều bánh để bán.*

- Tuấn nói:

*Con cũng có thể phụ giúp mẹ làm bánh.*

- Ông bố đáp:

*Bố sẽ giúp thêm việc nhà. Bố cũng sẽ quản lý chi tiêu để chúng ta có thể có đủ tiền cho việc học của Tuấn ở đại học và để Hoa tiếp tục học trung học.*

Sau khi đóng vai, giáo viên yêu cầu học sinh chia thành các nhóm (mỗi nhóm 4-5 em) và đưa ra các câu hỏi sau để các em thảo luận:

a) Ai nghĩ rằng con cái phải nghe lời cha mẹ và tuân theo quyết định của cha mẹ? Bạn có đồng ý với ý kiến đó không? Tại sao?

b) Bạn có cho rằng bố Hoa đã cho con cái hơi nhiều quyền khi hỏi ý kiến chúng và yêu cầu chúng cùng giải quyết vấn đề kinh tế của gia đình?

c) Bố mẹ bạn có bao giờ bảo bạn phát biểu ý kiến? Nếu có thì hãy kể lại.

d) Bạn có cho rằng giải pháp mà Tuấn và Hoa đưa ra là tốt?

Giáo viên ghi các câu trả lời lên bảng và thảo luận các câu trả lời bằng cách nhắc lại quyền tự do ngôn luận nêu trong Tuyên ngôn về nhân quyền. Giáo viên giải thích rằng tự do ngôn luận ý kiến không có nghĩa là tự do nói xấu người khác hoặc bày tỏ ý kiến làm thiệt hại đến người khác. Nó có nghĩa rằng đưa ra hoặc có ý kiến hoặc thông tin không ảnh hưởng, và tôn trọng lợi ích và quyền lợi của người khác.

Để kết thúc buổi thảo luận, giáo viên nói;

*Mỗi gia đình đều có vấn đề riêng phải giải quyết. Là con cái, các em và bố mẹ mình nên tìm ra cách để giải quyết các vấn đề đó,*

*nhất là các vấn đề liên quan đến các em. Các em có quyền diễn đạt ý kiến của mình cho bố mẹ biết và tôn trọng ý kiến đó.*

### **C. Kết luận**

Giáo viên viết các câu sau lên bảng :

- Trẻ em có quyền đưa ra ý kiến của mình về những vấn đề liên quan đến mình.

- Ý kiến của các em phải được tôn trọng.
- Mọi người cần phải tôn trọng ý kiến của người khác.

Giáo viên nói với học sinh rằng những điều này là những nguyên tắc quan trọng để tuân theo để thực hiện quyền tự do ngôn luận.

### **IV. VẬN DỤNG VÀ ĐÁNH GIÁ**

Giáo viên có thể dùng bất cứ cách nào để đánh giá sự hiểu biết của học sinh về quyền tự do ngôn luận. Có thể tiến hành đánh giá trước phần Kết luận.

### **Quyền được hưởng phúc lợi xã hội**

Mỗi người đều có quyền được hưởng phúc lợi xã hội. Quyền này là không thể thiếu được đối với nhân cách của một người và sự phát triển tự do của nhân cách con người. Chiến tranh, đói nghèo, thiên tai đã làm cho quyền này không thực hiện được đầy đủ. Để đảm bảo đầy đủ quyền này cần sự trợ giúp của Chính phủ và các ban ngành xã hội.

**Chủ đề :** Tự nguyện chia sẻ

**Cấp học :** Cuối tiểu học và đầu trung học cơ sở (lớp 4~6)

**Môn học :** Nghiên cứu xã hội và Giáo dục công dân

**Khái niệm nhân quyền :** Quyền được hưởng phúc lợi xã hội

**Thời gian :** Một tiết

### **I. MỤC ĐÍCH**

Học sinh sẽ phải:

- Liệt kê những quyền cụ thể về quyền được hưởng phúc lợi xã hội.
- Nhận biết các cách đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền này
- Quyết định ý kiến nào được đưa ra để thể hiện sự lo lắng/thông cảm đối với các nạn nhân bị vi phạm quyền này.

### **II. NGUỒN TƯ LIỆU**

- Điều 22 trong Tuyên ngôn về nhân quyền

*Mọi người, với tư cách là một thành viên của xã hội, có quyền được hưởng phúc lợi xã hội và hoàn toàn được quyền thực hiện, thông qua nỗ lực quốc gia và hợp tác của quốc tế và tuân theo tổ chức và nguồn lực của mỗi nước, các quyền không thể thiếu được về kinh tế, xã hội và văn hoá vì nhân cách và phát triển tự do nhân cách cá nhân đó.*

- Một vài bức tranh, câu chuyện và ví dụ về cuộc sống của những em nhỏ và người lớn ở những vùng nghèo đói liên miên, hoặc thiên tai hoặc chiến tranh tàn phá.

- Bảng kế hoạch thực hiện

### III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

#### A. Đặt vấn đề

Giáo viên đưa ra những câu hỏi sau, có dừng nhưng không phải chờ học sinh trả lời:

- *Bạn đã bao giờ gặp nạn nhân của chiến tranh chưa? Họ sống ra sao?*
- *Bạn đã bao giờ gặp người dân sống trong những vùng nghèo đói liên miên chưa? Họ sống ra sao?*
- *Bạn đã bao giờ gặp những con người phải chịu hậu quả của thiên tai chưa? Họ sống ra sao?*

#### B. Giải quyết vấn đề

Giáo viên yêu cầu học sinh chia thành ba nhóm. Đưa cho nhóm thứ nhất các bức ảnh về con người sống trong chiến tranh, nhóm thứ hai các bức ảnh về người nghèo, nhóm thứ ba các bức ảnh về con người phải chịu hậu quả của thiên tai. Giáo viên lại yêu cầu học sinh trong mỗi nhóm chia thành các hai hoặc ba nhóm nhỏ hơn để các em có thể tham gia thảo luận nhiều hơn.

Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận về tình huống con người thể hiện trong các bức ảnh mà họ nhận được và đưa ra ý kiến trước lớp bằng cách sắm vai. Sau khi làm xong, giáo viên đưa ra các câu hỏi sau:

- a) Ba tình huống trên có những điểm chung nào?
- b) Những nhu cầu cơ bản của con người ở ba tình huống là gì?
- c) Những nhu cầu cơ bản của con người nói chung là gì?

Giáo viên viết các câu trả lời lên bảng.

Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận các câu hỏi sau theo nhóm tương ứng:

a) Có phải những người trong các bức ảnh đang bị vi phạm nhân quyền? Những quyền nào bị xâm phạm? (Một số câu trả lời có thể đưa ra: quyền sở hữu tài sản, quyền có nhà ở, quyền được sống, quyền được đảm bảo về nhân cách).

Ngoài ra để đáp lại câu trả lời của học sinh, giáo viên phải nói rằng ***tất cả các quyền mà các em nêu ra là những quyền cơ bản được gọi là quyền được hưởng phúc lợi xã hội***

Với tư cách là thành viên của xã hội, các em có thể góp sức mình để giúp đỡ các nạn nhân này. Các em sẽ giúp họ như thế nào?

Sau khi học sinh trả lời giáo viên giải thích khái niệm an ninh xã hội (xem ghi chú)

Cuối cùng, giáo viên kết thúc buổi thảo luận bằng cách nói rằng:

***Mọi cá nhân đều có quyền được sống và có quyền được hưởng phúc lợi xã hội.***

***Mọi người xung quanh ta phải giúp đỡ để thực hiện những quyền này.***

***Khi cùng chia ngọt sẻ bùi, mối quan hệ giữa người với người sẽ được cải thiện, trở nên gần gũi và đảm bảo quyền được hưởng phúc lợi xã hội.***

***Điều này được thể hiện qua câu thành ngữ : □Niềm vui chia đôi có hai, nỗi buồn chia đôi còn một nửa'***

#### C. Kết luận

Giáo viên yêu cầu học sinh tự làm bản kế hoạch làm thế nào để chia sẻ khó khăn với các bạn cùng lớp, cùng trường và những người đang gặp khó khăn do chiến tranh, đói nghèo, thiên tai bằng bảng thực hiện kế hoạch.

#### IV. ĐÁNH GIÁ

Giáo viên có thể dùng bất cứ cách nào thích hợp để đánh giá sự hiểu biết của học sinh về quyền được hưởng phúc lợi xã hội và trách nhiệm của mỗi người phải ủng hộ và bảo vệ quyền đó. Việc đánh giá có thể được làm trước phần Kết luận.

##### Định nghĩa khái niệm

Phúc lợi xã hội — là những lợi ích về tài chính hoặc các vấn đề khác mà chính phủ đưa ra để trợ giúp dân chúng bằng nhiều cách - để rút ngắn thời gian thất nghiệp, cung cấp chăm sóc y tế rẻ và đầy đủ, đảm bảo trợ cấp hưu trí cho người già, ... (Theo Brian W.W Welsh và Pavel Butorin trong Từ điển phát triển của Nhà xuất bản Garland New York năm 1990, trang 907). Trong Tuyên ngôn về Nhân quyền (Điều 25) quyền được hưởng phúc lợi xã hội bao gồm các trường hợp thất nghiệp, ốm đau, tàn tật, goá bụa, già cả hoặc không có kế sinh nhai trong các trường hợp ngoài khả năng của con người.

#### BẢNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Ai được giúp đỡ?	Tại sao bạn phải giúp?	Bạn sẽ giúp như thế nào	Khi nào thì giúp họ?	Hãy kí tên dưới đây nếu bạn sẵn sàng giúp đỡ.

#### Quyền được làm việc

Học sinh cần biết rằng mọi người đều có quyền được làm việc, được tự do lựa chọn công việc, được hưởng những điều kiện làm việc tốt và công bằng. Học sinh cũng nên biết rằng quyền được trả công bằng cho công việc đã làm đảm bảo cho người đó và gia đình tồn tại có ý nghĩa nhân phẩm.

**Chủ đề :** Làm việc trong mùa khô

**Cấp học :** Cuối tiểu học và đầu trung học cơ sở (lớp 4~6)

**Môn học :** Nghiên cứu xã hội, Khoa học và Kinh tế học trong nước.

**Khái niệm nhân quyền :** Quyền được làm việc và hưởng mức sống đầy đủ

**Thời gian :** Một tiết

#### I. MỤC ĐÍCH

Học sinh sẽ phải:

- Giải thích quyền của nông dân được kiếm sống và quyền được hưởng mức sống đầy đủ.
- Đưa ra các cách khác nhau để cải thiện mức sống.

#### II. NGUỒN TƯ LIỆU

- Điều 6 trong Công ước quốc tế quyền về kinh tế, xã hội và văn hoá.

*Các nước tham gia Công ước hiện tại phải thừa nhận quyền được làm việc, trong đó bao gồm quyền của mỗi người có cơ hội có*

*được cuộc sống bằng công việc mà họ tự do lựa chọn hoặc chấp nhận và sẽ làm những gì đúng đắn để bảo vệ quyền đó.*

- Bài hát Menanam Jagung (Trồng ngô)

### III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

#### A. Đặt vấn đề

Yêu cầu học sinh hát bài Menanam Jagung (Trồng ngô) (hoặc bất cứ bài nào về cùng nhau làm việc ở trang trại)

#### MENANAM JAGUNG (TRỒNG CÂY NGÔ)

Nào bạn ơi chúng ta hãy cùng nhau

Chúng ta hãy cùng nhau trồng ngô trong vườn nhà

Hãy cầm cuốc lên, hãy cầm cuốc lên

Chúng ta sẽ không buồn chán, nào hãy cùng nhau trồng cây

Nào ta cùng cuốc, nào ta cùng cuốc, hãy cuốc cho thật sâu

Khi đất tơi rồi ta sẽ trồng ngô

#### B. Giải quyết vấn đề

Yêu cầu học sinh thảo luận một đoạn trong bài hát bằng việc đưa ra các câu hỏi sau:

- Bài hát nói gì với chúng ta?
- Ai làm việc ở trang trại?
- Bạn hãy mô tả công việc của một nông dân?

*Câu trả lời có thể là:*

Anh ta/chị ta làm việc cực nhọc để kiếm sống.

Công việc của anh ta/chị ta ở trang trại thật nặng nhọc.

- Còn việc gì khác mà người nông dân có thể làm trong mùa khô?

*Giáo viên ghi các câu trả lời lên bảng.*

*Câu trả lời có thể là:*

- Nhặt củi và bán gỗ trong thành phố
- Trồng rau
- Chăn bò
- Làm thợ mộc

Yêu cầu học sinh thành các nhóm khoảng 4-5 người mỗi nhóm và thảo luận các câu hỏi sau:

- Tại sao những người nông dân phải làm việc cùng nhau?
- Tại sao những người nông dân phải cần việc làm khác trong mùa khô?
- Tại sao những người nông dân cần thêm thu nhập trong mùa khô?

Trong khi các nhóm trả lời thì giáo viên hướng dẫn các em cách thể hiện các khái niệm như nghèo, cùng nhau làm việc, mức sống đầy đủ và quyền được làm việc để sống.

Giáo viên có thể đưa ra các bức tranh để hỗ trợ cho việc thảo luận các khái niệm này.

Giáo viên tổng kết buổi thảo luận sau:

***Mọi người đều có quyền làm việc. Quyền đó có nghĩa là giúp đỡ con người có mức sống đầy đủ cho dù họ là nông dân làm việc trên cánh đồng hay là công nhân trong thành phố. Quyền đó không bị giới hạn mà ngược lại phải được phát triển và bảo vệ.***

***Nếu nông dân là công nhân trên đồng ruộng, thì người sử dụng lao động của họ có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi cho họ và***

***bảo đảm rằng họ được trả công sòng phẳng và có điều kiện lao động tốt.***

### **C. Kết luận**

Yêu cầu học sinh vẽ một bức tranh mô tả người nông dân đang làm việc cùng nhau để có một cuộc sống có mức sống đầy đủ.

### **IV. ĐÁNH GIÁ**

Yêu cầu học sinh vẽ một bức tranh về một công việc mà các em thích làm trong tương lai, và viết dưới đó quyền mà các em biết được sau buổi học này và làm thế nào để bảo vệ quyền đó.





# NHỮNG BÀI GIẢNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

## \* CẤP TRUNG HỌC

### Quyền được đối xử bình đẳng

Trẻ em cũng như tất cả mọi người đều có quyền được đối xử bình đẳng. Nhưng mỗi đứa trẻ lại sống trong một điều kiện khác nhau. Một số em được động viên nhiều và giúp đỡ để nhận ra rằng mình có nhu cầu cũng như những khả năng gì. Trong khi đó, các em khác thì hầu như không được giúp đỡ nên các em có ít cơ hội để biết nhu cầu và khả năng của mình. Và bên cạnh đó cũng còn những em bé phải chung sống với sự khuyết tật, đó có thể là sự khuyết tật về thân thể, trí óc hay những khuyết tật khác. Trẻ khuyết tật cũng phải được hưởng những quyền lợi giống như những em khác để được phát triển đầy đủ những khả năng của mình. Nhưng cũng chính bởi vì điều đó những em bé này có quyền được chăm sóc đặc biệt. Chính phủ và mọi người nên thừa nhận quyền này để khuyến khích trẻ em khuyết tật nhận được một cơ hội bình đẳng để sống một cuộc sống bình thường nhất có thể.

<b>Chủ đề</b>	:	<b>Nhân phẩm</b>
<b>Trình độ</b>	:	<b>Trung học cơ sở</b>
<b>Môn học</b>	:	<b>Giáo dục công dân.</b>
<b>Khái niệm nhân quyền</b>	:	<b>Quyền được đối xử bình đẳng.</b>
<b>Thời gian</b>	:	<b>Một tiết</b>

### I. MỤC ĐÍCH

Học sinh sẽ phải:

- Miêu tả những hình thức khuyết tật khác nhau của trẻ em.
- Nhận biết được những đạo luật nhân quyền thích hợp có liên quan tới sự phân biệt đối xử đã làm ảnh hưởng tới trẻ em.
- Tăng cường thực hiện những quyền cho trẻ em khuyết tật

## II. NGUỒN TƯ LIỆU

Điều 23 trong Công ước về Quyền trẻ em

1. Các quốc gia thành viên công nhận rằng trẻ em tàn tật về tinh thần hay thể chất cần được hưởng một cuộc sống trọn vẹn và đầy đủ trong những điều kiện đảm bảo phẩm giá, thúc đẩy khả năng tự lực và tạo điều kiện cho trẻ em tham gia tích cực vào cộng đồng.

2. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em tàn tật được chăm sóc đặc biệt và tùy theo các nguồn lực sẵn có, phải khuyến khích và đảm bảo dành cho trẻ em tàn tật và cho những người có trách nhiệm chăm sóc sự giúp đỡ mà họ yêu cầu và thích hợp với điều kiện của trẻ em đó, với hoàn cảnh của cha mẹ hay những người khác chăm sóc trẻ em đó.

3. Trên cơ sở thừa nhận các nhu cầu đặc biệt của trẻ em tàn tật, sự giúp đỡ dành cho trẻ em tàn tật theo đoạn 2 của điều này phải được cung cấp miễn phí, bất kì khi nào có thể, tính đến khả năng tài chính của cha mẹ hay những người khác chăm sóc trẻ em tàn tật và sẽ được trừ tính sao cho đảm bảo rằng trẻ em tàn tật được tiếp cận hiệu quả và được giáo dục, đào tạo, hưởng các dịch vụ y tế và dịch vụ phục hồi chức năng, sự chuẩn bị để có việc làm và các cơ hội vui chơi, giải trí theo cách thức có lợi cho việc trẻ em tàn tật được hòa nhập xã hội và phát triển cá nhân đầy đủ nhất có thể đạt được bao gồm cả sự phát triển văn hóa và tinh thần của những trẻ em đó.

4. Các quốc gia thành viên phải thúc đẩy trong tinh thần hợp tác quốc tế việc trao đổi thông tin thích hợp trong lĩnh vực phòng bệnh, chữa trị về y tế, tâm lý và chức năng cho trẻ em tàn tật, bao gồm việc phổ biến và tiếp cận thông tin liên quan đến phương pháp giáo dục, phục hồi chức năng và các dịch vụ dạy nghề, nhằm tạo

điều kiện cho các quốc gia thành viên nâng cao khả năng, kỹ năng của họ để mở rộng kinh nghiệm của họ trong những lĩnh vực này. Về mặt này, phải đặc biệt chú ý đến nhu cầu của các nước đang phát triển.

• Ba bức tranh về những hình thức khác nhau của sự phân biệt đối xử gồm có:

- a. Trẻ em tàn tật
- b. Trẻ em nghèo
- c. Trẻ em dân tộc thiểu số

## III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

### A. Đặt vấn đề

Giáo viên đưa ra ba bức tranh và yêu cầu các em miêu tả những gì các em thấy. Học sinh có thể nhận rằng ba trường hợp đó miêu tả những hình thức phân biệt đối xử khác nhau. Sau đó liệt kê những câu trả lời lên bảng.

### B. Giải quyết vấn đề

#### 1. Hoạt động

Giáo viên đưa ra ba bức tranh và chỉ rõ từng trường hợp để tổng kết những câu trả lời của học sinh:

- a. Trẻ em khuyết tật
- b. Trẻ em nghèo
- c. Trẻ em dân tộc thiểu số

Giáo viên hướng dẫn học sinh chia thành ba nhóm và yêu cầu mỗi nhóm đóng kịch diễn lại một trường hợp. Giáo viên yêu cầu mỗi nhóm tự chọn cho mình một trường hợp để diễn lại và các em

cần phải kể một câu chuyện dựa trên những gì mà các em đã nhìn thấy trong tranh. Sau đây là một số trường hợp mẫu:

- Câu chuyện kể về một bé gái dân tộc không được các bạn khác cho chơi cùng. Chúng nghĩ rằng em gái đó bẩn thỉu chỉ vì nước da đen sạm.
- Câu chuyện kể về Nina, một bé gái đã phải bỏ học sau khi học hết trung học vì nhà nghèo. Nhưng cha của em đã quyết định cho anh trai của em tiếp tục đi học vì đó là con trai. Nina phải ở nhà và giúp mẹ làm việc vặt.
- Câu chuyện kể về một nhóm trẻ em đang bắt chước và trêu chọc một em bé có khả năng khác lạ (em bé đặc biệt)

## 2. Phân tích

Sau khi mỗi nhóm hoàn thành câu chuyện của mình, giáo viên yêu cầu cả lớp xác định được những vấn đề thông qua ba câu chuyện vừa được kể. Câu trả lời có thể liên quan đến:

- a. Phân biệt chủng tộc
- b. Thành kiến về giới tính.
- c. Phân biệt đối xử với những người khuyết tật.

Giáo viên nhấn mạnh vào những vấn đề phân biệt đối xử với người khuyết tật và đưa ra những câu hỏi sau:

- Các em còn biết các trẻ em khuyết tật nào khác với các em đóng trong vở kịch?

### *Trả lời*

Những trẻ em khiếm thị, những trẻ em mang khuyết tật thân thể khác.

- Mặc dù khuyết tật các em bé đó có những phẩm chất, khả năng gì?

### *Trả lời:*

Năng khiếu âm nhạc, trí nhớ tốt, luôn vui vẻ, lạc quan, tốt bụng với mọi người.

- Có những biện pháp nào để bảo vệ trẻ khuyết tật?

### *Trả lời:*

Tiếp cận giáo dục, đào tạo, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, hướng nghiệp, hoạt động vui chơi, giải trí.

## 3. Trích dẫn

Giáo viên tóm tắt những câu trả lời của học sinh, nhấn mạnh vào khái niệm về quyền trẻ em. Giáo viên nhấn mạnh trước tiên vào luận điểm rằng tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng cho dù họ đang ở bất kỳ vị thế hay điều kiện về thể lực, trí tuệ, xã hội kinh tế nào. Luật này được áp dụng cho tất cả trẻ em bao gồm cả trẻ khuyết tật. Và vì thế tất cả trẻ em được hưởng những quyền lợi bình đẳng.

Sau đó giáo viên tiếp tục thảo luận về những mục trong điều 23 của Công ước về Quyền trẻ em. Giáo viên nhấn mạnh rằng trẻ khuyết tật có quyền được hưởng một cuộc sống tốt và đầy đủ, đảm bảo được tôn trọng phẩm chất, tính tự lực để các em tích cực hoà nhập vào cộng đồng. Giáo viên cũng làm nổi bật ý rằng nếu xét đến điều kiện thiệt thòi đó của các em, thì trẻ khuyết tật có quyền được chăm sóc đặc biệt. Giáo viên cũng phải cho biết việc chăm sóc trẻ khuyết tật đó đôi khi bị giới hạn bởi những nguồn lực của cộng đồng hoặc chính phủ.

## 4. Vận dụng

Giáo viên đặt câu hỏi: Em sẽ đối xử như thế nào đối với những người khuyết tật? Sau đó viết những câu trả lời của học sinh lên bảng.

## 5. Kết luận

Giáo viên kết luận rằng trong nhân quyền, con người là mối quan tâm lớn nhất. Nếu chúng ta thừa nhận tất cả mọi người đều bình đẳng thì chúng ta phải đấu tranh quyết liệt để thực hiện sự thừa nhận điều đó bằng việc tôn trọng những quyền đó đối với những người khác, đặc biệt là những người ở trong điều kiện khó khăn như những người khuyết tật.

## IV. ĐÁNH GIÁ

Giáo viên có thể đánh giá khả năng hiểu bài của học sinh về quyền lợi của trẻ khuyết tật theo cách thích hợp. Phần đánh giá có thể được thực hiện trước phần kết luận.

## V. BÀI TẬP

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một bức áp phích cổ động cho quyền lợi cho trẻ em khuyết tật.

### Thông tin tham khảo

Ủy ban Kinh tế Xã hội khu vực châu Á-Thái Bình Dương của Liên hợp quốc, Ban Bí thư của Liên hợp quốc về khu vực châu Á-Thái Bình Dương đặt trụ sở tại Băng Cốc có riêng một chương trình về người khuyết tật. Họ có những nguyên tắc về ngôn ngữ thích hợp dành cho vấn đề này:

## NHỮNG THUẬT NGỮ THÍCH HỢP VỀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

Thay vì	Dùng
Những người tàn tật, những người tật nguyền, người tàn phế	Người khuyết tật.
"Người bình thường" (Khi được dùng như từ trái nghĩa của "khuyết tật")	Người không bị khuyết tật (Khi từ "bình thường" được dùng như từ trái nghĩa của "khuyết tật", nó chỉ ra rằng một ai đó bị khuyết tật là không bình thường)
Bị tàn tật bởi, bị đau buồn vì, chịu đựng, nạn nhân của, biến dạng vì	Người có hoặc người mang... (tên của sự khuyết tật)
Tàn tật, thương tật	Bị hỏng, bị thương
Bị liệt, bị viêm khớp  Què, khập khiễng	Người bị liệt hay mắc chứng viêm khớp  Người di chuyển khó khăn
Khuyết tật bẩm sinh	Khiếm khuyết từ khi được sinh ra..
Bị hạn chế, bị giới hạn, bị trói buộc, dựa trên chiếc xe lăn	Người dùng xe lăn hay người sử dụng xe lăn

Câm và điếc, câm điếc	Người khiếm thính, người gặp khó khăn trong việc nghe hoặc người gặp khó khăn trong việc nói
Người chậm phát triển, chậm phát triển trí tuệ, trí tuệ dưới bình thường, bị bệnh đao	Người mang khuyết tật về trí óc, người bị khiếm khuyết thuộc về sự phát triển, người gặp khó khăn trong việc học.
Thằng ngốc, người thiếu năng	Người bị tổn thương về não
Người bị liệt co cứng	Người mắc chứng liệt não
Động kinh	Người mắc chứng động kinh, người hay gặp tai biến
Bệnh tâm thần, người tâm thần	Người mắc bệnh về trí óc (mất trí, điên, loạn trí, suy nhược)
Điên dại	Người mắc bệnh về tâm thần
Người mù hoặc người khuyết tật về mắt	Người khiếm thị
Què	Người bị mất khuyết,(tên của bộ phận bị khuyết)
Hở hàm ếch	Người bị mắc chứng sứt răng miệng
Gù lưng	Người bị cong vẹo xương sống
Người lùn	Người có vóc dáng nhỏ

*Khi nói tới những người khuyết tật, một vài nguyên tắc cần lưu ý:*

- *Không nhấn mạnh vào sự khuyết tật trừ phi nó là phần cốt yếu của câu chuyện. Tránh đề cập tới sự quan tâm của nhiều người một cách bị lụy với những chứng bệnh nan y khuyết tật bẩm sinh hay những vết thương nặng.*

- *Không miêu tả một người khuyết tật thành công như một siêu nhân, một sự phi thường.*

- *Không gây ra sự kích động khi nói tới sự khuyết tật.*

- *Nhấn mạnh những khả năng chứ không phải những mặt hạn chế*

- *Tránh những ấn tượng bất di bất dịch kiểu như "bi thảm nhưng dũng cảm". Trên thực tế nên tránh tất cả sự dập khuôn.*

- *Chứng minh rằng những người khuyết tật là những người tham gia tích cực vào những hoạt động xã hội. Miêu tả sinh động người khuyết tật giao tiếp với những người không khuyết tật trong những điều kiện xã hội và môi trường làm việc để giúp ta phá đi hàng rào ngăn cản và môi trường giao tiếp.*

- .....

***Nguồn tài liệu:*** Ủy ban Kinh tế, Xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Liên hợp quốc.

## Vai trò của chính phủ

Sự giúp đỡ của chính phủ trong cuộc sống ngày nay là điều thiết yếu. Chính phủ nhiều trợ giúp dưới nhiều hình thức bao gồm: đăng kí những sự kiện quan trọng của đời người (như khai sinh, hôn nhân, khai tử), cung cấp những tài liệu về nhiều hoạt động khác nhau và những vấn đề gây tranh cãi (như sự rõ ràng trong kinh doanh, giấy chứng nhận cư trú ở địa phương), cung cấp dịch vụ (như phổ biến thông tin về những chương trình hoạt động của chính phủ, ủng hộ về mặt kĩ thuật đối với một số hoạt động, tạo cơ hội đào tạo để cải thiện những hoạt động trong cuộc sống), xử lí những tài liệu mà giúp ích cho chính phủ trong việc giúp đỡ tài chính (như chuẩn bị giấy chứng nhận về thân thể về một người xin trợ cấp chính phủ hay phúc lợi xã hội), bảo vệ và điều trị (bảo vệ nhân dân tránh những thiệt về người hay bất kì thương tổn nào), và rất nhiều hình thức khác. Chính phủ khi tiến hành trợ giúp cho dân luôn phải thừa nhận, bảo vệ và phát huy những quyền công dân về dân sự, văn hoá, kinh tế, chính trị và xã hội. Cũng vì thế những quyền này có thể bị ảnh hưởng do chính phủ không cung cấp đủ những dịch có thể. Theo các điều khoản của luật nhân quyền, khi chính phủ đã thông qua, phê chuẩn hiệp định về luật nhân quyền thế giới thì họ phải có bổn phận bảo vệ những quyền lợi nằm trong hiệp định hay là họ phải có nghĩa vụ thực thi những đạo luật đó một cách đầy đủ nhất có thể.

Hối lộ và ăn đút lót đã ngăn cản chính phủ thực hiện nghĩa vụ và bổn phận của mình theo các hiệp định quốc tế mà họ đã kí kết. Tệ nạn này tiếp diễn gây ra vi phạm nhân quyền.

**Đề tài** : Tham ô và hối lộ

**Trình độ** : Trung học cơ sở.

**Môn học** : Nghiên cứu xã hội.

**Khái niệm nhân quyền** : Quyền được hưởng những dịch vụ của chính phủ

**Thời gian** : Một tiết

## I. MỤC ĐÍCH

Giúp học sinh có khả năng:

- Nhận biết được rằng vi phạm luật nhân quyền có liên quan đến tham ô, hối lộ.
- Thảo luận về quy tắc chuẩn mực đạo đức cho những nhân viên và quan chức chính phủ hay những nguyên tắc tương tự trong nhà nước.
- Giải thích quyền được quản lí tốt trong chính phủ.

## II. NGUỒN TƯ LIỆU

- Điều 2(1) trong Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (ICESCR)

*Mỗi bên trong hiệp ước này phải có những bước đi, có thể tiến hành độc lập hoặc thông qua hợp tác, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế mà đặc biệt là về kinh tế và kĩ thuật, để đạt được kết quả tốt nhất từ nguồn tài nguyên sẵn có để liên tục được thừa nhận đầy đủ các quyền như đã được thừa nhận trong Công ước hiện nay theo những hướng đi thích hợp, kể cả phải dùng đến luật pháp.*

- Đưa ra những bức tranh về tham ô và hối lộ.

### III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

#### A. Đặt vấn đề

Giáo viên đưa ra vài hình ảnh về các hình thức khác nhau của việc tham ô hối lộ trong thực tế (ví dụ tệ quan liêu, đút lót, ...). sau đó đưa ra những câu hỏi sau:

- Tất cả những hình ảnh trên nói lên điều gì?
- Những điều này thường xảy ra ở đâu?
- Ai là nạn nhân của những thực tế trên?

#### B. Giải quyết vấn đề

##### 1. Hoạt động

Yêu cầu học sinh chia làm các nhóm, mỗi nhóm 3 người. Sau đó hướng dẫn họ cách tự đặt mình vào từng tình huống

- Cố ý trì hoãn giải quyết thủ tục giấy tờ
- Nhân viên chính phủ đi làm muộn gây ảnh hưởng đến tính hiệu quả của công việc.
- Một lái xe bị công an bắt giữ vì vi phạm luật giao thông đã đề nghị đưa tiền cho người công an đó để tránh bị phạt.

##### 2. Phân tích

Sau khi học sinh đã diễn các tình huống trên, giáo viên đưa ra câu hỏi sau:

- Thông điệp từ những tình huống trên là gì?
- Các bạn có cảm giác thế nào về người bị ảnh hưởng bởi tệ quan liêu?

- Tại sao tham ô hối lộ được xem là những vấn đề lớn?
- Tham ô vi phạm quyền gì?

\*Hướng dẫn trả lời:

Những quyền khác nhau liên quan tới các hoạt động của chính phủ.

- Những quyền gì khác bị vi phạm khi tham ô hối lộ hoành hành?

\*Hướng dẫn trả lời:

- Quyền được sống nếu hoạt động của chính phủ có liên quan đến việc bảo vệ nguồn thu.
- Quyền được hưởng những nhu cầu thiết yếu nếu cộng đồng hỗ trợ cung cấp thức ăn hay những nhu cầu cần thiết khác.

##### 3. Kết luận

Giáo viên tóm tắt lại những câu trả lời của học sinh. Giáo viên cũng lưu ý ảnh hưởng của tệ tham ô hối lộ đối với cuộc sống hàng ngày.

Trong phạm vi của bài giảng này, giáo viên đưa ra một bài thuyết trình dựa trên những ý nghĩa của Điều 1 (1) trong Công ước quốc tế về quyền trong kinh tế, xã hội, văn hoá. Giáo viên phải giải thích rằng việc hỗ trợ của chính phủ là rất cần thiết trong nhận thức về nhân quyền. Trong một mối quan hệ về quyền lợi kinh tế, xã hội, văn hoá, chính phủ nhất định phải hoàn thành những điều luật về quyền hạn đến mức có thể. Người ta không yêu cầu các nhà chức trách phải ngay lập tức cung cấp tất cả phương tiện để nhận thức ra quyền lợi của họ mà chỉ là sự đảm bảo về sự tiến bộ trong nhận thức về các quyền.

Dựa trên những câu trả lời của học sinh, giáo viên giải thích rằng vi phạm nhân quyền là kết quả của tệ tham ô hối lộ trong chính phủ.

### Ví dụ:

- Trì hoãn việc cấp phép của chính phủ cho những hoạt động làm ăn do sự sao nhãng của các quan chức chính phủ- Quyền được sống.
- Bác bỏ yêu cầu giúp đỡ trong việc bảo vệ tài sản của một ai đó khỏi bị phá hoại - Quyền sở hữu tài sản.
- Không trợ giúp chỉ vì tình trạng kinh tế hay xã hội của người đi tìm việc - Quyền được đối xử công bằng.

Giáo viên cũng cung cấp tài liệu về đạo đức và những quy chuẩn đạo đức cho các quan chức chính phủ hay những nguyên tắc, đường lối tương tự trong nước. Giáo viên nhấn mạnh rằng những viên chức chính phủ theo luật phải tạo điều kiện để phục vụ nhân dân mà không được có sự phân biệt, và vì lợi ích của dân.

Giáo viên cũng cần nhấn mạnh rằng sự cần thiết của việc cung cấp các dịch vụ công cộng có chất lượng vì các viên chức chính phủ được trả lương bằng tiền thuế.

### 4. Vận dụng

Yêu cầu học sinh làm một áp phích mang nội dung:

- Về tham ô hối lộ.
- Về tác động tiêu cực của tệ tham ô lên cuộc sống.
- Nhân quyền bị vi phạm.

Yêu cầu học sinh đề xuất cách sử dụng những áp phích đó trong trường học (ví dụ như dán trên bảng tin của nhà trường để thông báo cho học sinh về vấn đề này)

### 5. Kết luận

Giáo viên kết luận rằng theo hệ thống luật nhân quyền, Chính

phủ đóng vai trò hết sức quan trọng. Không chỉ Chính phủ mới lĩnh trách nhiệm thực hiện luật nhân quyền, mà chính bản thân nhân dân cũng phải góp phần vào việc thi hành luật. Nhưng Chính phủ được thành lập hoàn toàn là để phục vụ lợi ích của nhân dân, bao gồm cả việc thi hành luật nhân quyền. Do đó, Chính phủ đóng vai trò thiết yếu. Tham ô hối lộ không có chỗ trong Chính phủ và điều đó vi phạm nhân quyền.

### IV. ĐÁNH GIÁ

Giáo viên yêu cầu học sinh suy nghĩ về một cơ quan Chính phủ đặc biệt, ngoại lệ và xác định xem liệu nhân viên trong cơ quan đó có làm những việc được liệt kê trong bảng dưới đây hay không bằng cách đánh dấu vào các cột tương ứng:

Trường hợp	Luôn luôn	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1. Nhận hối lộ cho một sự quan tâm, giúp đỡ đặc biệt			
2. Không giúp đỡ người nghèo hay người mù chữ			
3. Giúp đỡ mà không mong đợi được đáp lại			
4. Yêu cầu rất nhiều giấy tờ mà không một lời giải thích			
5. Chăm sóc người đang cần sự giúp đỡ			



<b>6. Giúp đỡ hiệu quả</b>			
<b>7. Nhận thức được quyền được hưởng những cơ hội bình đẳng</b>			
<b>8. Xử lý tài liệu chậm chạp</b>			
<b>9. Luôn luôn tôn trọng sự thật</b>			
<b>10. Hối lộ các nhà báo để nhận được nói tốt về mình</b>			

## V. BÀI TẬP

Yêu cầu học sinh tìm kiếm bất kì một bài báo nào đề cập đến việc ăn hối lộ trong một cơ quan chính phủ cụ thể và thuật lại cho cả lớp những gì các em đã tìm được vào buổi học hôm sau.

### Định nghĩa của các thuật ngữ

*Điều 2(1) trong Công ước quốc tế về quyền trong kinh tế, xã hội và văn hoá (ICESCR) bao gồm một số yếu tố cơ bản cần giải thích sau đây:*

*a. Không ngừng thực hiện các quyền, điều này có nghĩa là chính phủ không nhất thiết phải hoàn thành những quyền kinh tế, xã hội và văn hoá trong một thời gian ngắn kể từ khi họ có bốn phận thực hiện công ước này. Nhưng chính phủ có thể sẽ thực hiện nhanh và hiệu quả nhất có thể để tiến tới mục tiêu đó.*

*b. Những nguồn lực sẵn có ở mức cao nhất- lưu ý rằng có những vấn đề về nguồn, thì chính phủ có thể sẽ phải nỗ lực hết*

*mìnhhử dụng tất cả những nguồn lực sẵn có để thực hiện được bốn phận tối thiểu của mình*

*Hai yếu tố trên giải thích trọng tâm của công ước trên không phải là mong chờ chính phủ thực hiện đầy đủ những quyền lợi đó trong một thời gian ngắn khi bị hạn chế (về tài chính và một số mặt khác) ở tầm quốc gia và thậm chí cả quốc tế.*

*Tuy nhiên, điều quan trọng là chính phủ phải có những bước đi để đúng đắn để đạt kết quả cuối cùng.*

## Quyền được sống

Cuộc sống thật quý giá. Bạn nên tận hưởng cuộc sống tới mức có thể. Nhưng trong lịch sử loài người lại có vô vàn những chuyện chết chóc đau thương. Chiến tranh và xung đột dễ dàng huỷ hoại cuộc sống. Nghèo đói và bệnh tật cũng dần cướp đi cuộc sống của nhiều người thậm chí còn làm họ đau đớn. Chính trong bối cảnh đó tuyên bố quyền được sống là một điều hết sức quan trọng Tuyên ngôn về nhân quyền toàn cầu đã khẳng định rằng tất cả mọi người trên trái đất này đều trân trọng cuộc sống và muốn sống thật có nghĩa. Quyền được sống là quyền của tất cả mọi người.

<b>Chủ đề:</b>	<b>Cuộc sống đầy ý nghĩa.</b>
<b>Cấp học :</b>	Trung học cơ sở
<b>Môn :</b>	Đạo đức hay Giáo dục công dân
<b>Khái niệm nhân quyền :</b>	Quyền được sống.
<b>Thời gian :</b>	Một buổi.

## I. MỤC ĐÍCH

Học sinh sẽ phải:

- Xác định sự vi phạm nhân quyền trong việc áp dụng biện pháp "cái chết không đau đớn"
- Thảo luận xem liệu tự tử có đi ngược lại với Tuyên ngôn về nhân quyền toan cầu hay không.
- Nêu giá trị của cuộc sống qua những bài thơ, những bức vẽ, những bài hát, ...

## II. NGUỒN TƯ LIỆU

- Điều 3 trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người  
*Mọi người đều có quyền được sống, tự do và được bảo vệ.*
- Câu chuyện về cái chết nhân đạo (Euthanasia)
- Dụng cụ làm nghệ thuật.

## III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

### A. Đặt vấn đề

Yêu cầu học sinh đọc đoạn văn sau:

#### CÁI CHẾT NHÂN ĐẠO

*"Cái chết nhân đạo" (Euthanasia) trước đây được định nghĩa là chết dễ dàng, không phải chịu đựng sự đau đớn. Hiện nay, nó đề cập đến việc sử dụng thuốc kết thúc cuộc sống đối với những người đau đớn bệnh tật và những căn bệnh nan y. Vì vậy mà nó cũng được hiểu là tự tử mặc dù người đó biết sự quá liều của thuốc.*

*Có rất nhiều lí do khiến con người muốn kết thúc cuộc sống. Một trong những lí do đó có thể là lí do về xã hội hoặc là về kinh tế.*

*Đó là trường hợp của đôi vợ chồng ở Metro Manila quá nghèo đã cho con uống thuốc độc. Lí do khác cũng có thể vì sự thiếu cân bằng, khi mà đầu óc không còn nghĩ tỉnh táo nữa. Lí do thứ ba cũng có thể do những ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông hoặc xu hướng trong môi trường. Ví dụ như suốt thế kỉ thứ 19 ở châu Âu vào đỉnh cao của chủ nghĩa lãng mạn, có rất nhiều người đã tự tử. Một lí do rất phổ biến gần đây là họ kết thúc cuộc sống của những người sống nhân tạo không có khả năng phục hồi.*

*Cuộc sống của con người là một điều kiện cần thiết của mọi hoạt động của con người trong xã hội. Tâm hồn của mỗi con người được coi như một món quà. Vì vậy mà tại sao ta lại phải từ chối món quà đó.*

### B. Giải quyết vấn đề

#### 1. Hoạt động

Giáo viên yêu cầu học sinh hình thành hai nhóm tranh luận về chủ đề sau:

*Bạn có ủng hộ "euthanasia" không?*

#### TẠI SAO CÓ VÀ TẠI SAO KHÔNG?

Giáo viên hướng dẫn học sinh tranh luận: ví dụ như lắng nghe học sinh nói, giới hạn thời gian, không lan man.

#### 2. Phân tích

Sau khi thảo luận, giáo viên đưa ra những câu hỏi sau:

- Lí do được nêu là gì?

Giáo viên viết những ý kiến ủng hộ và phản đối.

- Những lí lẽ ủng hộ có biện minh cho hành động đó được không?

Hãy giải thích.

- Khi làm như vậy thì quyền nào đã bị vi phạm?

### 3. Trích dẫn

Yêu cầu học sinh trả lời những câu hỏi sau đây để đưa ra kết luận:

- Tại sao mạng sống lại quan trọng đối với con người đến như vậy?
- Lấy đi mạng sống của một người có đúng không? Tại sao?
- Còn quyền nào của con người bị vi phạm mà bạn thấy trong bài này?

Sau đó giáo viên tiếp tục cho tranh luận những vấn đề sau:

- Quyền được sống (Điều 3 trong "Tuyên ngôn Thế giới về nhân quyền")
- Một số giải thích khác về món quà của cuộc sống. (ví dụ: tín ngưỡng...)

Giáo viên phải nhấn mạnh rằng mạng sống của con người không hề rẻ rúng. Nó không thể dễ dàng bị vứt bỏ. Tuyên ngôn thế giới về quyền con người cũng đã nhấn mạnh rằng quyền được sống để ngăn chặn bất cứ sự biện hộ nào cho việc giết người vì những lí do về thể chất hay thần kinh, sự phân biệt chủng tộc hay những định kiến về chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội. Ngôn từ trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người rất đơn giản không có điều kiện gì: Mọi người có quyền được sống, tự do và được bảo vệ. Để chống lại sự giết người thô bạo hàng loạt trong Chiến tranh Thế giới thứ 2 cũng như những vụ giết người gần đây, lời tuyên bố này rất cần thiết để đảm bảo cho cuộc sống an toàn của con người.

Giáo viên đưa ra những dựa trên ý kiến của học sinh về món quà là cuộc sống.

Vì vậy giáo viên đưa ra kết luận: áp dụng phương pháp "cái chết nhân đạo" là vi phạm quyền sống, chúng ta phải sống bằng mọi giá.

### 4. Vận dụng

Giáo viên khuyến học sinh thể hiện sự trân trọng cuộc sống bằng cách sáng tác thơ, vẽ khẩu hiệu, viết nhạc...

### 5. Kết luận

Giáo viên nhắc lại rằng mọi người đều có quyền sống. Mọi người phải có trách nhiệm sống một cách có ý nghĩa và bảo vệ cuộc sống.

## IV. ĐÁNH GIÁ

Yêu cầu học sinh nêu ý kiến sau khi đọc đoạn văn sau:

*Jennifer, một em bé 10 tuổi, bị một viên đạn bắn nhằm và nằm bất tỉnh trong mấy tháng. Bố mẹ cô bé không thể chịu được sự đau đớn khi nhìn cô bé trong tình trạng vậy. Họ đang phải đối mặt với một quyết định liệu họ có nên chấm dứt sự đau đớn của cô bé bằng cách tháo ống thở hay không.*

## V. BÀI TẬP

Yêu cầu học sinh tìm hiểu về cuộc đời của một số người nổi tiếng đã tự tử. Nêu lí do họ tự tử. Đánh giá và khuyên lẽ ra họ nên làm gì để tránh phải tự tử.

## **Không phân biệt đối xử**

Trong hầu hết các xã hội, những người bị coi là khác biệt thường bị đối xử tồi tệ. Một ví dụ điển hình đó là thành kiến thông thường giữa các dân tộc. Những thành kiến này có thể biến thành sự phân biệt đối xử, tác động tới kế sinh nhai, tự do đi lại hay bảo vệ thân thể. Sự phân biệt đối xử không được chấp nhận bởi vì nó vi phạm nguyên tắc bình đẳng của tất cả mọi người.

Để nâng cao quyền con người, sự phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào cũng nên bị xoá bỏ. Để làm được việc này, mọi người phải bắt đầu với chính cái nhìn của mình đối với người khác, những người bị coi là khác biệt. Tính dân tộc trong nhiều trường hợp là căn nguyên của sự phân biệt đối xử. Con người phải nghiên cứu những thành kiến của mình dưới nhiều dạng khác nhau như đùa giỡn về những người khác, sự miễn cưỡng khi phối hợp hoặc làm việc cùng người khác hay công khai phản đối mọi người. Hầu hết các dạng thành kiến trên dường như đều vi phạm quyền con người.

**Chủ đề : Không còn phân biệt đối xử.**

**Cấp học :** Trên trung học cơ sở.

**Chủ đề :** Nghiên cứu xã hội.

**Khái niệm quyền con người:** Quyền không bị phân biệt đối xử.

**Thời gian :** Một tiết.

### **I. MỤC ĐÍCH**

Học sinh sẽ phải:

- Liệt kê những tác động của sự phân biệt chủng tộc.
- Nêu những thái độ và cách cư xử biểu lộ sự bất bình đẳng,

nhấn nhin và thông cảm.

- Thảo luận khái niệm không phân biệt đối xử.

## **II. NGUỒN TÀI LIỆU**

- Trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền có:

*Điều 1: Tất cả mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và về các quyền. Họ được phú cho lí trí và lương tâm và phải đối xử với nhau theo một tinh thần thiện chí.*

*Điều 2: Mỗi người đều được hưởng tất cả các quyền và tất cả các tự do đã được tuyên bố trong bản Tuyên ngôn này, không hề có sự phân biệt nào, nhất là sự phân biệt về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay mọi ý kiến khác, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, nguuồn gốc sinh ra và mọi hoàn cảnh khác.*

*Hơn nữa không có sự khác biệt nào có thể hình thành dựa trên nền tảng chính trị, quyền lực pháp lí hay địa vị quốc tế của quốc gia hay lãnh thổ nơi một người thuộc về cho dù nó độc lập, phụ thuộc hay dưới bất kỳ một giới hạn chủ quyền nào khác.*

- Trò chơi đố chữ.
- Bản đồ quốc gia.
- Tranh về các dân tộc khác nhau.

## **III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY**

### **A. Đặt vấn đề**

Yêu cầu học sinh chơi trò chơi đố chữ " Nối chữ". Giáo viên hướng dẫn học sinh khoanh tròn tất cả các dân tộc mà các em có thể tìm thấy trên bảng chữ.

K	O	K	T	A	S	A	D	A	Y	B	I
A	Y	A	A	L	T	I	B	O	L	I	G
P	A	N	G	A	S	I	N	A	N	K	O
A	K	K	A	B	A	D	Y	A	U	O	R
M	A	A	L	Y	O	S	A	M	A	L	O
P	N	N	O	L	B	E	K	I	R	A	T
A	B	A	G	A	I	B	A	T	A	N	M
N	O	Y	T	I	R	U	R	A	Y	O	A
G	N	T	A	G	B	A	N	U	A	G	N
A	T	S	I	L	O	N	G	G	O	L	O
N	O	M	K	I	L	O	K	A	N	O	B
T	K	B	A	T	A	N	G	U	E	N	B
Chú ý: Thay đổi những từ dựa theo các bộ lạc tại mỗi quốc gia											

B. Giải quyết vấn đề

1. Hoạt động

Giáo viên treo bản đồ lên và chỉ vào hình ảnh của các dân tộc. Yêu cầu học sinh dán những bức tranh trên bản đồ nơi mỗi dân tộc được tìm thấy.

Yêu cầu học sinh mô tả về mỗi dân tộc. Sử dụng Bảng 1, giáo viên viết lên những câu trả lời của học sinh dựa vào những điểm tương đồng và khác biệt. Giáo viên lưu ý tới những mô tả tiêu cực (thành kiến/ định kiến).

Bảng 1. Những điểm tương đồng và khác biệt

Dân tộc	Điểm tương đồng	Điểm khác biệt	Thành kiến/ Định kiến

Ví dụ về thành kiến:

" Người Ilokanos keo kiệt, bủn xỉn"

" Người Kapampangans có ý thức về thời trang cho dù họ không hề có tài sản"

2. Phân tích

Giáo viên đưa ra những câu hỏi sau:

- Những mô tả về các dân tộc nói cho chúng ta biết điều gì?

Gợi ý trả lời:

Họ khác chúng ta ở một vài điểm

Chúng ta có rất nhiều điểm chung.

- Liệu sự phân biệt chủng tộc có xảy ra? Trích dẫn ví dụ.
- Sự phân biệt chủng tộc ảnh hưởng tới mối quan hệ của chúng ta với các dân tộc khác như thế nào?
- Chúng ta nên có thái độ như thế nào đối với những dân tộc khác?

Giáo viên viết các câu trả lời lên trên bảng.

### 3. Trích dẫn

Giáo viên tóm tắt những câu trả lời được viết trên bảng chú trọng vào câu hỏi cuối cùng.

Giáo viên giải thích khái niệm về sự bình đẳng dựa trên Điều 1 trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người

Giáo viên nhấn mạnh tới những từ ngữ như *con người, tự do, bình đẳng, phẩm cách, quyền, lí trí, lương tâm, tình đoàn kết* (đoàn kết với tất cả mọi người) như là những điểm quan trọng của Điều 1 và là cơ sở của quyền con người.

Giáo viên tóm tắt Điều một bằng câu nói *tất cả mọi người đều có quyền như nhau*.

Sau đó giải thích khái niệm không phân biệt đối xử dựa trên Điều 2 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người

Giáo viên nhấn mạnh rằng với Điều 2 tất cả mọi người đều có quyền và tự do như đã tuyên bố trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người.

Giáo viên tóm tắt Điều 2 bằng câu nói *phân biệt đối xử với bất cứ ai đều được coi là vi phạm nhân quyền*.

Sử dụng hai điều luật trên, giáo viên giải thích rằng trong khi tính dân tộc làm nổi bật sự khác biệt giữa dân tộc này và dân tộc khác, song không nên ngăn cản thành viên của các dân tộc thực hiện và nhận biết quyền của mình. Họ cũng có quyền như những người khác. Họ được ban quyền để không bị phân biệt đối xử.

### 4. Vận dụng

Giáo viên yêu cầu học sinh lập nên một vài nhóm và thảo luận

cách thức vận dụng chống lại những thành kiến và định kiến được viết trong bảng 1. Giáo viên yêu cầu học sinh viết những ý kiến của chúng vào một tờ giấy lớn với hai cột, một cột cho thành kiến và định kiến, cột kia cho các cách vận dụng vào thực tế chống lại các định kiến, thành kiến đó.

### 5. Kết luận

Giáo viên kết thúc buổi học bằng việc nói cho học sinh biết rằng mỗi người đều có những thành kiến và định kiến đối với những người khác. Giáo viên giải thích rằng quyền con người đưa ra những nguyên tắc mà nhờ đó những thành kiến và định kiến (thường dẫn tới phân biệt đối xử) có thể được xem xét và sửa chữa. Giáo viên kết thúc bằng câu nói:

***Phân biệt đối xử là sự xâm phạm quyền con người mà nó không chỉ làm hại các dân tộc mà còn làm hại tất cả mọi người do nó khuyến khích tư tưởng bất bình đẳng.***

### IV. ĐÁNH GIÁ

Giáo viên có thể sử dụng bất cứ cách thức phù hợp nào để đánh giá sự hiểu biết của học sinh về quyền không bị phân biệt đối xử. Sự đánh giá có thể được thực hiện trước phần kết thúc.

### **Quyền của lao động nhập cư**

Những công nhân di cư ngày nay đã trở nên quen thuộc với mọi người do bản thân những thành viên trong gia đình họ là người lao động di cư hoặc những người lao động di cư này cư trú ngay trong cộng đồng của họ. Những công nhân di cư đang hỗ trợ cho các ngành cần nhiều lao động như trong các trang trại và các nhà máy. Một số công nhân di cư làm việc tại các hộ gia đình. Trong hoàn

cảnh nào đó, sự hiện diện của họ là quan trọng do một số thành viên trong gia đình không ưa thích những công việc này. Trong nhiều hoàn cảnh, công nhân di cư làm việc tại một quốc gia nào đó trong một khoảng thời gian nhất định. Có rất nhiều công nhân di cư thoả mãn với điều kiện làm việc của mình nhưng cũng có không ít người bị lạm dụng, ngược đãi của chủ mình ví dụ như điều kiện làm việc tồi tệ, không được trả lương và điều kiện sống không thoả mãn. Một số công nhân di cư còn là nạn nhân của những kẻ thuê mướn bất hợp pháp. Xem xét lợi ích do công nhân di cư đem lại cho chính nước họ và công việc, quyền lợi của họ phải được bảo vệ. Họ xứng đáng được hỗ trợ thích đáng (về tài chính hay dưới những hình thức khác) so với giá trị sức lao động mà họ bỏ ra.

**Chủ đề :** Lao động nhập cư.

**Cấp học :** Trung học phổ thông.

**Môn học :** Nghiên cứu xã hội.

**Khái niệm nhân quyền:** Quyền được hưởng điều kiện làm việc công bằng và dễ chịu.

**Thời gian giảng dạy :** Một tiết.

## I. MỤC ĐÍCH

Học sinh sẽ phải:

- Mô tả cảnh ngộ của những công nhân di cư trong nước hoặc trong khu vực.
- Phát biểu rằng mọi người đều có quyền làm việc và có quyền được hưởng điều kiện làm việc công bằng và dễ chịu

## II. NGUỒN TÀI LIỆU

- Điều 23 (3) của Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền, mọi

người làm việc đều có quyền được trả như nhau và công thoả đáng nhằm đảm bảo cho gia đình và bản thân anh ta sự tồn tại giá trị nhân phẩm và nếu cần thiết được bảo vệ theo những cách khác của xã hội.

- Báo chí hoặc các bài viết trên tạp chí về công nhân di cư, chủ yếu nói về phạm vi di chuyển lao động di cư trong khu vực hay trên thế giới.

- Phim hay tài liệu về những công nhân di cư ví dụ như băng hình có tên là "Silent Cries" (Những tiếng khóc thầm).

## III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

### A. Đặt vấn đề

Giáo viên chỉ vào những bức tranh giới thiệu về công nhân di cư, công nhân tại các đồn điền và những người giúp việc trong gia đình (chú trọng vào những người lao động di cư) tại quốc gia mình.

Yêu cầu học sinh liệt kê những quốc gia mà công nhân di cư có thể đến từ đó, những gì chúng đã được nghe về họ. Giáo viên viết danh sách đó lên một phía bảng hay lên một tờ giấy lớn và nói rằng vấn đề này sẽ được đề cập lại vào cuối buổi học.

(Chú ý: Điểm của bài tập này là để khuyến khích những miêu tả tốt về công nhân di cư trong nước được lấy từ phương tiện thông tin đại chúng và từ những nguồn thông tin khác.)

### B. Giải quyết vấn đề

#### 1. Hoạt động

Giáo viên giải thích về hình ảnh của những công nhân di cư đã được liệt kê trước đó để có thể so sánh với những kinh nghiệm bản thân của những công nhân di cư có trong bộ phim tư liệu.

Giáo viên cho chiếu cuốn băng "Silent cries" (Những tiếng

khóc thầm) hoặc trong trường hợp không có đầu video thì kể câu chuyện trong cuốn băng.

### **Tóm tắt "Những tiếng khóc thầm".**

*Abdul là một người Nam Á làm việc tại một rạp chiếu phim ở một thành phố Đông Nam Á. Anh ta không nhìn thấy tấm hộ chiếu của mình từ khi đưa nó cho ông chủ của mình hai năm trước đây. Ông chủ của anh ta nói rằng nó vẫn còn nằm tại Sở nhập cư. Hàng ngày Abdul luôn lo sợ bị cảnh sát bắt giữ vì không thể xuất trình giấy tờ hợp lệ ví dụ như hộ chiếu cho việc anh trú ngụ trên đất nước này.*

*Đất nước nơi Abdul làm việc là ngôi nhà tạm cho khoảng 3 triệu công nhân di cư. Họ đến từ các quốc gia khác nhau tại Đông Nam và Nam Á nhằm kiếm việc làm tại các bãi chôn lấp. Cuộc sống là một công nhân di cư thật không dễ dàng.*

## **2. Phân tích**

Giáo viên đưa ra những câu hỏi sau:

- Abdul bị chủ vi phạm quyền gì?
- Các em cảm thấy thế nào về cảnh ngộ của những công nhân di cư?
- Những công nhân di cư phải đối mặt với những vấn đề gì?
- Những công nhân di cư nên được bảo vệ thế nào theo quyền của người lao động?

Giáo viên ghi những câu trả lời của học sinh lên bảng.

## **3. Tóm tắt**

Giáo viên tóm tắt những câu trả lời của học sinh bằng cách nhấn mạnh những điều kiện làm việc khác nhau của những công nhân di cư.

Giáo viên giải thích rằng trong hệ thống quyền con người quốc tế, một 'công nhân di cư' là một người được thuê để trả công tại một nước mà người đó không phải là người bản địa. Do vậy từ di cư chỉ không phải thuộc dân tộc của một quốc gia. Giáo viên giải thích rằng những công nhân di cư, những người di cư từ vùng này (thường là các khu vực nông thôn) tới vùng khác trong một quốc gia (thường là các khu vực nông thôn) đến vùng khác (thường là khu công nghiệp) để làm việc, những người nên được đối xử giống như những người khác trong quốc gia đó.

Giáo viên tiến hành thảo luận những khoản của Điều 23 (3) trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Giáo viên nhấn mạnh những công nhân di cư cũng có những quyền "công bằng và được trả công thỏa đáng nhằm đảm bảo cho gia đình và bản thân anh ta sự tồn tại đúng giá trị nhân phẩm và nếu cần thiết được bảo vệ theo những cách khác của xã hội" như những người lao động khác.

Giáo viên cho học sinh biết cộng đồng thế giới (đại diện là Liên hợp quốc) vừa đưa ra một thỏa thuận quốc tế về quyền của những người lao động di cư (Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả những công nhân di cư và các thành viên trong gia đình họ) (Xem chú ý bên dưới).

Giáo viên giải thích rằng cần thiết phải thiết lập một hệ thống giúp đỡ những công nhân di cư được hưởng lợi từ công ước quốc tế này.

## **4. Vận dụng**

Giáo viên yêu cầu học sinh đưa ra những khẩu hiệu hoặc những lời phát biểu mà các em có thể nghĩ đến nhằm nâng cao quyền của của những công nhân di cư.

## **5. Kết luận**

Giáo viên nói với học sinh rằng những công nhân di cư cũng giống như những người lao động khác, những người có quyền con



người theo ý nghĩa chung và theo nghĩa là một người lao động nói riêng. Hiện nay qua nhiều năm người ta đã xây dựng đủ những tiêu chuẩn về nhân quyền quốc tế để bảo vệ, nâng cao và thực hiện quyền của những công nhân di cư.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ**

Giáo viên yêu cầu học sinh nêu lên một số quyền cơ bản của những công nhân di cư và chính phủ nên bảo vệ những quyền này như thế nào.

#### **V. BÀI TẬP**

Giáo viên yêu cầu học sinh thực hành viết một bức thư cho người đứng đầu cơ quan của chính phủ chịu trách nhiệm về những công nhân di cư, nhắc ông về những biện pháp khả thi để thực thi việc bảo vệ những người lao động di cư.

#### ***Thông tin bổ sung***

Vào tháng 12 năm 1990, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Công ước quốc tế về Bảo vệ quyền cho tất cả những người lao động di cư và các thành viên trong gia đình họ. Giống như tất cả các công ước quốc tế khác về quyền con người, công ước này đưa ra những tiêu chuẩn tạo ra khuôn mẫu cho các luật và những thủ tục hành chính và pháp lý của từng quốc gia. Chính phủ của các quốc gia đã thông qua hay thừa nhận công ước này cam kết áp dụng các điều khoản của nó bằng việc thông qua và thực hiện những biện pháp cần thiết. Các nước này cam kết đảm bảo rằng những người lao động di cư bị xâm phạm quyền lợi có thể tìm thấy sự bù đắp công bằng.

#### ***Quyền con người và những công nhân di cư.***

*Những công nhân di cư không phải là sản phẩm của thế kỷ XX.*

*Người ta đang rời bỏ quê hương mình để tìm việc ở đâu đó để kiếm sống. Ngày nay, sự khác biệt là ở chỗ có nhiều người lao động di cư hơn bất kì một giai đoạn nào trong lịch sử loài người. Hàng triệu người đang kiếm sống, hay tìm kiếm một công việc được trả lương, trở thành những người xa lạ đối với những nước nơi họ cư ngụ. Không có một châu lục nào, không có một khu vực nào trên thế giới lại không có đạo quân lao động di cư.*

#### ***Tại sao họ phải di cư?***

*Nghèo đói và không có khả năng kiếm đủ tiền hay sản xuất đủ để nuôi sống bản thân hay gia đình của mình là những lí do cơ bản ẩn chứa đằng sau làn sóng người tìm việc từ quốc gia này tới quốc gia khác. Đây không chỉ là những đặc tính của sự di cư từ những nước nghèo đến những nước giàu, nghèo đói còn thúc đẩy sự di chuyển từ những quốc gia đang phát triển tới những quốc gia khác nơi triển vọng về việc làm dường như ít nhất là khả quan hơn.*

*Còn có những lí do khác giải thích tại sao phải ra nước ngoài tìm việc làm. Chiến tranh, bạo động, khủng bố và mất an toàn ngày càng tăng từ sự phân biệt sắc tộc, nguồn gốc dân tộc, màu da, ngôn ngữ hoặc quan điểm chính trị, tất cả đều góp phần vào dòng chảy người lao động di cư.*

#### **Trẻ em đường phố**

Trẻ em đường phố đã trở thành những cảnh tượng bình thường tại các thành phố. Chúng lang thang trên các phố để kiếm sống bằng việc đánh giày, bán thuốc lá, bán kẹo, bốc rác và ăn xin. Một số trở thành nạn nhân của bọn bán lẻ ma túy hay dần có thói quen hít ma túy hoặc phải ăn cắp vặt. Trẻ em đường phố có thể mơ ước tới một cuộc sống đầy đủ. Nhưng thật không may, không có nhiều cơ hội

cho chúng thoát khỏi hoàn cảnh. Chúng cũng có những quyền như những đứa trẻ khác, những đứa trẻ không phải sống trong hoàn cảnh khó khăn. Chúng có quyền được bảo vệ cũng như phục vụ để có thể sống một cuộc sống đầy đủ của một con người.

**Chủ đề: Trẻ em đường phố.**

**Cấp học:** Trung học cơ sở.

**Môn học :** Giáo dục công dân.

**Khái niệm nhân quyền:** Tất cả trẻ em đều có quyền được bảo vệ không bị bóc lột vì mục đích kinh tế

**Thời gian giảng dạy:** Một tiết.

## I. MỤC ĐÍCH

Học sinh sẽ phải:

- Giải thích mọi trẻ em đều có quyền sống một cuộc sống no đủ, có quyền tự do không phải chịu những hoạt động mang tính bóc lột hay có hại.
- Nêu những cách và biện pháp để giúp trẻ em đường phố.
- Thảo luận việc chính phủ có thể cung cấp những gì để giúp đỡ cha mẹ hay những người bảo hộ chính thức của trẻ em đường phố nhận ra quyền của mình.

## II. NGUỒN TÀI LIỆU

- Điều 32, phần 1 của Công ước về quyền trẻ em

*1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được bảo vệ không bị bóc lột về kinh tế và không phải làm bất kì công việc gì nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học hành của trẻ em, hoặc có hại đối với sức khỏe hay sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, hay xã hội của trẻ em.*

*2. Các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp lập pháp, hành chính, xã hội và giáo dục để đảm bảo việc thực hiện điều này. Để đạt mục tiêu này và tính đến những điều khoản thích hợp của những văn kiện quốc tế khác, các quốc gia thành viên đặc biệt phải:*

*(a) Quy định một hay nhiều hạn tuổi tối thiểu được phép thu nhận làm công;*

*(b) Có chế định thích hợp về giờ giấc và điều kiện lao động;*

*(c) Quy định những hình thức phạt thích hợp hay các hình thức phạt khác để đảm bảo thực hiện điều khoản này.*

- Trích dẫn từ cuốn sách Children of the Dust (Những đứa trẻ của bãi rác)

- Đọc tài liệu Boy Beggar (Đứa trẻ ăn xin)

## III. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

### A. Đặt vấn đề

Yêu cầu học sinh đọc đoạn văn sau:

*Cuộc sống đường phố có rất nhiều điều bất ổn. Bạn sống ngày qua ngày. Thực sự nó đem lại cho bạn tự do trong một thời gian, nhưng cuối cùng bạn chỉ là một người ngu xuẩn. Tôi đã ăn cắp rất nhiều thứ khi tôi sống lang thang trên hè phố. Mãi đến khi chấm dứt cuộc sống lang thang tôi mới hiểu mình tệ đến mức nào. Một nửa trái tim tôi đã khô héo từ khoảng thời gian đó, tôi chỉ còn một nửa còn lại là trong sáng. Tôi muốn cứu những gì còn lại cho hiện tại và tương lai.*

- Một đứa trẻ 16 tuổi đã từng lang thang hè phố (Trích dẫn từ cuốn sách Children of the Dust của Ngô Kim Cúc và Mikel Flamm, World Vision International Bangkok 1996, trang 5 ).

Yêu cầu học sinh nghĩ về những trẻ em đường phố mà chúng gặp trong chính cộng đồng của mình, và cân nhắc liệu những trẻ em đường phố có coi tương lai của chúng như đứa trẻ đường phố nói trên hay không.

**B. Giải quyết vấn đề**

**1. Hoạt động**

Cho học sinh xem một đoạn phim về trẻ em đường phố và yêu cầu chúng đọc mẩu chuyện sau:

**Đứa trẻ ăn xin.**

*Santi thật nhỏ bé so với một đứa trẻ lên 10. Nó có dáng vẻ ốm yếu và tiêu tụy. Nó bị bỏng và bệnh ngoài da. Cậu bé nói rằng cha cậu ốm chết đã nhiều năm qua. Mẹ cậu phải một mình chăm sóc 7 đứa con, và kiếm tiền bằng việc bán thuốc lá ở chợ. Hiện tại, những người chị của cậu làm việc tại tỉnh khác. Santi không biết nó từ nơi nào đến vì rời nhà khi còn quá nhỏ.*

*Santi kể rằng cậu đến thành phố này cùng với một người "bà", một người dường như không có quan hệ họ hàng với gia đình cậu. Cậu bé cho biết một người đàn ông có xe ô tô đã chở họ từ làng lên thẳng thành phố.*

*Người "bà" bắt cậu đi ăn xin từ mờ sáng cho tới nửa đêm. Cậu được đưa đến rất nhiều nơi mà cậu không biết tên để ăn xin. Cậu phải kiếm được một khoản tiền nhất định mỗi ngày, bằng không cậu sẽ bị "bà" đánh. Cậu bé cho biết người "bà" này dùng tất cả số tiền cậu kiếm được để đánh bạc.*

*Santi nói "Tôi ghét bà ta vì bà ấy luôn đánh tôi. Đôi lúc tôi đã cố gắng giấu một vài đồng xu trong áo của tôi nhưng bà ấy vẫn tìm ra chúng và trừng phạt tôi một cách nghiêm khắc. Tôi muốn chạy trốn khỏi bà ấy nhưng tôi không biết đi đâu. Tôi muốn về nhà nhưng tôi không biết phải làm như thế nào".*

*Một lần Santi bị cảnh sát bắt giữ cùng với "bà" và bị giam giữ 10 ngày. Họ được gửi trở về làng. Nhưng ngay sau đó, bà ta lại mang cậu bé trở lại thành phố và vòng xoáy xấu xa lại một lần nữa bắt đầu.*

*Phỏng theo "Santi cậu bé ăn xin 10 tuổi người Campuchia tại Bangkok", Lao động trẻ em tại Châu Á, số 14, nos. 1-2, Tháng 1-tháng 8, 1998, trang 38.*

**2. Phân tích**

Yêu cầu học sinh làm những việc sau:

- Mô tả về hoàn cảnh của Santi vào cột thứ nhất của bảng sau. Nêu năm chi tiết. Cột thứ hai là những nhu cầu cơ bản không được đáp ứng của Santi tương ứng với những mô tả hoàn cảnh của cậu bé.

**HOÀN CẢNH CỦA SANTI**

Mô tả về hoàn cảnh của Santi	Nhu cầu cơ bản không được đáp ứng của Santi
1. Bị bắt phải đi ăn xin	1. Cơ hội vui chơi hoặc sử dụng thời gian theo những cách sáng tạo và có ích.
2. Bị lạm dụng thể xác	2. An toàn thân thể.
3.Điều kiện sức khoẻ tồi tệ	3. Dinh dưỡng đầy đủ, hỗ trợ y tế.
4. Phơi nắng cả ngày.	4. Sự bảo vệ khỏi những yếu tố có hại ví dụ như cháy nắng, hít khí thải từ các phương tiện giao thông.
5. Không đi học.	5.Giáo dục
<b>Chú ý:</b> Những câu trả lời trong các cột là những câu trả lời dự kiến.	

- Ai là người được lợi từ hoàn cảnh của Santi?
- Hoàn cảnh của Santi xảy ra như thế nào? Tại sao?
- Ai là người nên đáp ứng những nhu cầu của Santi?

*Hướng dẫn trả lời:*

Cha mẹ, người họ hàng, những cá nhân quan tâm.

- Nếu cha mẹ hay những người thân khác không thể đáp ứng nhu cầu của bọn trẻ thì ai có thể giúp chúng?

*Hướng dẫn trả lời:*

Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các quan chức địa phương, các tổ chức xã hội.

- Santi muốn làm gì?
- Mẹ của Santi nên làm gì? Chính phủ nên làm gì?

Giáo viên viết các câu trả lời lên bảng và sau đó tóm tắt. Giáo viên nhấn mạnh đến hoàn cảnh của Santi trong trường hợp bị bóc lột vì lợi ích kinh tế bởi những người khác, không phải vì hạnh phúc của bản thân cậu bé.

### **3. Trích dẫn**

Giáo viên giải thích quyền được bảo vệ tránh khỏi sự bóc lột kinh tế dựa vào Điều 32, Phần 1 của Công ước về quyền trẻ em.

Giáo viên nhấn mạnh rằng Công ước về quyền trẻ em mục đích đầu tiên là nhằm bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho trẻ em dưới 18 tuổi. Quyền lợi tốt nhất của trẻ em được đáp ứng bằng việc giúp

chúng phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và xã hội. Hay nói cách khác, phát triển những khả năng của trẻ em phải được hỗ trợ nhiều nhất nếu có thể.

Giáo viên giải thích rằng một trong những lí do chung khiến cho trẻ em không thể phát triển hết khả năng của mình là do sự đói nghèo. Và ngược lại, nó cũng là nguyên do trẻ em bị thuê mướn vào những hoạt động có hại cho sức khỏe, sự an toàn và phát triển của chúng.

Giáo viên cũng giải thích rằng trong khi thực tế đói nghèo là điều không thể tránh cho trẻ em khỏi làm việc vì lợi ích của gia đình chúng thì Điều 32 đã đặt ra một giới hạn cho vấn đề này. Trẻ em không nên bị khai thác vì mục đích kinh tế. Sự giúp đỡ gia đình của chúng về mặt kinh tế có thể là cần thiết nhưng không đến mức đưa các em vào vào hoàn cảnh có hại. Nếu không thì đó sẽ là bóc lột kinh tế. Theo Công ước này thì đó là xâm phạm quyền trẻ em bao gồm quyền được giáo dục, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền được an toàn thân thể, quyền được nghỉ ngơi/ vui chơi. Công ước này kêu gọi sự hỗ trợ của các bậc cha mẹ, những người bảo hộ hợp pháp, các tổ chức, chính phủ cũng như là cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết vấn đề khó khăn này.

Phải có những điều khoản liên quan đến độ tuổi làm việc nhỏ nhất và giờ làm, điều kiện lao động của nhân công để kiểm soát hoàn cảnh của những đứa trẻ đi làm. Và phải có những hình phạt cho việc vi phạm những yêu cầu nêu trên. Như vậy có thể ngăn chặn tình trạng bóc lột trẻ em vì mục đích kinh tế.

Giáo viên cũng nhấn mạnh rằng Công ước này ghi nhận trẻ em

có quyền bộc lộ suy nghĩ riêng và đóng góp vào nỗ lực mang lại sự bảo vệ cho trẻ em hay sự tăng trưởng và phát triển của trẻ.

4. Vận dụng

Yêu cầu học sinh điền vào những cột trong bảng sau bằng cách hỏi: Để giúp đỡ những đứa trẻ như Santi, bạn sẽ làm gì?

Giúp đỡ Santi

Ngăn chặn	Bắt đầu	Tiếp tục
- Không quan tâm tới trẻ em đường phố.	- Chú ý tới sự xuất hiện của trẻ em đường phố trong cộng đồng  - Hiểu và thông cảm với những câu chuyện của chúng, hỏi quan điểm của chúng về việc làm thế nào để cải thiện tình hình  - Yêu cầu các cơ quan hữu trách về chương trình trẻ em của chính phủ giúp đỡ trẻ em đường phố.	- Kiểm tra cộng đồng để tìm cơ hội thay đổi hoàn cảnh cho trẻ em đường phố.

5. Kết luận

Giáo viên kết thúc buổi học bằng việc nhắc nhở học sinh về giấc mơ của những đứa trẻ đang phải làm việc. Giáo viên nói rằng trẻ em đường phố giúp chúng ta nhận ra quyền của chúng thông qua những nỗ lực của chúng và quyền của những người khác, đặc biệt là các bậc cha mẹ.

IV. ĐÁNH GIÁ

Giáo viên đọc những tình huống ở cột trái của bảng sau và yêu cầu học sinh đưa ra những câu trả lời vào cột thứ hai, cột thứ ba và cột cuối.

Tình huống	Quyền bị xâm phạm	Trách nhiệm của cha mẹ	Trách nhiệm của các cơ quan
Trẻ em làm việc	Quyền được học hành	Gửi chúng đến trường	Trường công lập (giáo dục miễn phí)
Trẻ em gây còm			
Trẻ em ăn mặc rách rưới			
Trẻ em ngủ dưới gốc cây hoặc dưới những tảng đá trong chợ			
Trẻ em đi học vào ban ngày và đi làm vào ban đêm.			
<b>Chú ý:</b> Những câu trả lời trên dòng đầu chỉ là những câu trả lời mẫu.			

V. BÀI TẬP

Giáo viên giao bài tập qua những chỉ dẫn sau:

- a) Phỏng vấn trẻ em đường phố trong cộng đồng để tìm hiểu tại

sao và thế nào mà các em lại lâm vào hoàn cảnh đó.

b) Thảo một lá thư gửi một cơ quan (có thể thuộc hoặc không thuộc chính phủ) có thể giúp đỡ trẻ em đường phố.

c) Trình bày nội cuộc phỏng vấn và lá thư đã được thảo vào buổi học sau.

### **Quyền được tham gia**

Hệ thống xã hội hiện tại nhấn mạnh quyền hạn của công dân được đòi hỏi chính phủ phải có trách nhiệm đối với những việc làm của mình. Những ý tưởng như điều hành đất nước tốt, giải trình sổ sách và tính minh bạch đã làm rõ hơn quan điểm này. Cụ thể là, người dân có quyền (với tư cách cá nhân hay tập thể) được biết chính phủ mình đang có những chính sách gì, chương trình và hoạt động nào phục vụ lợi ích của người dân. Họ có thể tham gia nhiều hơn vào chính phủ bằng cách đề xuất những giải pháp về cách thức cải thiện các hệ thống trong chính phủ hay cách thức cải thiện những thay đổi những ưu tiên của chính phủ. Họ cũng có thể tham gia (chẳng hạn như đệ đơn kiện các quan chức chính phủ) để khẳng định tầm quan trọng bậc nhất của việc phục vụ người dân được giao cho tất cả các quan chức chính phủ. Do đó, quyền được tham gia, một quyền cơ bản của con người, là quyền được phục vụ lợi ích của chính công dân và cả xã hội nói chung.

**Môn học :** Ngân sách quốc gia và hệ thống thuế

**Cấp học :** Trung học phổ thông

**Môn học :** Kinh tế học, Các vấn đề xã hội

**Quan niệm về nhân quyền :** Quyền được tham gia và tiếp cận thông tin

**Thời gian:** Một tiết

## **I - MỤC ĐÍCH**

Học sinh sẽ phải:

- Đánh giá xem có sự cân đối giữa thu và chi quốc gia hay không.
- Nhận thức được rằng người dân có quyền tham gia và tiếp cận với các thông tin công cộng.
- Xác định cách mà người dân có thể tham gia vào việc lập ngân sách quốc gia.

## **II - NGUỒN TÀI LIỆU**

- Theo Điều 21(1) trong bản Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền:  
*Mọi người đều có quyền tham gia vào các công việc của chính phủ của đất nước mình, một cách trực tiếp hay thông qua những người đại diện dân cử.*
- Tóm tắt các khoản mục chính trong ngân sách quốc gia (các khoản thu và các khoản chi) một tờ giấy khổ lớn với các lượng tương ứng.
- Tài liệu tham khảo: *Ngân sách quốc gia*

## **III - TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY**

### **A.Đặt vấn đề**

Giáo viên cho học sinh xem một tờ giấy khổ lớn liệt kê số lượng các khoản thu và các khoản chi theo các khoản mục khác nhau. Giáo viên nói cho học sinh biết bảng liệt kê đó chính là ngân sách quốc gia.

### **B.Giải quyết vấn đề**

#### **1. Hoạt động**

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc bài *Ngân sách quốc gia* dưới đây (hoặc bất kỳ tài liệu nào giải thích về ngân sách quốc gia) trong vòng 10 phút.

### Ngân sách quốc gia

Ngân sách quốc gia gồm hai phần: thu và chi. *Các khoản thu* bao gồm tất cả các khoản mà chính phủ thu được từ các nguồn khác nhau, trong khi đó *các khoản chi* là những khoản chi phí mà chính phủ phải gánh chịu theo các khoản mục khác nhau. Nếu chi tiêu quốc gia vượt quá nguồn thu của chính phủ thì thâm hụt ngân sách quốc gia sẽ tăng lên.

Ngân sách quốc gia được chuẩn bị hàng năm. Bộ Tài chính dự thảo kế hoạch ngân sách quốc gia dựa trên các kế hoạch ngân sách dự thảo mà các bộ và các cơ quan chính phủ trình lên. Kế hoạch ngân sách quốc gia được thông qua ở hai cấp, cấp cơ quan Hành pháp (thông qua Chính phủ) và cấp cơ quan Lập pháp (Nghị viện). Nghị viện đặc biệt quan tâm đến việc xem xét các cách phân bổ thích hợp trong kế hoạch ngân sách. Nghị viện có thể quyết định phân bổ lại nhiều tiền hơn cho bộ dự kiến thực hiện những công việc khẩn cấp và ưu tiên.

Các khoản chi ưu tiên (những khoản được cấp nhiều tiền hơn) là những khoản do chính phủ duyệt dựa trên tình hình quốc gia.

Chính phủ phải tạo được nguồn thu để có thể chi tiêu theo ngân sách quốc gia. Chính phủ có thể thu từ nhiều nguồn khác nhau, chẳng hạn như từ thuế thu nhập. Các cá nhân và các tổ chức nộp thuế cho chính phủ hàng năm hoặc vào những thời kỳ nhất định trong năm dựa vào lượng thu nhập của họ.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp và cá nhân, chính phủ có thể còn có các nguồn thu khác như:

- Từ việc bán hay cho thuê tài sản quốc gia như xí nghiệp hay các doanh nghiệp nhà nước, đất công, và rừng.
- Từ thuế đánh vào việc sử dụng đường sá, sân bay, và các cơ sở bưu điện và viễn thông.
- Tiền thu từ các dịch vụ của chính phủ như phát hành các loại giấy tờ, giấy giá thú và giấy phép;
- Tiền phạt những trường hợp vi phạm luật giao thông, vi phạm những qui định về gây ô nhiễm môi trường...

Ngân sách quốc gia là nguồn mà chính phủ sử dụng để thực hiện chức năng cung cấp các dịch vụ cho nhân dân.

### 2. Phân tích

Giáo viên yêu cầu học sinh xem lại tờ giấy to về ngân sách quốc gia để trả lời các câu hỏi sau:

- a) Công dân có quyền được biết việc chi tiêu tiền của họ (dưới dạng tiền nộp thuế) không?
- b) Như thế nào thì được gọi là khoản chi tiêu ưu tiên?
- c) Bạn có tán thành cách thức chính phủ chi tiêu tiền từ thuế không?
- d) Bạn đề nghị nên có những thay đổi nào về ngân sách quốc gia? (giải thích)
- e) Tại sao bạn lại cho rằng chính phủ cần có nguồn thu?
- f) Có sự cân đối giữa các khoản thu và các khoản chi không?
- g) Công dân có trách nhiệm gì trong việc giúp chính phủ tạo nguồn thu nhập?
- h) Công dân có nên tham gia vào việc lập ngân sách quốc gia không? Tại sao có? Tại sao không?
- i) Công dân có thể tham gia vào việc lập ngân sách quốc gia theo phương thức nào?

Giáo viên tóm tắt tất cả các câu trả lời của học sinh lên bảng.

### 3. Trích dẫn

Qua những câu trả lời đã được viết lên bảng, giáo viên bắt đầu giới thiệu về những quyền con người có liên quan đến quyền được tham gia, và quyền được tiếp cận với các thông tin công cộng.

Giáo viên viết câu sau lên bảng:

*Mọi người đều có quyền tham gia vào chính phủ của đất nước mình một cách trực tiếp hoặc thông qua những người đại diện do dân bầu ra.* Giáo viên giải thích đây là câu nói được trích từ bản Tuyên ngôn về nhân quyền toàn thế giới. Quyền này nói đến việc tham gia vào chính phủ của người dân theo các phương thức khác nhau —trực tiếp hoặc gián tiếp. Người dân có thể trực tiếp tham gia vào chính phủ thông qua những cơ chế đã có sẵn, chẳng hạn như tham gia vào các cuộc họp của chính phủ (kể cả các cuộc dự thính của Nghị viện) hoặc tham gia phục vụ cho chính phủ (trở thành công chức).

Các cuộc họp tại cộng đồng địa phương bàn về các vấn đề công cộng cũng là những hình thức “tham gia vào chính phủ”. Có thể tham gia gián tiếp thông qua hình thức bỏ phiếu. Mọi người có thể bầu ra những người làm việc cho các cơ quan của chính phủ. Họ có thể bầu ra những người nào mà họ cho là có thể thực hiện được những ý tưởng và nguyện vọng của họ.

Giáo viên nói rằng theo một công cụ khác về nhân quyền, điều khoản này sẽ được thể hiện rõ hơn trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Điều 25(a) trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị nói rằng:

*Mọi người đều có quyền và cơ hội, mà không có bất kì sự phân biệt nào như đã đề cập trong Điều 2 và không có bất kì sự hạn chế vô lý nào thì:*

*(a) Có thể tham gia vào việc làm các công việc công cộng, một cách trực tiếp hoặc thông qua những người đại diện do dân bầu ra ”.*

Giáo viên giải thích điều khoản này và nói rằng người dân không chỉ có quyền bỏ phiếu mà còn có quyền tham gia vào việc đề ra và thực hiện các chính sách của chính phủ. Giáo viên cũng cần nhấn mạnh rằng quyền được tham gia này đòi hỏi phải có một luồng

thông tin thông suốt liên quan đến các vấn đề công cộng.

Giáo viên liên hệ điều khoản nhân quyền này với vấn đề ngân sách quốc gia bằng cách giải thích rằng thuế và việc sử dụng tiền từ thuế của chính phủ là một vấn đề công khai mà người dân có thể thảo luận với chính phủ. Giáo viên kết luận bằng câu sau:

***Quyền được tham gia vào các công việc công cộng bao gồm việc tham gia của công dân vào các quá trình chuẩn bị ngân sách quốc gia của chính phủ. Tuy nhiên, để thực hiện quyền này một cách hiệu quả quyền được tiếp cận với các thông tin công cộng của họ cũng phải được thoả mãn. Chính phủ có nghĩa vụ cung cấp cho người dân những thông tin cần thiết, chẳng hạn như những tài liệu về ngân sách quốc gia, và tạo ra các cơ hội mà thông qua đó người dân có thể bày tỏ những quan điểm của mình về ngân sách quốc gia. Có cơ hội quyết định việc chi tiêu tiền thu từ thuế là một quyền của công dân.***

#### **4. Vận dụng**

Nếu có thời gian, giáo viên có thể yêu cầu học sinh trả lời bài kiểm tra sau đây ở lớp. Nếu không thì giáo viên có thể cho học sinh làm ở nhà.

Giáo viên đưa ra những gợi ý sau:

- a) Mô tả sự cân đối hay mất cân đối giữa chi và thu trong ngân sách quốc gia.
- b) Năm nay chính phủ có những khoản chi ưu tiên nào?
- c) Nếu bạn là một nghị sĩ thì bạn sẽ đưa ra những giải pháp nào để cân đối chi và thu quốc gia?

#### **5. Kết luận**

Giáo viên nhắc lại cho học sinh về những gì vừa học qua thông



điệp sau đây:

*Nộp thuế và tham gia vào cách thức chi tiêu số tiền đó là một tiêu chuẩn phải được tất cả những người dân vì sự phát triển kinh tế của đất nước mình ủng hộ.*

#### IV. ĐÁNH GIÁ

Giáo viên có thể sử dụng cách nào đó thích hợp để đánh giá sự hiểu biết của học sinh về quyền được tham gia vào các công việc công cộng. Có thể tiến hành phần Đánh giá này trước phần Kết luận.

##### **Các thuật ngữ:**

*Các quyền chính trị - các quyền của các cá nhân liên quan đến việc tham gia của họ vào chính phủ.*

*Quyền được tham gia - quyền được phép tham gia vào điều hành đất nước và các hoạt động xã hội.*

*Quyền được tiếp cận với các thông tin công cộng - quyền được yêu cầu chính phủ phải cung cấp cho người dân thông tin về những vấn đề công cộng.*

##### **Thông tin bổ sung**

*Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị là một công cụ quốc tế thực hiện các điều khoản về các quyền dân sự và chính trị được nêu ra trong bản Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Công ước này đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 16/12/1966 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 23/3/1976 đối với những nước đã phê chuẩn. Thông thường, việc phê chuẩn đồng nghĩa với việc nghị viện thông qua việc ký hiệp định của người đại diện chính phủ. ở Đông Nam Á, những nước đã ký và phê chuẩn hiệp định này là Cam-pu-chia, Phi-líp-pin, Thái Lan và Việt Nam.*

### **Quyền được bảo vệ**

Các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền cần phải được thể hiện thành luật và các cơ chế của quốc gia. Hệ thống tư pháp (bao gồm tòa án, thẩm phán, công tố viên, và luật sư) là một cơ chế có tác động tới nhân quyền. Hệ thống giải quyết tranh chấp ở cấp xã cũng là một cơ chế. Thậm chí lúc này có thể áp dụng cả những thủ tục pháp lí nhất định. Trong nhiều trường hợp, việc vi phạm nhân quyền diễn ra là do thiếu những hiểu biết về các thủ tục pháp lí về bảo hộ hoặc thực hiện những quyền đó. Do đó, những hiểu biết về các thủ tục pháp lí là quan trọng đối với nhân quyền.

**Chủ đề :** Các thủ tục pháp lí

**Cấp học :** Trung học phổ thông

**Môn học :** Tìm hiểu xã hội

**Khái niệm về nhân quyền :** Quyền được bảo vệ

**Thời gian :** Một tiết

#### **I - MỤC ĐÍCH**

Học sinh sẽ phải:

- Xác định được các quyền của bị cáo
- Mô tả các thủ tục pháp lí có liên quan đến việc bảo vệ quyền của họ.
- Áp dụng các quy trình pháp lí vào việc giải quyết một mâu thuẫn
- Giải quyết một mâu thuẫn thông qua các quy trình pháp lí

và các phương tiện phi bạo lực khác.

II - NGUỒN TƯ LIỆU

- Bản Tuyên ngôn thế giới về quyền con người
- Các tư liệu giảng dạy:
- + Chiếu slide hoặc tờ giấy khổ lớn nói về những điều khoản có liên quan bản Tuyên ngôn thế giới về quyền con người
- + Chiếu slide về quan niệm sẽ sử dụng
- + Trích dẫn các thủ tục pháp lí

III TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

A.Đặt vấn đề

Giáo viên nói: “Trong một nhà nước pháp quyền, mỗi cá nhân được phép làm mọi điều nhưng phải theo luật pháp. Một người bị tố cáo phạm một tội nào đó hay một hành động phạm pháp nào đó thì sẽ có thể bị xử phạt nếu tại tòa án chứng minh được anh ta là phạm tội. Nhưng ngay cả khi luật pháp được thực hiện một cách hiệu quả thì vẫn xảy ra những mâu thuẫn và vi phạm luật giữa bạn bè, họ hàng và hàng xóm. Do đó phải áp dụng các quy trình pháp lí để giải quyết những mâu thuẫn này.

B. Giải quyết vấn đề

1. Hoạt động

Giáo viên yêu cầu học sinh hoàn thành bảng dưới đây theo chỉ dẫn: “Nêu mâu thuẫn và vi phạm luật khác nhau xảy ra ở nơi bạn sống”. Chẳng hạn, giáo viên có thể viết lên bảng như sau:

Các mâu thuẫn và vi phạm luật	
Ăn trộm, ăn cướp, và lừa đảo	Hành động gây thương tích
Ly hôn	Các tranh chấp
Phỉ báng	Tranh giành quyền lực giữa những người lãnh đạo ở cộng đồng
Lấn chiếm	Sử dụng vũ khí bất hợp pháp
Ám sát	Bắt cóc trẻ em

2.Phân tích

Giáo viên hỏi:

- a) Trong số những điều mà các em vừa viết ra, có những mâu thuẫn và vi phạm luật nào mà các em thường phải gặp?
- b) Hậu quả của chúng là gì?
- c) Nếu trong gia đình mình xảy ra một mâu thuẫn hay vi phạm luật thì em sẽ giải quyết vấn đề đó như thế nào?
- d) Em cảm thấy như thế nào nếu càng ngày càng có nhiều vi phạm luật xảy ra ở cộng đồng của em? Em sẽ phản ứng như thế nào?

3. Trích dẫn

Giáo viên có thể làm cho cuộc tranh luận trở nên dễ dàng hơn bằng cách liên hệ nó với thông điệp của bài học:

*Chính sách không sử dụng bạo lực tích cực là một phản ứng giải quyết một mâu thuẫn thông bằng các biện pháp hòa bình.*

*Quyền được giữ im lặng và từ chối kí vào các giấy tờ mà không được hỏi ý kiến trước với một cố vấn về pháp lí là một trong những quyền của bị cáo.*

*Các thủ tục pháp lí được áp dụng để bảo vệ mọi người chống lại việc đối xử vô nhân đạo hay lạm dụng.*

Yêu cầu học sinh đọc bài dưới đây:

### ***Quyền của bị cáo***

*Mọi người đều được đối xử bình đẳng trước pháp luật. Pháp luật không cho phép đối xử vô nhân đạo đối với bất kì ai. Pháp luật cũng bảo vệ cuộc sống, phẩm giá, và danh dự của mỗi cá nhân. Việc kết án, bắt giữ hay tống giam bất kì ai đều phải được thực hiện theo pháp luật.*

*Bị cáo có quyền tìm một nhân chứng và luật sư để bảo vệ cho anh ta. Khi cảnh sát bắt giữ một người hay triệu tập anh ta đến tòa án thì anh ta có quyền được xem lệnh bắt giữ hay giấy triệu tập của tòa án để xác minh lại tên mình trên đó. Trong tình huống này, anh ta có quyền giữ im lặng và không kí vào bất kì cái gì cho tới khi hỏi ý kiến luật sư. Việc tống tiền, hăm dọa hay sử dụng bạo lực sẽ được báo cáo với luật sư ngay lập tức. Nếu của cải hay tài sản của người nào bị sung công quỹ thì anh ta có quyền đề nghị cảnh sát cho xem bản kiểm kê của cải hay tài sản bị tịch thu. Cảnh sát chỉ được quyền giam giữ bị cáo khi đã có sự thông qua của tòa án.*

### ***Quyền của luật sư***

Luật sư có quyền được giúp đỡ một vụ kiện tại tòa án sau khi đã nhận lời đề nghị của bị cáo. Trong suốt vụ xử, luật sư được phép liên lạc với bị cáo. Nếu bị cáo không có đủ khả năng thuê một luật sư thì thẩm phán có thể ấn định cho anh ta một luật sư.

### ***Những tranh chấp ở cấp xã***

Những vụ cãi vã giữa hàng xóm với nhau hay giữa họ hàng với nhau trong cùng một xã có thể do một trong những nguyên nhân sau:

1. Phỉ báng người khác
2. Ly hôn
3. Cãi vã dẫn đến gây thương tích
4. Lạm dụng tình dục
5. Đánh nhau do say rượu
6. Đánh nhau
7. Áp lực quá mức từ phía người có thế lực
8. Ăn cướp
9. Đánh bạc
10. Giết người
11. Tranh chấp đất đai

Giải quyết các vấn đề ở cấp xã cần sử dụng các phương pháp hòa bình và nhằm mục đích hòa giải. Những người có thẩm quyền cần liên lạc với cả hai bên liên quan đến tranh chấp và tìm ra các khả năng hòa giải trước. Các quan chức ở cấp xã được phân công giải quyết vấn đề phải có thiện chí và không thiên vị, linh hoạt, hòa nhã, và ân cần. Họ cũng phải có những kinh nghiệm về mặt pháp lí để giành được sự tin tưởng của người dân.

Người nào buộc tội người khác thì phải “nói có sách mách có chứng”. Trong khi đó người bị tố cáo sẽ có cơ hội được trình bày hoặc tự vệ.

Trong trường hợp không thể hòa giải được thì vụ kiện đó cần được chuyển lên tòa án.

Sau đó giáo viên cho học sinh xem các điều khoản trong bản Tuyên ngôn thế giới về quyền con người được trình bày một cách đơn giản hơn:

Để bảo vệ nền hòa bình, an ninh, hạnh phúc, và sự an toàn của mỗi người, tất cả mọi người và tất cả các quốc gia cần tôn trọng bản Tuyên ngôn thế giới về quyền con người

Các điều khoản có liên quan là:

*Điều 5:* Không ai có quyền tra tấn bạn.

*Điều 6:* Bạn được bảo vệ theo luật ở bất kì nơi đâu, và giống như bất kì ai.

*Điều 7:* Luật pháp cần được áp dụng như nhau cho tất cả mọi người.

*Điều 8:* Bạn có quyền đề nghị được giúp đỡ về mặt pháp lí khi các quyền của bạn được đất nước trao cho không được tôn trọng.

*Điều 9:* Không ai có quyền tống giam giữ bạn ở đó hoặc trục xuất bạn một cách không đúng đắn, hoặc không có lí do chính đáng.

*Điều 10:* Nếu bạn bị đem ra tòa xử thì tòa án phải xử công khai. Cần để cho những người xét xử bạn không bị những người khác chi phối.

*Điều 11:* Bạn vẫn là vô tội cho tới khi người ta có thể chứng minh được là bạn có tội. Nếu bạn bị kết tội thì bạn luôn luôn có quyền tự vệ. Không ai có quyền tố cáo bạn và trừng phạt bạn về những điều mà bạn không làm.

NGUỒN: ABC - GIẢNG DẠY VỀ NHÂN QUYỀN, LIÊN HỢP QUỐC  
(New York: 1989)

4. Kết luận

Yêu cầu học sinh nghĩ đến bất kì câu tục ngữ hay khẩu hiệu nào liên quan đến việc bảo vệ các quyền của một người. Chẳng hạn, “Chúng ta không thể để cho những nỗi sợ hãi vây kín; chúng ta hãy tiến lên ngăn chặn, sẵn sàng đương đầu với thử thách”.

IV - ĐÁNH GIÁ

Giáo viên yêu cầu học sinh vẽ một bảng gồm các cột tương ứng thể hiện các quyền hay nghĩa vụ của bị cáo, luật sư và quan tòa:

<i>Quyền và nghĩa vụ</i>	QUAN TÒA/ TÒA ÁN	<i>Luật sư</i>	<i>Bị cáo</i>
1. Yêu cầu được xem giấy triệu tập			
2. Liên lạc với bị cáo			
3. Đề đơn kiện			
4. Cố vấn cho bị cáo			
5. Đề nghị cảnh sát cho xem hồ sơ sung công			
6. Xác nhận giấy triệu tập			
7. Kiểm tra lại đơn kiện			
8. Không kí bất kì giấy tờ nào khi chưa hỏi ý kiến với luật sư			
9. Chỉ bị bắt giữ khi đã có sự thông qua của tòa án			

## V □ BÀI TẬP

Yêu cầu học sinh xác định các thủ tục pháp lý của một vụ kiện ăn trộm đã được gửi lên tòa án.

### **Quyền được phát triển**

Nghèo đói có thể dẫn đến những vi phạm về nhân quyền. Người nghèo dễ có khả năng trở thành nạn nhân của những vi phạm nhân quyền do ở tình thế dễ có nguy cơ bị tấn công và bị gạt ra ngoài lề xã hội. Họ thường không có khả năng được chữa trị khi bị xâm phạm nhân quyền do bị bắt lặc.

Điều kiện kinh tế của con người có ảnh hưởng mạnh mẽ tới việc bảo vệ và thực hiện các quyền của họ. Người càng nghèo thì càng bị xâm phạm nhân quyền. Cũng giống như nước càng nghèo thì càng ít được lợi từ chính nền kinh tế của mình do bị chi phối bởi hệ thống kinh tế hay tài chính quốc tế.

Nghèo đói vẫn còn là một vấn đề lớn của Liên hợp quốc. Tổ chức này đã thông qua bản Tuyên bố thiên niên kỷ Liên hợp quốc để làm cho *”Quyền được phát triển trở thành hiện thực đối với mọi người và quyền được giải phóng toàn nhân loại khỏi cảnh bần hàn. Họ thừa nhận rằng tiến bộ có được phải dựa vào tăng trưởng kinh tế bền vững, mà trọng tâm là hướng vào người nghèo, lấy nhân quyền làm trung tâm. Mục tiêu của bản Tuyên bố này là xúc tiến “một phương pháp tiếp cận toàn diện và một chiến lược được phối hợp để giải quyết đồng thời nhiều vấn đề trên quy mô lớn”.*

Tuyên bố này kêu gọi giảm đi còn một nửa số người có mức sống dưới một đôla một ngày vào năm 2015. Nỗ lực này cũng liên

*quan đến việc tìm ra các giải pháp cho các vấn đề đói ăn, suy dinh dưỡng và bệnh tật, khuyến khích bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, bảo đảm giáo dục cơ bản cho mọi người, và ủng hộ các nguyên tắc về phát triển bền vững trong Chương trình nghị sự 21. Các nước giàu hơn ủng hộ trực tiếp, dưới hình thức viện trợ, thương mại, giảm nợ và đầu tư để giúp các nước đang phát triển”.*

<b>Chủ đề</b>	<b>: Phát triển và Nhân quyền</b>
<b>Cấp học</b>	: Trung học phổ thông
<b>Môn học</b>	: Tìm hiểu địa phương/ Kinh tế học
<b>Khái niệm nhân quyền</b>	: Quyền được phát triển
<b>Thời gian</b>	: Một tiết

## **I - MỤC ĐÍCH**

Học sinh sẽ phải:

+ Thảo luận cách thức con người có thể theo đuổi sự phát triển khi sử dụng các nguồn lực của chính mình.

+ Tuyên bố mọi người đều bình đẳng và có quyền được hưởng sự tiến bộ và của cải của quốc gia.

+ Xác định các phương tiện mà chính phủ có thể sử dụng để giúp người dân phát triển.

## **II - NGUỒN TƯ LIỆU**

- Điều 22 trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền:

*Mỗi người, với tư cách là một thành viên của xã hội, đều có quyền được hưởng sự yên ổn về mặt xã hội và có quyền được*

*hưởng như vậy, thông qua nỗ lực của quốc gia và hợp tác quốc tế, và phù hợp với tổ chức và các nguồn lực của mỗi Nhà nước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa không thể thiếu được đối với phẩm giá của anh ta và sự phát triển tự do về nhân cách của anh ta.*

- Điều 28:

*Mọi người đều có quyền được sống trong một trật tự xã hội và quốc tế mà ở đó các quyền và các quyền tự do được đưa ra trong Tuyên bố này được thực hiện một cách đầy đủ.*

- Hiến pháp của đất nước
- Tranh ảnh về những tốp người khác nhau.

### III - TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

#### A. Đặt vấn đề

Giáo viên cho học sinh xem những tranh ảnh nói về những điều sau:

*Người nghèo, người giàu, những ngôi nhà lớn, những khu nhà ổ chuột, những đứa trẻ lem nhem, người khỏe mạnh, người ốm yếu, điều kiện ở sung sướng, điều kiện ở nghèo nàn, v.v...*

Sau đó giáo viên yêu cầu học sinh suy nghĩ xem mỗi bức tranh hoặc ảnh minh họa điều gì.

#### B. Giải quyết vấn đề

##### 1. Hoạt động

Giáo viên yêu cầu học sinh phân loại những tranh ảnh nói trên thành 2 nhóm A và B lên bảng hoặc lên một tờ giấy lớn.

Sau đó giáo viên viết vào bảng phân loại.

**Thí dụ:**

<u>Nhóm A</u>	<u>Nhóm B</u>
Người giàu	Người nghèo
Người khỏe mạnh	Người ốm yếu
Nhà ở lớn	Nhà ở nhỏ
Được nuôi dưỡng tốt	Thiếu ăn
Quần áo sạch	Quần áo bẩn

Giáo viên đưa ra những câu sau:

- Các em có đồng ý rằng có một số người thì giàu còn một số khác thì nghèo không?
- Tại sao lại có người giàu và người nghèo?
- Các em thích nghèo hay giàu?
- Em nên làm gì để giúp đỡ người nghèo?

Giáo viên viết lên bảng những câu trả lời của học sinh.

#### 2. Phân tích

Sau đó giáo viên yêu cầu học sinh lập thành hai nhóm để tranh luận về vấn đề sau đây:

*Có phải nguồn quá khan hiếm để dành cho quá nhiều người không, hay đó có phải là vấn đề là một số người có quá nhiều trong khi nhiều người khác có quá ít không?*

Hỏi học sinh xem liệu các em có thích một xã hội mà ở đó mọi người được bình đẳng hay một xã hội mà ở đó có một số người nghèo còn một số người thì giàu.

Yêu cầu học sinh liên hệ bản thân về vấn đề sau đây:

*Các em có muốn giúp đỡ người nghèo không hay nếu có thừa thứ gì thì các em có muốn chia sẻ nó cho những người bạn nghèo hơn của em không?*

Giáo viên trả lời mỗi câu trả lời của học sinh bằng cách nói rằng có một yếu tố phân phối của cải không phù hợp trong các quốc gia, và trong hệ thống toàn cầu, đã gây ra nghèo đói. Một số nước được cho là có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú thì chưa chắc đã là nước giàu bởi vì đa phần người dân của nước đó là nghèo.

### 3.Trích dẫn

Giáo viên giải thích rằng Tuyên ngôn thế giới về quyền con người có nêu ra rất nhiều quyền liên quan đến những vấn đề sau:

- Quyền sở hữu tài sản
- Có được một việc làm và được nhận tiền thù lao, điều kiện làm việc đúng đắn và các lợi ích khác
- Thành lập hay tham gia công đoàn
- Được hưởng hỗ trợ về an sinh
- Có một mức sống đầy đủ (về ăn, mặc, ở, chăm sóc y tế, các dịch vụ xã hội)
- Được học hành.

Giáo viên chỉ ra rằng Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (Điều 22) quy định việc thực hiện từng bước một các quyền của họ khi cho rằng một số nước vẫn chưa có đủ những nguồn lực cần thiết để giúp đỡ tất cả người nghèo.

Giáo viên giải thích rằng Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (Điều 28) nói rằng việc thực hiện các quyền kinh tế và các quyền khác đòi hỏi phải có một hệ thống hỗ trợ quốc tế.

Giáo viên giải thích rằng ý tưởng này là cơ sở để đưa ra một quyền mới trong một tài liệu 1986 của Liên hợp quốc — *Tuyên ngôn về quyền được phát triển*. Giáo viên giới thiệu nội dung đó:

Bản Tuyên ngôn về quyền được phát triển

*Điều 1 của Tuyên ngôn về quyền được phát triển nói rằng “Quyền được phát triển là một quyền bất khả xâm phạm vì cái mà mỗi con người và tất cả mọi người, mọi dân tộc được phép tham gia, đóng góp cho nó, và được hưởng phát triển về kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị, để tất cả các quyền con người và các quyền tự do cơ bản được thực hiện một cách đầy đủ”.*

Quyền này bao gồm:

- Quyền tối cao đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên
- Quyền tự quyết
- Quyền tham gia của người dân vào sự phát triển
- Quyền bình đẳng về cơ hội
- Quyền được tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc hưởng các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa khác.

Bản Tuyên ngôn này xác định con người được hưởng quyền được phát triển, cũng giống như tất cả các quyền khác. Quyền được phát triển có thể được cầu khẩn bởi các cá nhân và tất cả mọi người. Nó áp đặt các nghĩa vụ cả đối với từng nhà nước - để đảm bảo việc tiếp cận bình đẳng và đầy đủ đối với các nguồn lực cần thiết — và cả đối với cộng đồng quốc tế - để xúc tiến các chính sách phát triển công bằng và hợp tác quốc tế có hiệu quả.

#### 4. Vận dụng

Yêu cầu học sinh chia thành ba nhóm để thảo luận và nêu ba đặc trưng của hệ thống kinh tế quốc tế và giải thích xem các em ủng hộ hay vô hiệu hóa khái niệm về quyền được phát triển. Giáo viên yêu cầu học sinh báo cáo tại lớp.

#### 5. Kết luận

Giáo viên kết thúc buổi học bằng cách nói rằng:

*Các quyền con người giải quyết nhu cầu xóa đói giảm nghèo thông qua nỗ lực của người dân, các chính phủ, và cộng đồng quốc tế. Các chương trình phát triển trước hết phải đem lại lợi ích cho người dân của nước đó thông qua việc tập trung vào các quyền liên quan đến những nhu cầu cơ bản của họ - ăn, mặc, ở, học hành, an sinh, việc làm, chăm sóc y tế, trong số các nhu cầu khác. Các kế hoạch phát triển quốc gia trước đây đã không tập trung vào những vấn đề này và do đó, quan niệm về quyền được phát triển vẫn còn quan trọng để nhắc nhở các chính phủ về nghĩa vụ của họ trong việc hỗ trợ thực hiện các quyền này. Đồng thời cũng cần phải nhận thức được rằng con người có quyền theo đuổi sự phát triển của mình sử dụng các nguồn lực của chính mình.*

#### V - ĐÁNH GIÁ

Giáo viên có thể sử dụng một cách nào đó thích hợp để đánh giá quan điểm của học sinh về người giàu và người nghèo, và về những kết quả của bài tập vừa làm.

##### *Các thuật ngữ*

*Chủ quyền - quyền lực tuyệt đối và độc lập của một Nhà nước.*

*Những quyền bất khả xâm phạm - nói về những quyền của mọi*

*người và không thể bị tước đoạt trong bất kỳ trường hợp nào (chẳng hạn như quyền được sống, được giải thoát khỏi sự tra tấn, được giải phóng khỏi cảnh nô lệ hay phục tùng, không bị vào tù vì nợ nần, không phải chịu luật hình sự được quy định hiệu lực hồi tố (là những luật tác động tới những hành động xảy ra trước khi luật đó có hiệu lực), quyền được thừa nhận là một cá nhân trước pháp luật, được tự do về tư tưởng, lương tâm hay tín ngưỡng).*

*Quyền tự quyết - là quyền quyết định của nhân dân trên một đơn vị lãnh thổ nhất định về tương lai chính trị của chính họ mà không bị các thế lực bên ngoài ép buộc.*

##### *Nguồn*

- *The New Shorter Oxford English Dictionary on Historical Principles*, Clarendon Press (Oxford 1993)

- Nancy Flowers, editor, *Human Rights Here and Now*, Human Rights Educators Network, Amnesty International USA (Chicago:1988)

- SALAG, *Understanding Human Rights*, Structural Alternatives Legal Assistance for the Grassroots (Makati:1989)

#### **Nhân quyền cho tất cả mọi người**

Hàng năm, người ta tổ chức ngày Nhân quyền vào ngày 10 tháng 12. Vào ngày 10/12/1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền (viết tắt là UDHR). Từ đó đến nay, tài liệu này đã được phổ biến qua nhiều thứ tiếng. Hiện nay, UDHR đã được dịch ra hơn 300 ngôn ngữ trên toàn thế giới. Có lẽ đó là tài liệu được dịch rộng rãi nhất trên thế giới. Có thể đánh giá



cao tác động của những nỗ lực làm cho UDHR trở nên quen thuộc với người dân ở các nơi khác nhau trên thế giới bằng ngôn ngữ của riêng họ.

UDHR kêu gọi các dân tộc và các chính phủ làm việc vì sự thúc đẩy, bảo vệ và thực hiện tất cả các quyền con người. Đó là do tất cả nhân quyền là dành cho tất cả các dân tộc mà không có một ngoại lệ nào cả. Đó là những quan niệm của tất cả mọi người cần được áp dụng trên toàn thế giới. Đó cũng là trách nhiệm toàn cầu của chúng ta.

### **Chủ đề: Nhân quyền mang tính phổ biến**

**Cấp học:** Trung học phổ thông

**Môn học:** Nghiên cứu các vấn đề xã hội

**Khái niệm nhân quyền :** Tính phổ biến và không thể chia cắt của nhân quyền

**Thời gian :** 1 buổi

## **I - MỤC ĐÍCH**

Học sinh sẽ phải:

- + Giải thích nhân quyền là quan niệm mang tính toàn cầu
- + Bày tỏ được ý kiến về việc mọi người có thể cùng nhau làm việc (làm việc theo nhóm) và tôn trọng sự tự do của nhau trong việc xúc tiến và thực hiện nhân quyền.

## **II - NGUỒN TƯ LIỆU**

Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền có:

*Điều 1: Tất cả mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và về các quyền. Họ được phú cho lý trí và lương tâm và phải đối xử với nhau theo một tinh thần thiện chí.*

*Điều 2: Mỗi người đều được hưởng tất cả các quyền và tất cả các tự do đã được tuyên bố trong bản Tuyên ngôn này, không hề có sự phân biệt nào, nhất là sự phân biệt về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay mọi ý kiến khác, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, nguuồn gốc sinh ra và mọi hoàn cảnh khác.*

*Hơn nữa, cũng không được có một sự phân biệt nào dựa vào qui chế chính trị, pháp lý hay quốc tế của nước hay lãnh thổ và một cá nhân có quốc tịch của nó, dù nước hay lãnh thổ ấy là độc lập, được bảo trợ, không tự chủ hoặc bị đặt vào một sự hạn chế nào đó về chủ quyền.*

- Tuyên bố và Chương trình hành động Viên (1993)
- Những kết luận được rút ra trong cuộc hội thảo lần thứ 11 về hợp tác khu vực vì sự thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương (Islamabad, Pakistan, 25-27 tháng 2, 2003).

## **III - TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY**

### **A. Đặt vấn đề**

Yêu cầu học sinh hình dung lại tình trạng hiện nay của thế giới. Giáo viên giải thích rằng bài học hôm nay nói về những giá trị cần có cho một thế giới hạnh phúc hơn và hòa bình hơn.

### **B. Giải quyết vấn đề**

#### **1.Các hoạt động**

Giáo viên yêu cầu học sinh tham gia vào các hoạt động sau đây:

#### **Hoạt động 1**

Học sinh vẽ lên một mẫu giấy một vòng tròn (thể hiện thế giới) với 3 mũi tên hướng ra ngoài. Học sinh vẽ các vấn đề mà các em muốn

thế giới giải quyết được lên 3 mũi tên đó (mỗi mũi tên 1 vấn đề).

Sau đó giáo viên yêu cầu học sinh đưa ra các lí do.

Học sinh viết lên bảng những vấn đề và những lí do mà các em đã xác định.

## **Hoạt động 2**

Yêu cầu vẽ bất kì cái gì theo ý muốn lên một mẩu giấy. Một học sinh sẽ bắt đầu vẽ một hình và những học sinh khác sẽ vẽ thêm vào đó. Sau khi các học sinh đã hết lượt vẽ rồi thì giáo viên giơ lên sản phẩm cuối cùng trước lớp.

## **2. Phân tích**

Giáo viên đưa ra các câu hỏi sau liên quan đến hai hoạt động nói trên:

- Các vấn đề và các lí do học sinh thể hiện có giống nhau không?
- Sản phẩm cuối cùng của bài vẽ có đẹp hay không? Đó là nhờ có ai vậy?
- Những ai đóng góp vào “tác phẩm nghệ thuật” này?
- Các em nghĩ gì về tác phẩm nghệ thuật này?
- Tại sao các em lại nghĩ là con người có những quan điểm tương đồng nhau về thế giới?
- Chẳng hạn như em thích hòa bình hay chiến tranh?
- Trong khi đang vẽ, em có nghĩ là các bạn khác có cần chỗ để vẽ không?
- Em có đánh giá cao những gì mà các bạn cùng lớp đã vẽ trước khi em vẽ vào đó không?

- Em cảm thấy thế giới thuộc về mọi người hay chỉ thuộc về một số người thôi?

Giáo viên tóm tắt các câu trả lời bằng cách tập trung vào những điểm tương đồng có thể về những vấn đề mà học sinh thể hiện, về mối liên hệ giữa những đóng góp của từng học sinh trong bài vẽ, và sự hợp tác của các em học sinh trong việc làm nên bài vẽ đó.

## **3. Trích dẫn**

Giáo viên giải thích quan niệm về bình đẳng dựa trên Điều 1 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người

Giáo viên nhấn mạnh 2 ý chính trong Điều 1: *Tất cả mọi người đều có quyền như nhau, và họ hành động hướng tới nhau theo tình thân của tình anh em.*

Giáo viên giải thích rằng Điều 1 thể hiện nền tảng cơ bản của quyền con người — chúng được dựa trên cơ sở *loài người nói chung* — tất cả mọi người *khi sinh ra* đều được tự do và bình đẳng về phẩm giá và các quyền.

Sau đó giáo viên giải thích quan điểm về không phân biệt đối xử dựa vào Điều 2 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người.

Giáo viên nhấn mạnh rằng theo Điều 2: *tất cả mọi người, không có bất cứ một sự phân biệt nào*, đều có *tất cả* các quyền và các hình thức tự do như đã nêu trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Điều đó có nghĩa là nhân quyền không phụ thuộc vào địa vị của người đó, bất kì đó là địa vị về chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa, chủng tộc, tuổi tác hay bất kì tốp người nào.

Giáo viên tóm tắt Điều 2 bằng cách nói rằng ý nghĩa của điều khoản này được thu gọn trong câu khẩu hiệu “Tất cả các quyền con người là dành cho tất cả mọi người” được thông qua trong Hội nghị thế giới 1993 về nhân quyền.

Tuyên bố Viên (1993) viết:

*Tất cả các quyền con người đều mang tính toàn cầu, không thể tách rời, phụ thuộc lẫn nhau và có liên quan với nhau. Cộng đồng quốc tế cần áp dụng nhân quyền trên toàn cầu một cách công bằng và bình đẳng, trong mối quan hệ như nhau, và với cùng tầm quan trọng như nhau. Trong khi đó, ý nghĩa của báo cáo chi tiết của quốc gia và khu vực và những bối cảnh lịch sử, văn hóa và tôn giáo khác nhau phải được hình thành trong tâm trí, đó là nhiệm vụ của các dân tộc, bất kể đó là hệ thống chính trị, kinh tế và văn hóa nào, để thúc đẩy và bảo vệ tất cả các quyền con người và các hình thức tự do cơ bản (Khoản 5, Phần 1).*

Giáo viên giải thích rằng theo Tuyên bố 1993 này của các chính phủ trên toàn thế giới, nhân quyền lại được khẳng định là mang tính toàn cầu, không thể tách rời, phụ thuộc lẫn nhau và có liên quan với nhau. Nhân quyền mang tính toàn cầu vì chúng là những thuộc tính của con người. Do đó, chúng được áp dụng cho tất cả mọi người trên Trái Đất. Chúng cũng không thể tách rời vì chúng liên quan tới những khía cạnh khác nhau về sự tồn tại của con người. Người ta không thể tách quyền được ăn với quyền được bày tỏ ý kiến bởi vì chúng là những thuộc tính tự nhiên của con người. Chúng phụ thuộc lẫn nhau vì tất cả các quyền đều cần thiết cho một cuộc sống đầy đủ và có tình người. Người ta không thể có quyền được bỏ phiếu và thoát khỏi sự tra tấn mà không có quyền được ăn và học hành vào thời điểm đó. Khi một số quyền không được thực hiện thì các quyền khác sẽ bị ảnh hưởng.

Giáo viên cũng giải thích rằng *tất cả các Nhà nước* (thông qua chính phủ) *đều có trách nhiệm như nhau* phải thúc đẩy và bảo vệ tất cả các quyền con người ngay cả khi đang ở trong những bối cảnh lịch sử, văn hóa và tôn giáo quốc gia khác nhau cũng như hệ thống

chính trị, kinh tế và văn hóa khác nhau.

Giáo viên tóm tắt bài trình bày bằng cách nói rằng cộng đồng quốc tế đã thông qua vấn đề nhân quyền trở thành khái niệm mang tính toàn cầu dựa trên sự công nhận của nhân loại nói chung. Giáo viên nói thêm rằng nhân quyền được coi là cần thiết như là một phản ứng đối với những gì đã xảy ra trong quá khứ và hiện tại về sự tước đoạt sự tồn tại của nhân đạo, và đôi khi là cuộc sống.

Những nguyên tắc đã được quốc tế công nhận này gần đây đã được khẳng định lại bởi đa phần các chính phủ ở châu Á-Thái Bình Dương trong một cuộc hội thảo tổ chức tại Islamabad, Pakistan (25-27 tháng 2, 2003) các chính phủ đã tuyên bố rằng họ: ***đang khẳng định lại tính toàn cầu, không thể tách rời, phụ thuộc lẫn nhau và liên quan với nhau của tất cả các quyền con người về mặt dân sự, văn hóa, kinh tế, chính trị và xã hội □ và quyền được phát triển;*** và rằng họ nhận thấy rằng việc giáo dục về nhân quyền sẽ nhận được lợi ích từ các giá trị và truyền thống xã hội và văn hóa đa dạng để thực thi tính toàn cầu của nhân quyền, nhằm mục đích tăng cường sự hiểu biết đa văn hóa về nhân quyền.

Cuối cùng, giáo viên nhấn mạnh rằng nguyên tắc phụ thuộc lẫn nhau không chỉ được áp dụng cho mối quan hệ giữa các quyền với nhau mà còn cho mối quan hệ giữa những người có các quyền đó. Các tài liệu về nhân quyền nhấn mạnh nhu cầu của mọi người được chia sẻ trong việc thực hiện tất cả các quyền con người.

#### 4. Vận dụng

Yêu cầu học sinh chia thành các nhóm và làm các áp-phích mô tả các nguyên tắc mang tính toàn cầu, không thể tách rời và phụ thuộc lẫn nhau của các quyền. Giáo viên cũng yêu cầu học sinh treo các áp-phích đó lên bảng bản tin của trường và những nơi thích hợp khác ở trường.

## 5. Kết luận

Giáo viên kết thúc buổi học bằng cách kể cho học sinh nghe câu chuyện này:

*Ngày xưa ngày xưa ở Trung Quốc có một bà lão thông thái. Rất nhiều người tìm hiểu sự thông thái của bà. Một hôm, có một thằng bé cố gắng thử sự thông thái của bà. Nó cho vào lòng bàn tay một con chim nhỏ, tóm lấy nó sau lưng để không ai nhìn thấy con chim đó. Nó định sẽ hỏi bà lão xem con chim đó còn sống hay đã chết. Nếu bà lão trả lời là con chim còn sống thì nó sẽ bóp chết con chim đó để chứng tỏ là bà ta đã sai. Nếu bà lão trả lời là con chim đã chết thì nó sẽ thả con chim để chứng tỏ là con chim vẫn còn sống.*

*Sau đó thằng bé hỏi bà lão, Con chim ở trong tay cháu còn sống hay đã chết ạ? ”. Bà lão thông thái trả lời: “Con chim ở trong tay cháu thì chỉ cháu mới có thể quyết định cho nó được sống hay không ”.*

Giáo viên nói cho học sinh biết điều sau:

*Nhân quyền ở trong tay bạn thì bạn sở hữu nó. Chỉ có bạn mới có thể quyết định là bạn muốn thực hiện hay muốn bỏ qua quyền của mình mà thôi. Và vì nhân quyền thuộc về mọi người nên nỗ lực tập thể của tất cả mọi người cuối cùng sẽ quyết định việc thực hiện tất cả các nhân quyền.*

## IV - ĐÁNH GIÁ

Giáo viên có thể sử dụng cách 0

**TÀI**

**LIỆU**

**THAM**

**KHẢO**

**\*Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền**

**\*Công ước về quyền trẻ em**

**\*Công ước không phân biệt đối xử trong giáo dục**

# TUYÊN NGÔN THẾ GIỚI VỀ NHÂN QUYỀN

*Ngày 10 tháng Chạp năm 1948*

## Lời nói đầu

Nhận định rằng sự thừa nhận phẩm giá vốn có của tất cả các thành viên thuộc gia đình nhân loại, cũng như các quyền bình đẳng và không thể tước bỏ của họ, là nền tảng của tự do, công lí và hoà bình trên thế giới.

Nhận định rằng sự không hiểu và khinh thường các quyền con người đưa tới những hành vi dã man làm phần nộ lương tâm loài người và sự xuất hiện một thế giới trong đó mọi người sẽ được tự do ngôn luận và tín ngưỡng, thoát khỏi khủng bố và nghèo khổ, đã được tuyên bố là khát vọng cao nhất của con người.

Nhận định rằng điều cốt yếu là các quyền con người phải được bảo vệ bởi một chế độ pháp quyền để cho con người không buộc phải nổi dậy chống lại sự tàn bạo và áp bức, như là phương sách cuối cùng.

Nhận định rằng điều cốt yếu là phải khuyến khích sự phát triển những mối liên hệ thân hữu giữa các quốc gia.

Nhận định rằng, trong Hiến chương, nhân dân các nước thuộc Liên hợp quốc một lần nữa đã tuyên bố tin tưởng vào các quyền căn bản của con người, vào phẩm giá và giá trị của cá nhân con người, vào sự bình đẳng về các quyền của nam và nữ, và cũng đã tuyên bố kiên quyết thúc đẩy sự tiến bộ xã hội và tạo ra những điều kiện sống tốt nhất trong một sự tự do lớn hơn.

Nhận định rằng các Quốc gia thành viên đã cam kết bảo đảm hợp tác với Liên hợp quốc để các quyền con người và các tự do căn bản được tôn trọng khắp nơi và có hiệu quả.

Nhận định rằng một quan niệm chung về các quyền và các tự do

ấy là có ý nghĩa quan trọng nhất để thực hiện đầy đủ sự cam kết đó.

## Đại hội đồng tuyên bố

Bản tuyên ngôn toàn thế giới này về nhân quyền là ý tưởng chung mà tất cả các dân tộc và tất cả các quốc gia phải đạt tới, nhằm làm cho tất cả các cá nhân và tất cả các cơ quan trong xã hội luôn luôn ghi nhớ bản Tuyên ngôn này để nỗ lực phát triển sự tôn trọng các quyền và các tự do ấy bằng giảng dạy và giáo dục, và bảo đảm thừa nhận và áp dụng khắp nơi và có hiệu quả các quyền cũng như trong dân cư thuộc các lãnh thổ đặt dưới pháp chế của các quốc gia ấy, bằng những biện pháp tiến bộ mang tính chất quốc gia và quốc tế.

**Điều 1:** Tất cả mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và về các quyền. Họ được phú cho lí trí và lương tâm và phải đối xử với nhau theo một tinh thần thiện chí.

**Điều 2:** Mỗi người đều được hưởng tất cả các quyền và tất cả các tự do đã được tuyên bố trong bản Tuyên ngôn này, không hề có sự phân biệt nào, nhất là sự phân biệt về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay mọi ý kiến khác, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, nguồn gốc sinh ra và mọi hoàn cảnh khác.

Hơn nữa, cũng không được có một sự phân biệt nào dựa vào qui chế chính trị, pháp lí hay quốc tế của nước hay lãnh thổ và một cá nhân có quốc tịch của nó, dù nước hay lãnh thổ ấy là độc lập, được bảo trợ, không tự chủ hoặc bị đặt vào một sự hạn chế nào đó về chủ quyền.

**Điều 3:** Mọi cá nhân đều có quyền sống, quyền tự do và quyền về an toàn cá nhân của mình.

**Điều 4:** Không ai phải chịu chế độ nô lệ hay chịu chế độ nô dịch; chế độ nô lệ và việc buôn nô lệ bị cấm dưới tất cả mọi hình thức.

**Điều 5:** Không ai phải chịu tra tấn cũng như phải chịu những hình phạt hay những sự đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc huỷ hoại phẩm giá.

**Điều 6:** Mọi người có quyền được thừa nhận tư cách pháp nhân của mình ở tất cả mọi nơi.

**Điều 7:** Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ ngang nhau, không phân biệt. Mọi người đều có quyền được bảo vệ ngang nhau chống lại mọi sự phân biệt đối xử vì phạm bản Tuyên ngôn này và chống lại mọi điều gây ra sự phân biệt đối xử ấy.

**Điều 8:** Mọi người đều có quyền khiếu nại có hiệu quả tới các cơ quan pháp lý quốc gia có thẩm quyền chống lại những hành vi vi phạm các quyền căn bản mà hiến pháp và luật pháp đã thừa nhận.

**Điều 9:** Không có thể bị bắt, bị giam giữ hay bị lưu đày một cách tùy tiện.

**Điều 10:** Mọi người đều có quyền trình bày sự việc của mình một cách vô tư và công khai, với sự bình đẳng hoàn toàn, trước một tòa án độc lập và không thiên vị, để tòa án này quyết định các quyền hay nghĩa vụ của họ, hoặc quyết định xem việc buộc tội họ về mặt hình sự có cơ sở hay không.

**Điều 11:** 1° Mọi người bị buộc tội có hành vi phạm tội được coi là vô tội cho đến khi sự phạm tội của người đó được xác định một cách hợp pháp trong một vụ xét xử công khai, trong đó có những sự bảo đảm cần thiết cho việc bào chữa của người đó.

2° Không ai bị kết tội vì những hành vi hay những sơ xuất là lúc phạm phải, chúng không phải là một hành vi phạm tội theo luật quốc gia hay quốc tế. Cũng vậy, không được áp dụng một hình phạt nào nặng hơn hình phạt có thể được áp dụng lúc có hành vi phạm tội.

**Điều 12:** Không ai phải chịu những sự can thiệp tùy tiện vào đời sống riêng tư, gia đình, nơi ở hay thư từ của mình, cũng như không ai phải chịu những sự xâm phạm danh dự và danh tiếng của mình. Mọi người đều có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những sự can thiệp hay xâm phạm như vậy.

**Điều 13:** - 1° Mọi người đều có quyền đi lại tự do và có quyền lựa chọn nơi cư trú của mình trong một quốc gia.

2° Mọi người đều có quyền rời bỏ bất kỳ nước nào, kể cả nước mình, và có quyền trở về nước mình.

**Điều 14:** 1° Khi bị truy nã, mọi người đều có quyền tìm nơi lưu trú và có quyền được lưu trú ở những nước khác.

2° Quyền này không thể được viện dẫn ra trong trường hợp những sự truy nã có cơ sở thật sự đối với một tội vi phạm luật phổ thông hay đối với những hành động trái với những mục đích và những nguyên tắc của Liên hợp quốc.

**Điều 15:** 1° Mọi người đều có quyền có quốc tịch.

2° Không ai có thể bị tùy tiện tước bỏ quốc tịch cũng như quyền đổi quốc tịch.

**Điều 16:** 1° Từ tuổi thành hôn, nam hay nữ đều có quyền kết hôn và lập gia đình, không có một sự phân biệt nào về chủng tộc, quốc tịch hay tôn giáo. Họ có các quyền ngang nhau đối với hôn nhân, trong hôn nhân và khi li hôn.

2° Hôn nhân chỉ được kết ước với sự thoả thuận tự do và hoàn toàn tự nguyện của cặp vợ chồng tương lai.

3° Gia đình là yếu tố tự nhiên và căn bản của xã hội, và nó có quyền được xã hội và Nhà nước bảo hộ.

**Điều 17:** 1° Mọi người, sống một mình hay sống tập thể, đều có quyền về sở hữu.

2° Không ai có thể bị tước đoạt sở hữu của mình một cách tùy tiện.

**Điều 18:** Mọi người đều có quyền tự do về ý kiến và ngôn luận, quyền này bao gồm cả quyền không bị lo ngại về những ý kiến của mình và quyền tìm kiếm, thu nhận và phổ biến những thông tin và những ý tưởng bất cứ bằng phương tiện diễn đạt nào, không kể tới các biên giới.

**Điều 20:** 1° Mọi người đều có quyền tự do hội họp và lập hội hoà bình.

2° Không ai có thể bị buộc phải tham gia một hội nào.

**Điều 21:** 1° Mọi người đều có quyền tham gia công việc công cộng của nước mình, hoặc trực tiếp, hoặc qua trung gian những đại diện được tự do lựa chọn.

2° Với những điều kiện bình đẳng, mọi người đều có quyền đảm nhận những chức năng công cộng của nước mình.

3° ý chí của nhân dân là nền tảng uy quyền của các quyền lực cộng đồng; ý chí đó phải được thể hiện bằng các cuộc bầu cử trung thực được tổ chức đều kì, theo chế độ bỏ phiếu phổ thông bình đẳng và bỏ phiếu kín, hoặc theo một thủ tục tương tự nhằm bảo đảm tự do bỏ phiếu.

**Điều 22:** Mọi người, với tư cách thành viên của xã hội, đều có quyền bảo hiểm xã hội; sự bảo hiểm này dựa vào việc thoả mãn các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá cần thiết cho phẩm giá và cho sự phát triển nhân cách của mỗi người, nhờ vào nỗ lực quốc gia và sự hợp tác quốc tế, có chú trọng tới sự tổ chức và các nguồn lực của mỗi nước.

**Điều 23:** 1° Mọi người đều có quyền lao động, tự do lựa chọn lao động của mình, với những điều kiện lao động công bằng và vừa ý, cũng như được bảo vệ chống thất nghiệp.

2° Mọi người đều có quyền hưởng tiền công ngang nhau cho một lao động ngang nhau, không phân biệt đối xử.

3° Ai làm việc cũng đều có quyền được thù lao công bằng và vừa ý, bảo đảm cho mình cũng như cho gia đình một cuộc sống phù hợp với phẩm giá con người và được bổ sung bằng tất cả những phương tiện bảo vệ xã hội, khi có thể được.

4° Mọi người đều có quyền cùng với những người khác lập ra các công đoàn hay tham gia các công đoàn để bảo vệ những lợi ích của mình.

**Điều 24:** Mọi người đều có quyền nghỉ ngơi và giải trí, và nhất là có quyền được giới hạn hợp lí về thời gian làm việc và được nghỉ phép đều kì có trả tiền.

**Điều 25:** 1° Mỗi người đều có quyền có một mức sống đủ đảm bảo sức khoẻ, phúc lợi của mình và của gia đình mình, nhất là về ăn mặc, ở, chăm sóc y tế và các dịch vụ xã hội cần thiết, có quyền được bảo hiểm khi bị thất nghiệp, ốm đau, tàn phế, goá bụa, già cả, hay trong các trường hợp mất khả năng tự nuôi sống do các điều kiện không phụ thuộc vào ý muốn của mình.

2° Phụ nữ trong thời kỳ sinh nở và nuôi con nhỏ có quyền đòi hỏi sự chăm sóc và giúp đỡ đặc biệt. Tất cả trẻ em sinh ra do hôn nhân hay ngoài hôn nhân đều được xã hội bảo trợ như nhau.

**Điều 26:** 1° Mọi người đều có quyền về giáo dục. Giáo dục phải là không mất tiền, ít nhất ở cấp tiểu học và cơ sở. Giáo dục tiểu học là có tính chất bắt buộc. Giáo dục kĩ thuật và nghề nghiệp phải được phổ cập; giáo dục đại học phải được mở ra hoàn toàn bình đẳng cho tất cả mọi người theo tài năng của họ.

2° Giáo dục phải nhằm phát triển đầy đủ nhân cách con người và tăng thêm sự tôn trọng các quyền con người và các tự do cơ bản. Nó phải tạo thuận lợi cho sự hiểu biết lẫn nhau, sự khoan dung và tình thân hữu giữa tất cả các quốc gia và tất cả các nhóm chủng tộc hay tôn giáo, cũng như cho sự phát triển những hoạt động của Liên hợp quốc nhằm duy trì hoà bình.

3° Các bậc cha mẹ được quyền ưu tiên lựa chọn kiểu giáo dục cho con mình.

**Điều 27:** 1° Tất cả mọi người đều có quyền tự do tham gia đời sống văn hoá của cộng đồng, được hưởng thụ các nghệ thuật và tham gia sự tiến bộ kĩ thuật, cũng như được hưởng những lợi ích do sự tiến bộ ấy đem lại.

2° Mọi người đều có quyền được bảo vệ về những lợi ích tinh thần và vật chất bắt nguồn từ mọi sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật mà mình là tác giả.

**Điều 28:** Mọi người đều có quyền có một trật tự, về mặt xã hội cũng như về mặt quốc tế, trong đó các quyền và các tự do đã nêu lên trong bản Tuyên ngôn này có thể có hiệu lực đầy đủ.

**Điều 29:** 1° Cá nhân phải có những bổn phận đối với cộng đồng, chỉ trong đó nhân cách của mình mới có thể phát triển tự do và đầy đủ.

2° Trong việc thực hiện các quyền và hưởng thụ các tự do của mình, mọi người chỉ bị giới hạn bằng luật pháp nào nhằm bảo đảm thừa nhận và tôn trọng các quyền và các tự do của người khác và nhằm thoả mãn những yêu cầu đúng đắn của đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ.

3° Không một trường hợp nào, các quyền và các tự do ấy có thể được thực hiện trái với những mục đích và những nguyên tắc của Liên hợp quốc.

Điều 30: Không một qui định nào của bản Tuyên ngôn này có thể được lí giải theo lối để cho một quốc gia, một nhóm, hay một cá nhân nào có quyền tiến hành một hoạt động, hay một hành vi nhằm phá hoại các quyền và các tự do đã được nêu lên trong đó.

*Lê Diên dịch*

---

(1) *Luật phổ thông* (droit commun) là pháp luật thường áp dụng cho một số loại pháp lí nhất định mà không có những luật lệ riêng biệt (N.D., theo Từ điển Pháp — Việt Pháp luật — Hành chính, NXB Thế giới, 1992)



# CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ QUYỀN TRẺ EM<sup>1</sup>

## Lời mở đầu

*Xét rằng*, theo các nguyên tắc đã công bố trong Hiến chương Liên hợp quốc, công nhận phẩm cách vốn có và các quyền bình đẳng không thể tước đoạt được của tất cả thành viên trong gia đình loài người là nền tảng của tự do, công lí và hòa bình trên thế giới.

*Ghi nhớ rằng*, các dân tộc thành viên Liên hợp quốc đã từng khẳng định lại trong Hiến chương niềm tin của mình vào các quyền con người cơ bản, vào phẩm cách và giá trị của con người, quyết tâm thúc đẩy tiến bộ xã hội và chất lượng cuộc sống trong sự tự do rộng lớn hơn.

*Công nhận rằng*, trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và các công ước quốc tế về quyền con người, Liên hợp quốc đã công bố và thỏa thuận rằng mọi người đều có quyền được hưởng tất cả các quyền và tự do nêu ra trong các văn kiện đó mà không bị bất cứ một sự phân biệt đối xử nào như chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, tài sản, dòng dõi hoặc mối tương quan khác.

*Nhắc lại rằng*, trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, Liên hợp quốc đã công bố rằng trẻ em có quyền được chăm sóc và giúp đỡ đặc biệt.

*Tin tưởng rằng*, gia đình với tư cách là nhóm xã hội cơ bản và môi trường tự nhiên cho sự phát triển và hạnh phúc của tất cả thành viên gia đình, đặc biệt là trẻ em cần có sự bảo vệ và giúp đỡ cần thiết có thể đảm đương được đầy đủ các trách nhiệm của mình trong cộng đồng.

*Công nhận rằng*, để phát triển đầy đủ và hài hòa nhân cách của mình, trẻ em cần được lớn lên trong môi trường gia đình, trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương và cảm thông.

*Xét rằng*, trẻ em cần được chuẩn bị đầy đủ để cuộc sống cá nhân trong xã hội và cần được nuôi dưỡng theo tinh thần các lí tưởng được nêu ra trong Hiến chương Liên hợp quốc, đặc biệt trong tinh thần hòa bình, phẩm giá, khoan dung, tự do, bình đẳng và đoàn kết.

*Ghi nhớ rằng*, nhu cầu chăm sóc đặc biệt trẻ em đã được khẳng định trong Tuyên ngôn Giơ-ne-vơ về quyền trẻ em, trong Tuyên ngôn về quyền trẻ em do Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 20-11-1959 và đã được thừa nhận trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (đặc biệt trong các điều 23 và 24), trong Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (đặc biệt trong điều 10), trong những điều lệ và văn kiện có liên quan khác của các cơ quan chuyên môn, các tổ chức quốc tế liên quan đến phúc lợi của trẻ em.

*Ghi nhớ rằng*, như đã chỉ ra trong Tuyên ngôn về quyền trẻ em, “do còn non nớt về thể chất và trí tuệ, trẻ em cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lí trước cũng như sau khi ra đời”.

*Nhắc lại*, các điều khoản của Tuyên bố về các nguyên tắc xã hội và pháp lí liên quan đến bảo vệ và phúc lợi của trẻ em, đặc biệt đối với việc thu xếp nuôi con nuôi ở trong và ngoài nước; Quy tắc

---

<sup>1</sup> Thông qua và mở cho các nước kí, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết 44/25 ngày 20-11-1989 của Đại hội đồng Liên hợp quốc.  
- Có hiệu lực từ ngày 2-9-1990 theo điều 49 của Công ước.  
- Việt Nam phê chuẩn ngày 28-2-1990.

tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên (Quy tắc Bắc Kinh) và Tuyên ngôn về bảo vệ phụ nữ và trẻ em trong trường hợp khẩn cấp hoặc xung đột vũ trang.

*Công nhận rằng*, ở tất cả các nước trên thế giới có những trẻ em sống trong các điều kiện đặc biệt khó khăn và những trẻ em như vậy cần được quan tâm đặc biệt.

*Cần nhắc* thích đáng tầm quan trọng của các truyền thống và giá trị văn hóa của mỗi dân tộc nhằm bảo vệ và phát triển hài hòa trẻ em.

*Công nhận* tầm quan trọng của hợp tác quốc tế để cải thiện điều kiện sống của trẻ em ở mọi nước, đặc biệt ở các nước đang phát triển.

Đã thỏa thuận như sau:

## PHẦN I

### Điều 1:

Trong phạm vi của Công ước này, trẻ em có nghĩa là mọi người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn.

### Điều 2:

1. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo đảm những quyền được nêu ra trong Công ước này đối với mỗi trẻ em thuộc quyền tài phán của họ mà không có bất cứ một sự phân biệt đối xử nào, bất kể trẻ em, cha mẹ hay người giám hộ pháp lý của trẻ em đó thuộc chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến gì khác, nguồn gốc quốc gia, dân tộc hay xã hội, tài sản, khuyết tật, xuất thân gia đình và những mối tương quan khác.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo cho trẻ em được bảo vệ tránh khỏi tất cả các hình thức phân biệt đối xử hoặc trừng phạt trên cơ sở địa vị, hoạt động, những ý kiến phát biểu hoặc tín ngưỡng của cha mẹ, người giám hộ pháp lý hoặc những thành viên gia đình khác của trẻ em.

### Điều 3:

1. Trong tất cả những hành động liên quan đến trẻ em, dù do các cơ quan phúc lợi xã hội công cộng hay tư nhân, tòa án, các nhà chức trách hành chính hay cơ quan lập pháp tiến hành thì lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu.

2. Các quốc gia thành viên cam kết bảo đảm cho trẻ em được bảo vệ và chăm sóc như vậy cần thiết cho hạnh phúc của trẻ em, có tính đến những quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, người giám hộ pháp lý hoặc những cá nhân khác chịu trách nhiệm về mặt pháp lý đối với trẻ em và nhằm mục đích đó, sẽ thực thi tất cả mọi biện pháp thích hợp về lập pháp và hành chính.

3. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng những tổ chức, cơ quan và cơ sở chịu trách nhiệm chăm sóc hoặc bảo vệ trẻ em sẽ theo đúng những tiêu chuẩn do các nhà chức trách có thẩm quyền quyết định, đặc biệt trong các lĩnh vực an toàn, sức khỏe, về số lượng và sự phù hợp của đội ngũ nhân viên các cơ sở cũng như về sự giám sát thành thạo.

### Điều 4:

Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả những biện pháp lập pháp, hành chính thích hợp và các biện pháp khác để thực hiện những quyền được thừa nhận trong Công ước này. Về những quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, các quốc gia thành viên phải thi hành

những biện pháp như vậy ở mức tối đa các nguồn lực sẵn có của mình và khi cần thiết trong phạm vi khuôn khổ hợp tác quốc tế.

#### **Điều 5:**

Các quốc gia thành viên phải tôn trọng những trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, hoặc ở những nơi có thể được của các thành viên gia đình mở rộng hoặc của cộng đồng theo phong tục địa phương quy định, của những người giám hộ pháp lí hay những người khác chịu trách nhiệm về mặt pháp lí với trẻ em, trong việc chỉ bảo và hướng dẫn thích hợp cho trẻ em theo cách thức phù hợp với khả năng của trẻ em thực hiện những quyền được thừa nhận trong Công ước này.

#### **Điều 6:**

1. Các quốc gia thành viên công nhận rằng mọi trẻ em đều có quyền cố hữu được sống.
2. Các quốc gia thành viên bảo đảm đến mức tối đa có thể được sự sống còn và phát triển của trẻ em.

#### **Điều 7:**

1. Trẻ em phải được đăng kí ngay lập tức sau sinh ra và có quyền có họ tên, có quyền có quốc tịch và trong chừng mực có thể, quyền biết cha mẹ mình và được cha mẹ mình chăm sóc sau khi ra đời.
2. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm việc thực hiện những quyền này phù hợp với luật pháp quốc gia, với những nghĩa vụ của họ theo những văn kiện quốc tế có liên quan trong lĩnh vực này, đặc biệt trong trường hợp là nếu không làm như thế thì trẻ em sẽ không có quốc tịch.

#### **Điều 8:**

1. Các quốc gia thành viên cam kết tôn trọng quyền của trẻ em được giữ gìn bản sắc của mình, kể cả quốc tịch, họ tên và các quan hệ gia đình được pháp luật thừa nhận mà không có sự can thiệp phi pháp.
2. Nơi nào có trẻ em bị tước đoạt một cách phi pháp một vài hoặc tất cả những yếu tố bản sắc của các em, thì các quốc gia thành viên phải giúp đỡ và bảo vệ thích hợp, nhằm mục đích nhanh chóng khôi phục lại bản sắc cho các em đó.

#### **Điều 9:**

1. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng trẻ em không bị cách li cha mẹ trái với ý muốn của họ, trừ trường hợp những nhà chức trách có thẩm quyền chịu sự xem xét của pháp luật quyết định là theo luật pháp và các thủ tục áp dụng thì việc cách li như thế là cần thiết cho lợi ích tốt nhất của trẻ em. Quyết định như thế có thể là cần thiết trong trường hợp đặc biệt như trẻ em bị cha mẹ lạm dụng hay sao nhãng, hoặc khi cha mẹ sống cách li và cần phải có một quyết đoán về nơi cư trú của trẻ em.
2. Trong bất kì quá trình tố tụng theo như đoạn 1 của điều này, tất cả các bên liên quan phải được cơ hội tham gia quá trình tố tụng và bày tỏ quan điểm của mình.
3. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền của trẻ em bị sống cách li với cha mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ, để duy trì những quan hệ riêng tư và được tiếp xúc trực tiếp với cả cha và mẹ một cách đều đặn, trừ khi việc này trái với lợi ích tốt nhất của trẻ em.
4. Nơi nào mà sự cách li như vậy là kết quả của bất kì hành động nào của một quốc gia thành viên như giam giữ, bỏ tù, đi lưu vong, đi đày hay chết (gồm cả cái chết xảy ra do bất kì nguyên nhân

nào trong khi người đó đang ở trong cơ sở giam giữ của Nhà nước), của cha hay mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ của trẻ em, hay của trẻ em thì quốc gia thành viên đó phải cung cấp theo yêu cầu cho cha mẹ, cho trẻ em hoặc nếu thích hợp, cho một thành viên khác của gia đình những thông tin thiết yếu về địa chỉ của một hay nhiều thành viên vắng mặt của gia đình, trừ trường hợp việc cung cấp thông tin như thế sẽ phương hại đến phúc lợi của trẻ em. Các quốc gia thành viên còn phải đảm bảo rằng việc đề ra yêu cầu như vậy sẽ không tự nó gây nên những hậu quả có hại cho người (hoặc những người) có liên quan.

#### **Điều 10:**

1. Phù hợp với nghĩa vụ của các quốc gia thành viên theo điều 9, đoạn 1, những đơn của trẻ em hoặc của cha mẹ các em đề nghị được nhập cảnh hay xuất cảnh một quốc gia thành viên vì mục đích đoàn tụ gia đình, phải được các quốc gia thành viên xử lý một cách tích cực, nhân đạo và nhanh chóng. Hơn nữa, các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng việc đưa một yêu cầu như thế sẽ không gây ra những hậu quả có hại cho những người đứng đơn yêu cầu và cho các thành viên gia đình họ.

2. Trẻ em có cha mẹ mà mỗi người cư trú ở các quốc gia khác nhau phải có quyền duy trì trên cơ sở đều đặn những quan hệ cá nhân và tiếp xúc trực tiếp với cả cha và mẹ trừ hoàn cảnh đặc biệt. Nhằm mục đích đó và phù hợp với nghĩa vụ của các quốc gia thành viên theo điều 9, đoạn 1, các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền của trẻ em, của cha mẹ được bất cứ nơi nào, kể cả chính nước của họ và quyền nhập cảnh vào nước họ. Quyền được rời bất kỳ nước nào sẽ chỉ lệ thuộc vào những điều hạn chế được ghi trong luật pháp và cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, y tế, đạo đức hoặc các quyền và sự tự do của những người khác và phù hợp với các quyền khác được thừa nhận trong Công ước này.

#### **Điều 11:**

1. Các quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp chống việc mang trẻ em ra nước ngoài bất hợp pháp và không đưa trở về.

2. Để đạt được mục đích này, các quốc gia thành viên phải thúc đẩy việc kí kết những hiệp định song phương hoặc đa phương hay tham gia các hiệp định hiện có.

#### **Điều 12:**

1. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo cho trẻ em có đủ khả năng hình thành quan điểm riêng mình được quyền tự do phát biểu những quan điểm đó về tất cả mọi vấn đề có ảnh hưởng đến trẻ em và những quan điểm của trẻ em phải được coi trọng một cách thích ứng với tuổi và độ trưởng thành của trẻ em.

2. Vì mục đích đó, trẻ em phải được đặc biệt tạo cơ hội nói lên ý kiến của mình trong bất kỳ quá trình tố tụng tư pháp hoặc hành chính nào có ảnh hưởng đến trẻ em, hoặc trực tiếp hay thông qua một người đại diện hay một cơ quan thích hợp, theo cách thức phù hợp với những quy định mang tính thủ tục của luật pháp quốc gia.

#### **Điều 13:**

1. Trẻ em có quyền tự do bày tỏ ý kiến; quyền này phải bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến tất cả các loại thông tin và tư tưởng không kể biên giới, hoặc qua truyền miệng, bản viết tay hay bản in, dưới hình thức nghệ thuật hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào khác mà trẻ em lựa chọn.

2. Việc thực hiện quyền này có thể phải chịu một số hạn chế nhất định, nhưng những hạn chế này chỉ có thể là các điều được luật pháp quy định và là cần thiết.

(a) Để tôn trọng các quyền và thanh danh của người khác.

(b) Để bảo vệ an ninh quốc gia hay trật tự công cộng hoặc y tế và đạo đức.

#### **Điều 14:**

1. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo của trẻ em.

2. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và khi thích hợp, của người giám hộ pháp lý trong việc hướng dẫn trẻ em thực hiện quyền của các em một cách phù hợp với khả năng phát triển của mình.

3. Quyền tự do biểu thị tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể chịu những hạn chế do pháp luật đề ra và là cần thiết để bảo vệ an toàn công cộng, trật tự xã hội, y tế hay đạo đức hoặc những quyền và tự do cơ bản của người khác.

#### **Điều 15:**

1. Các quốc gia thành viên công nhận các quyền của trẻ em được tự do kết giao và tự do hội họp hòa bình.

2. Không được đặt ra các hạn chế đối với việc thực hiện các quyền này, ngoài những điều đã đề ra phù hợp với luật pháp và là cần thiết trong một xã hội dân chủ vì lợi ích của an ninh quốc gia, an toàn công cộng, trật tự xã hội, bảo vệ sức khỏe hay đạo đức hoặc bảo vệ những quyền và tự do của người khác.

#### **Điều 16:**

1. Không trẻ em nào phải chịu sự can thiệp tùy tiện hay bất hợp pháp vào việc riêng tư, gia đình, nhà cửa hoặc thư tín của các

em cũng như những sự công kích bất hợp pháp vào danh dự và thanh danh của các em.

2. Trẻ em có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại sự can thiệp hay công kích như vậy.

#### **Điều 17:**

Các quốc gia thành viên công nhận chức năng quan trọng của các phương tiện thông tin đại chúng và phải bảo đảm rằng trẻ em được thu nhận thông tin và tư liệu từ nhiều nguồn quốc gia và quốc tế khác nhau, đặc biệt là những thông tin tư liệu nhằm mục đích cổ vũ cho lợi ích xã hội, tinh thần và đạo đức cũng như sức khỏe về thể chất và tinh thần của trẻ em. Nhằm mục đích này, các quốc gia thành viên phải:

(a) Khuyến khích các cơ quan thông tin đại chúng phổ biến những thông tin và tư liệu có lợi về xã hội và văn hóa cho trẻ em phù hợp với tinh thần của điều 29;

(b) Khuyến khích hợp tác quốc tế trong việc sản xuất, trao đổi và phổ biến những thông tin và tư liệu như thế từ nhiều nguồn văn hóa quốc gia và quốc tế khác nhau;

(c) Khuyến khích việc sản xuất và phổ biến sách cho trẻ em;

(d) Khuyến khích các cơ quan thông tin đại chúng đặc biệt lưu ý đến những nhu cầu về ngôn ngữ của trẻ em thuộc nhóm thiểu số hay là người bản địa;

(e) Khuyến khích phát biểu những hướng dẫn thích hợp cho việc bảo vệ trẻ em chống lại những thông tin và tư liệu có hại cho ích lợi của các em, có lưu ý đến những khoản của các điều 13 và 18.

### **Điều 18:**

1. Các quốc gia thành viên phải có những cố gắng cao nhất để đảm bảo việc thừa nhận nguyên tắc là cả cha và mẹ đều có trách nhiệm chung trong việc nuôi dưỡng và phát triển trẻ em. Cha mẹ hay tùy trường hợp có thể là người giám hộ pháp lí, có trách nhiệm hàng đầu trong việc nuôi dưỡng và phát triển trẻ em. Những lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là điều quan tâm cơ bản của họ.

2. Vì mục đích bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện những quyền được đặt ra trong Công ước này, các quốc gia thành viên phải dành sự giúp đỡ thích hợp cho cha mẹ và người giám hộ pháp lí trong việc thực hiện trách nhiệm nuôi nấng trẻ em và phải đảm bảo sự phát triển những cơ quan, cơ sở và dịch vụ cho việc chăm sóc trẻ em.

3. Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả các biện pháp thích hợp để bảo đảm cho con cái của những cha mẹ đang làm việc có quyền được hưởng các dịch vụ và cơ sở chăm sóc trẻ em mà họ có đủ tư cách được hưởng.

### **Điều 19:**

1. Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp lập pháp, hành chính, xã hội và giáo dục thích hợp để bảo vệ trẻ em khỏi tất cả các hình thức bạo lực về thể chất hoặc tinh thần, bị thương tổn hay lạm dụng, bị bỏ mặc hoặc chăm sóc sao nhãng, bị ngược đãi hoặc bóc lột, gồm cả lạm dụng tình dục trong khi trẻ em vẫn nằm trong vòng chăm sóc của cha hay mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ, một hay nhiều người giám hộ pháp lí, hoặc của bất kì người nào khác được giao việc chăm sóc trẻ em.

2. Những biện pháp bảo vệ như vậy, trong chừng mực thích hợp cần bao gồm các thủ tục hữu hiệu để thành lập những chương trình xã hội nhằm dành sự hỗ trợ cần thiết cho trẻ em và cho những

người chăm sóc trẻ em, cũng như cho các hình thức phòng ngừa khác và cho việc xác định, báo cáo, chuyển cấp, điều tra, xử lí và tiến hành những bước tiếp theo trong các trường hợp ngược đãi trẻ em như đã mô tả trước đây và nếu thích hợp cho việc tham gia của pháp luật.

### **Điều 20:**

1. Những trẻ em tạm thời hay vĩnh viễn bị tước mất môi trường gia đình của mình, hoặc vì những lợi ích tốt nhất của chính bản thân mình mà không được phép tiếp tục ở trong môi trường ấy, có quyền được hưởng sự bảo vệ và giúp đỡ đặc biệt của Nhà nước.

2. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm cho các trẻ em như thế được hưởng sự chăm sóc thay thế tương ứng phù hợp với luật pháp quốc gia.

3. Sự chăm sóc như thế có thể bao gồm nhiều hình thức gồm việc gửi nuôi, hình thức Kafala của luật đạo Hồi, nhận làm con nuôi hoặc nếu cần thiết gửi vào những cơ sở chăm sóc trẻ em thích hợp. Khi cân nhắc các giải pháp, phải quan tâm thích đáng đến việc mong muốn liên tục trong việc nuôi dạy trẻ em và đến xuất xứ dân tộc, tôn giáo, văn hóa và ngôn ngữ của trẻ em.

### **Điều 21:**

Các quốc gia thành viên mà công nhận hoặc cho phép chế độ nhận làm con nuôi phải đảm bảo rằng những lợi ích tốt nhất của trẻ em là mối quan tâm cao nhất và các quốc gia phải:

(a) Đảm bảo rằng việc cho nhận trẻ em làm con nuôi chỉ được tiến hành với sự cho phép bởi những nhà chức trách có thẩm quyền theo đúng pháp luật, thủ tục được áp dụng và trên cơ sở tất cả thông tin liên quan đáng tin cậy, rằng xét tình trạng của trẻ em về cha, mẹ,

họ hàng, người giám hộ pháp lí thì việc nhận trẻ em làm con nuôi là có thể được phép và rằng nếu được yêu cầu, những người có liên quan cho biết họ đã được thông tin và đồng ý việc nhận làm con nuôi đó trên cơ sở đã tham khảo ý kiến cần thiết;

(b) Công nhận rằng việc cho trẻ em ra nước ngoài làm con nuôi có thể được coi như một biện pháp thay thế của việc chăm sóc trẻ em, nếu như trẻ em đó không thể gửi được cho một gia đình chăm nom hay nhận nuôi, hoặc không thể nào được chăm sóc một cách thích hợp bất kì nào ở ngay tại nước nguyên quán của trẻ em;

(c) Đảm bảo rằng cho trẻ em ra nước ngoài làm con nuôi cũng được hưởng những sự bảo vệ và tiêu chuẩn tương đương với những sự bảo vệ và tiêu chuẩn hiện hành của việc làm con nuôi trong nước;

(d) Thi hành tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo rằng trong việc cho trẻ em ra nước ngoài làm con nuôi, việc bố trí ấy không dẫn đến sự trục lợi không chính đáng về tài chính của những người có liên quan tham gia;

(e) Trong những trường hợp thích hợp, thúc đẩy những mục tiêu của điều khoản này bằng cách kí kết những thỏa thuận hoặc hiệp định song phương hay đa phương và ra sức trong khuôn khổ đó, đảm bảo việc đưa trẻ em sang nước khác làm con nuôi là do những nhà chức trách hay cơ quan có thẩm quyền tiến hành.

#### **Điều 22:**

1. Các quốc gia thành viên phải thực hiện những biện pháp thích hợp để bảo đảm rằng trẻ em xin quy chế tị nạn hoặc được coi như người tị nạn theo luật pháp và thủ tục quốc gia hay quốc tế có thể áp dụng, dù không có hay có cha, mẹ, hay bất cứ một người nào khác đi cùng, sẽ nhận được sự bảo vệ và giúp đỡ nhân đạo thích đáng trong việc hưởng các quyền thích hợp nêu ra trong Công ước

này và trong những văn kiện quốc tế khác về quyền con người hay nhân đạo mà những quốc gia được nói đến là quốc gia thành viên.

2. Nhằm mục đích đó, các quốc gia thành viên tùy xét thấy thích hợp mà phải hợp tác trong mọi cố gắng của Liên hợp quốc hoặc những tổ chức liên Chính phủ hay phi Chính phủ có thẩm quyền hợp tác với Liên hợp quốc để bảo vệ, giúp đỡ trẻ em như thế, và để tìm ra cha mẹ hoặc những thành viên khác của gia đình bất kỳ trẻ em tị nạn nào, nhằm có được những thông tin cần thiết cho việc trẻ em đó được đoàn tụ gia đình. Trong những trường hợp không thể tìm ra cha mẹ hay các thành viên khác của gia đình thì trẻ em đó phải được hưởng sự bảo vệ giống như trẻ em nào khác vĩnh viễn hay tạm thời bị tước đoạt môi trường gia đình vì bất kì lí do gì như đã được nêu trong Công ước này.

#### **Điều 23:**

5. Các quốc gia thành viên công nhận rằng trẻ em tàn tật về tinh thần hay thể chất cần được hưởng một cuộc sống trọn vẹn và đầy đủ trong những điều kiện đảm bảo phẩm giá, thúc đẩy khả năng tự lực và tạo điều kiện cho trẻ em tham gia tích cực vào cộng đồng.

6. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em tàn tật được chăm sóc đặc biệt và tùy theo các nguồn lực sẵn có, phải khuyến khích và đảm bảo dành cho trẻ em tàn tật và cho những người có trách nhiệm chăm sóc sự giúp đỡ mà họ yêu cầu và thích hợp với điều kiện của trẻ em đó, với hoàn cảnh của cha mẹ hay những người khác chăm sóc trẻ em đó.

7. Trên cơ sở thừa nhận các nhu cầu đặc biệt của trẻ em tàn tật, sự giúp đỡ dành cho trẻ em tàn tật theo đoạn 2 của điều này phải được cung cấp miễn phí, bất kì khi nào có thể, tính đến khả năng tài chính của cha mẹ hay những người khác chăm sóc trẻ em tàn tật và

sẽ được trù tính sao cho đảm bảo rằng trẻ em tàn tật được tiếp cận hiệu quả và được giáo dục, đào tạo, hưởng các dịch vụ y tế và dịch vụ phục hồi chức năng, sự chuẩn bị để có việc làm và các cơ hội vui chơi, giải trí theo cách thức có lợi cho việc trẻ em tàn tật được hòa nhập xã hội và phát triển cá nhân đầy đủ nhất có thể đạt được bao gồm cả sự phát triển văn hóa và tinh thần của những trẻ em đó.

8. Các quốc gia thành viên phải thúc đẩy trong tinh thần hợp tác quốc tế việc trao đổi thông tin thích hợp trong lĩnh vực phòng bệnh, chữa trị về y tế, tâm lý và chức năng cho trẻ em tàn tật, bao gồm việc phổ biến và tiếp cận thông tin liên quan đến phương pháp giáo dục, phục hồi chức năng và các dịch vụ dạy nghề, nhằm tạo điều kiện cho các quốc gia thành viên nâng cao khả năng, kỹ năng của họ để mở rộng kinh nghiệm của họ trong những lĩnh vực này. Về mặt này, phải đặc biệt chú ý đến nhu cầu của các nước đang phát triển.

#### **Điều 24:**

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được hưởng mức cao nhất có thể đạt được về sức khỏe, các phương tiện chữa bệnh và phục hồi sức khỏe. Các quốc gia thành viên phải cố gắng đảm bảo rằng không có trẻ em nào bị tước đoạt quyền được hưởng những dịch vụ chăm sóc sức khỏe như vậy.

2. Các quốc gia thành viên phải theo đuổi việc thực hiện đầy đủ quyền này và đặc biệt phải thực hiện những biện pháp thích hợp để:

- (a) Giảm tỉ lệ tử vong ở trẻ em và trẻ sơ sinh;
- (b) Bảo đảm dành sự giúp đỡ y tế và chăm sóc sức khỏe cần thiết cho tất cả trẻ em, chú trọng phát triển công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu;
- (c) Chống bệnh tật và suy dinh dưỡng trong khuôn khổ công

tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, chẳng hạn qua việc áp dụng các công nghệ sẵn có và qua việc cấp đầy đủ thức ăn bổ sung và nước uống sạch có tính đến những nguy cơ ô nhiễm môi trường;

(d) Đảm bảo chăm sóc sức khỏe thích hợp cho người mẹ trước và sau khi sinh đẻ;

(e) Đảm bảo rằng tất cả các tầng lớp xã hội, đặc biệt những người làm cha mẹ và trẻ em được thông tin, được tiếp thu giáo dục và được hỗ trợ trong việc sử dụng kiến thức cơ bản về sức khỏe và dinh dưỡng của trẻ em, những ưu điểm của việc nuôi con bằng sữa mẹ, vệ sinh, vệ sinh môi trường và phòng ngừa tai biến;

(f) Phát triển công tác phòng bệnh, hướng dẫn cha mẹ, giáo dục và các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

3. Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp và hiệu quả nhằm xóa bỏ những tập tục có hại cho sức khỏe của trẻ em.

4. Các quốc gia thành viên cam kết thúc đẩy và khuyến khích việc hợp tác quốc tế nhằm dẫn dắt đến sự thực hiện đầy đủ quyền được thừa nhận trong điều khoản này. Về mặt này, phải đặc biệt tính đến nhu cầu của các nước đang phát triển.

#### **Điều 25:**

Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được những nhà chức trách có thẩm quyền bố trí chăm sóc, bảo vệ, hoặc điều trị sức khỏe về thể chất hay tinh thần, được xem xét định kỳ chế độ điều trị và tất cả các điều kiện khác liên quan đến sự bố trí nói trên.

#### **Điều 26:**

1. Các quốc gia thành viên công nhận là mọi trẻ em đều được



quyền hưởng an toàn xã hội, kể cả bảo hiểm xã hội và phải thi hành những biện pháp cần thiết để thực hiện đầy đủ quyền này phù hợp với luật pháp quốc gia của mình.

2. Ở nơi thích hợp, các quyền lợi đó phải được đảm bảo có tính đến các nguồn lực, hoàn cảnh của trẻ em và của những người chịu trách nhiệm nuôi nấng trẻ em, cũng như bất kỳ một sự cân nhắc nào khác liên quan đến đơn xin được hưởng quyền lợi do trẻ em hay người nhân danh trẻ em đệ trình.

#### **Điều 27:**

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của mọi trẻ em được có mức sống đủ để phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và xã hội.

2. Cha mẹ, hoặc cha hay mẹ và những người khác chịu trách nhiệm về trẻ em có trách nhiệm hàng đầu trong việc bảo đảm các điều kiện sống cần thiết cho sự phát triển của trẻ em theo năng lực và khả năng tài chính của mình.

3. Các quốc gia thành viên, tùy theo những điều kiện của nước mình và trong phạm vi các phương tiện sẵn có của mình, phải thi hành các biện pháp thích hợp để giúp đỡ cha mẹ và những người khác chịu trách nhiệm về trẻ em thực hiện quyền này và trong trường hợp cần thiết phải thực hiện những chương trình hỗ trợ và giúp đỡ vật chất, đặc biệt về dinh dưỡng, quần áo và nhà ở.

4. Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả những biện pháp thích hợp để bảo đảm thu hồi cho trẻ em chi phí nuôi nấng từ tay cha mẹ hay những người khác có trách nhiệm về tài chính đối với trẻ em ở tại quốc gia thành viên cũng như ở nước ngoài. Đặc biệt, nếu người có trách nhiệm về tài chính đối với trẻ em sống ở một quốc gia khác thì các quốc gia thành viên phải thúc đẩy việc

tham gia các hiệp định quốc tế hay việc kí kết những hiệp định như vậy, cũng như là việc dàn xếp các thỏa thuận thích hợp khác.

#### **Điều 28:**

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được học hành và để đạt được việc thực hiện dần dần quyền này trên cơ sở có cơ hội bình đẳng, đặc biệt phải:

(a) Thi hành giáo dục tiểu học bắt buộc, sẵn có và miễn phí cho tất cả mọi người;

(b) Khuyến khích phát triển các hình thức giáo dục trung học khác nhau, kể cả giáo dục phổ thông và dạy nghề, làm cho những hình thức giáo dục này có sẵn và đến được với mọi trẻ em, thi hành các biện pháp thích hợp như thực hiện giáo dục không mất tiền và tài trợ trong trường hợp cần thiết;

(c) Làm giáo dục đại học được với tất cả mọi người trên cơ sở khả năng bằng mọi phương tiện thích hợp;

(d) Làm cho sự hướng dẫn và thông tin về giáo dục và dạy nghề sẵn có và đến được với tất cả trẻ em;

(e) Tiến hành các biện pháp khuyến khích việc đi học đều đặn ở trường và giảm tỉ lệ bỏ học.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả biện pháp thích hợp để đảm bảo kỉ luật nhà trường được thực hiện phù hợp với nhân phẩm của trẻ em và theo đúng với Công ước này.

3. Các quốc gia thành viên phải thúc đẩy và khuyến khích hợp tác quốc tế trong những vấn đề liên quan đến giáo dục, đặc biệt nhằm đóng góp vào việc xóa bỏ nạn đói khát và mù chữ khắp thế giới và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các kiến thức khoa học,

kỹ thuật và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Về mặt này, nhu cầu của các nước đang phát triển phải được đặc biệt xem xét.

#### **Điều 29:**

1. Các quốc gia thành viên thỏa thuận rằng việc giáo dục trẻ em phải được hướng tới:

(a) Phát triển tối đa nhân cách, tài năng, các khả năng về trí tuệ và thể chất của trẻ em;

(b) Phát triển sự tôn trọng quyền con người và các quyền tự do cơ bản, tôn trọng những nguyên tắc được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc;

(c) Phát triển sự tôn trọng đối với cha mẹ của trẻ em, tôn trọng bản sắc văn hóa, ngôn ngữ và các giá trị của bản thân trẻ em, tôn trọng những giá trị quốc gia của đất nước mà trẻ em đang sống và của đất nước là nguyên quán của trẻ em, tôn trọng những nền văn minh khác với nền văn minh của bản thân trẻ em đó;

(d) Chuẩn bị cho trẻ em sống một cuộc sống có trách nhiệm trong xã hội tự do, theo tinh thần hiểu biết, hòa bình, khoan dung, bình đẳng nam nữ và hữu nghị, giữa tất cả các dân tộc, các nhóm chủng tộc, dân tộc, tôn giáo và những người bản địa;

(e) Phát triển sự tôn trọng đối với môi trường tự nhiên.

2. Không có phần nào trong điều này hay trong điều 28 hiểu theo hướng can thiệp ảnh hưởng đến quyền tự do của các cá nhân và tập thể được thành lập và lãnh đạo những tổ chức giáo dục, trước sau vẫn tôn trọng các nguyên tắc được nêu trong đoạn 1 của điều này, đáp ứng yêu cầu của sự giáo dục trong những tổ chức như thế phải phù hợp với các tiêu chuẩn tối thiểu mà Nhà nước có thể đặt ra.

#### **Điều 30:**

Ở những quốc gia có tồn tại các nhóm thiểu số về chủng tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ hoặc có những người gốc bản địa, những trẻ em thuộc một nhóm thiểu số như thế hoặc là người bản địa, sẽ không bị khước từ quyền được hưởng nền văn hóa của mình, tuyên bố và thực hành tôn giáo và sử dụng tiếng nói của mình cùng với những thành viên khác trong cộng đồng của mình.

#### **Điều 31:**

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được nghỉ ngơi và tiêu khiển, được tham gia vui chơi và những hoạt động giải trí phù hợp với lứa tuổi, được tự do tham gia các sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật.

2. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng và thúc đẩy quyền của trẻ em được tham gia đầy đủ vào sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật, phải khuyến khích việc dành những cơ hội bình đẳng, thích hợp cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí và tiêu khiển.

#### **Điều 32:**

3. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được bảo vệ không bị bóc lột về kinh tế và không phải làm bất kỳ công việc gì nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học hành của trẻ em, hoặc có hại đối với sức khỏe hay sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, hay xã hội của trẻ em.

4. Các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp lập pháp, hành chính, xã hội và giáo dục để đảm bảo việc thực hiện điều này. Để đạt mục tiêu này và tính đến những điều khoản thích hợp của những văn kiện quốc tế khác, các quốc gia thành viên đặc biệt phải:

(d) Quy định một hay nhiều hạn tuổi tối thiểu được phép thu nhận làm công;

(e) Có chế định thích hợp về giờ giấc và điều kiện lao động;

(f) Quy định những hình thức phạt thích hợp hay các hình thức phạt khác để đảm bảo thực hiện điều khoản này.

### **Điều 33:**

Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả những biện pháp thích hợp, bao gồm những biện pháp lập pháp, hành chính, xã hội và giáo dục để bảo vệ trẻ em chống lại việc sử dụng bất hợp pháp các chất ma túy và an thần như đã được xác định trong những điều ước quốc tế liên quan, và để ngăn ngừa việc sử dụng trẻ em vào việc sản xuất, buôn bán bất hợp pháp các chất đó.

### **Điều 34:**

Các quốc gia thành viên cam kết bảo vệ trẻ em chống tất cả các hình thức bóc lột tình dục và lạm dụng tình dục. Vì mục đích này, các quốc gia thành viên phải đặc biệt thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp ở cấp quốc gia, song phương và đa phương để ngăn ngừa;

(a) Việc xúi giục hay ép buộc trẻ em tham gia bất kì hoạt động tình dục trái pháp luật nào;

(b) Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong mại dâm hay các hành vi tình dục trái pháp luật khác;

(c) Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong các cuộc biểu diễn hay tài liệu khiêu dâm.

### **Điều 35:**

Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả những biện pháp

ở các cấp quốc gia, song phương và đa phương thích hợp để ngăn ngừa việc bắt cóc, buôn bán trẻ em vì bất kỳ mục đích gì hay dưới bất kỳ hình thức nào.

### **Điều 36:**

Các quốc gia thành viên phải bảo vệ trẻ em chống tất cả những hình thức bóc lột khác phương hại bất kỳ những phương diện nào của phúc lợi trẻ em.

### **Điều 37:**

Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng:

(a) Không trẻ em nào bị tra tấn hay bị đối xử hoặc trừng phạt tàn tệ, vô nhân đạo hay làm mất phẩm giá. Không được xử tử hình hoặc tù chung thân mà không có khả năng phóng thích vì những hành động phạm pháp do những người dưới 18 tuổi gây ra;

(b) Không trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách hợp pháp hoặc tùy tiện. Việc bắt, giam giữ hoặc bỏ tù trẻ em phải được tiến hành theo luật pháp và chỉ được dùng đến như một biện pháp cuối cùng và trong thời hạn thích hợp ngắn nhất;

(c) Mỗi trẻ em bị tước quyền tự do phải được đối xử nhân đạo và tôn trọng phẩm giá cố hữu của con người, theo một cách có tính đến các nhu cầu của những người ở lứa tuổi các em. Đặc biệt mọi trẻ em bị tước quyền tự do phải được cách li với người lớn, trừ trường hợp không làm như vậy vì lợi ích tốt nhất của các em. Các em phải có quyền duy trì sự tiếp xúc với gia đình của mình qua thư từ và các cuộc viếng thăm, trừ những trường hợp ngoại lệ;

(d) Mọi trẻ em bị tước quyền tự do có quyền đòi hỏi được nhanh chóng hưởng sự giúp đỡ về pháp lí và những sự giúp đỡ thính

hợp khác, cũng như quyền chất vấn tính chất hợp pháp của việc tước quyền tự do của các em trước một tòa án hay cơ quan khác có thẩm quyền, độc lập, vô tư và có quyền đòi hỏi một quyết định nhanh chóng về bất kì hành động nào như vậy.

#### **Điều 38:**

1. Các quốc gia thành viên cam kết tôn trọng và đảm bảo tôn trọng những quy tắc về luật nhân đạo quốc tế áp dụng cho họ trong các cuộc xung đột vũ trang có liên quan đến trẻ em.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả những biện pháp có thể thực hiện được nhằm đảm bảo rằng những người chưa đến tuổi 15 không phải trực tiếp tham gia chiến sự.

3. Các quốc gia thành viên phải tránh tuyển mộ bất kì người nào chưa đến tuổi 15 vào lực lượng vũ trang của mình. Khi tuyển mộ trong số những người đã đến 15 tuổi nhưng chưa đến 18 tuổi, các quốc gia thành viên phải cố gắng dành ưu tiên tuyển mộ những người nhiều tuổi nhất trong số đó.

4. Phù hợp với nghĩa vụ của mình theo luật nhân đạo quốc tế là bảo vệ dân thường trong những cuộc xung đột vũ trang, các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp có thể thực hiện đảm bảo việc bảo vệ và chăm sóc những trẻ em bị ảnh hưởng của xung đột vũ trang.

#### **Điều 39:**

Các quốc gia thành viên phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp để thúc đẩy sự phục hồi về thể chất, tâm lí và tái hòa nhập xã hội của trẻ em là nạn nhân của bất kì hình thức bỏ mặc, bóc lột hay lạm dụng nào, tra tấn hay bất kì hình thức đối xử hay trừng phạt độc ác, vô nhân đạo và nhục hình nào khác, hoặc của các xung đột

vũ trang. Sự phục hồi và tái hòa nhập như thế phải diễn ra trong môi trường làm tăng cường sức khỏe, lòng tự trọng và phẩm giá của trẻ em.

#### **Điều 40:**

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của mọi trẻ em bị coi là, bị tố cáo hay bị công nhận là đã vi phạm luật hình sự được đối xử theo cách thức phù hợp với việc cổ vũ ý thức của trẻ em về phẩm cách và phẩm giá vốn làm tăng cường lòng tôn trọng của trẻ em đối với những quyền con người và tự do cơ bản của người khác, mà cũng phải tính đến lứa tuổi của trẻ em và điều mong muốn làm sao thúc đẩy sự tái hòa nhập và việc đảm đương một vai trò xây dựng của trẻ em trong xã hội.

1. Nhằm mục đích và xét đến những điều khoản thích hợp trong các văn kiện quốc tế, các quốc gia thành viên phải đặc biệt đảm bảo rằng:

(a) Không một trẻ em nào bị coi là, bị tố cáo hay bị công nhận là đã vi phạm luật hình sự vì những hành động hay khiếm khuyết mà luật pháp quốc gia và quốc tế không cấm vào thời điểm xảy ra;

(b) Mọi trẻ em bị coi là hay bị tố cáo là đã vi phạm luật hình sự được có ít nhất những điều đảm bảo sau đây:

- Được giả định vô tội cho tới khi chứng minh rằng đã phạm tội theo luật pháp;

- Được thông báo nhanh chóng và trực tiếp về những điều bị buộc tội và nếu thích hợp thông báo qua cha mẹ hay người giám hộ pháp lí, được giúp đỡ về pháp lí hoặc những giúp đỡ thích hợp khác để chuẩn bị và trình bày sự bảo vệ của mình;

- Vấn đề có phạm tội hay không phải được xác định không trì hoãn bởi một nhà chức trách, hoặc một cơ quan có thẩm quyền, độc lập và vô tư trong một cuộc tường trình công bằng theo pháp luật có sự giúp đỡ về pháp lý hay giúp đỡ thích hợp khác, trừ trường hợp làm như vậy không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, đặc biệt xét đến độ tuổi và tình hình của trẻ em, của cha mẹ hay những người giám hộ pháp lý;

- Không bị ép buộc phải làm chứng hoặc nhận tội; được thẩm vấn hoặc nhờ người thẩm vấn những người làm chứng chống lại mình; được tham gia và thẩm vấn của những người làm chứng cho mình trong những điều kiện bình đẳng;

- Nếu bị coi là đã vi phạm luật hình sự, thì có quyền đòi hỏi quyết định này và những biện pháp thi hành theo quyết định, được đưa ra cho một nhà chức trách hoặc một cơ quan tư pháp có thẩm quyền cao hơn, độc lập và vô tư xét lại theo pháp luật;

- Được giúp đỡ không mất tiền của một người phiên dịch nếu trẻ em không hiểu hay không nói được ngôn ngữ sử dụng;

- Mọi điều riêng tư của trẻ em được tôn trọng đầy đủ trong suốt tất cả các giai đoạn tố tụng.

2. Các quốc gia thành viên phải tìm cách thúc đẩy việc hình thành những đạo luật, thủ tục, quy định, các cơ quan và thể chế áp dụng riêng cho các trẻ em bị coi là, bị tố cáo hay bị thừa nhận là đã vi phạm luật hình sự, đặc biệt phải:

(a) Quy định một hạn tuổi tối thiểu mà những trẻ em ở dưới hạn tuổi đó được coi như là không có khả năng vi phạm luật hình sự;

(b) Bất kì khi nào thích hợp và nên làm, đề ra các biện pháp để xử lý những trẻ em như thế mà không phải đụng đến những quá trình tố tụng tư pháp, miễn là các quyền con người và những điều kiện bảo vệ hợp pháp tôn trọng đầy đủ.

3. Có sẵn nhiều biện pháp khác nhau như chăm sóc, hướng dẫn và lệnh giám sát, tư vấn, tạm tha, chăm nuôi thay thế, các chương trình giáo dục và dạy nghề và những biện pháp thay thế khác ngoài việc chăm sóc tập trung, nhằm đảm bảo cho trẻ em được đối xử một cách phù hợp với phúc lợi của các em và tương xứng cả với hoàn cảnh và tội phạm của các em.

#### **Điều 41:**

Không có gì trong Công ước này ảnh hưởng tới bất kì điều nào khác tạo điều kiện dễ dàng hơn trong việc thực hiện quyền trẻ em và những điều có thể có trong:

(a) Luật pháp của quốc gia thành viên đó;

(b) Luật pháp quốc tế có hiệu lực với quốc gia đó.

## **PHẦN II**

#### **Điều 42:**

Các quốc gia thành viên cam kết phổ biến rộng rãi những nguyên tắc và điều khoản của Công ước này tới người lớn cũng như trẻ em bằng các phương tiện thích hợp và tích cực.

#### **Điều 43:**

Vì mục đích xem xét sự tiến bộ mà các quốc gia thành viên đạt được trong việc thực hiện những nghĩa vụ họ đã cam kết thực hiện trong Công ước này, một ủy ban về quyền trẻ em phải được thành lập với các chức năng quy định dưới đây:

1. Ủy ban này phải gồm 10 chuyên gia có uy tín đạo đức và có

năng lực được công nhận trong lĩnh vực mà Công ước đề cập. Các thành viên của Ủy ban phải do những quốc gia thành viên bầu ra trong số những công dân của các quốc gia này và họ sẽ phục vụ với tư cách cá nhân, có tính đến sự phân bố theo địa lí một cách công bằng cũng như những hệ thống pháp lí chủ yếu.

2. Các thành viên của Ủy ban phải được bầu bằng cách bỏ phiếu kín từ danh sách những người do các quốc gia thành viên đề cử. Mỗi quốc gia thành viên có thể đề cử một công dân của nước mình.

3. Cuộc bầu cử đầu tiên phải được tiến hành không muộn quá 6 tháng kể từ ngày Công ước có hiệu lực và sau đó cứ 2 năm tiến hành một lần. Ít nhất 4 tháng trước mỗi cuộc bầu cử, Tổng thư kí Liên hợp quốc phải gửi thư tới các quốc gia thành viên mời họ gửi danh sách đề cử của nước mình trong vòng 2 tháng. Sau đó, Tổng thư kí phải chuẩn bị một danh sách theo thứ tự vần chữ cái tất cả những người được đề cử, nêu rõ những quốc gia thành viên đã đề cử phải gửi danh sách này tới các quốc gia thành viên Công ước này.

4. Các cuộc bầu cử phải được tổ chức tại các phiên họp của những quốc gia thành viên do Tổng thư kí triệu tập tại trụ sở Liên Hợp Quốc. Tại các phiên họp này, trong đó số đại biểu quy định phải là hai phần ba số các quốc gia thành viên và những người được bầu vào Ủy ban phải là những người được số phiếu cao nhất và một số tuyệt đối số phiếu của các đại diện quốc gia thành viên có mặt và bỏ phiếu.

5. Các thành viên của Ủy ban phải được bầu theo nhiệm kì 4 năm. Họ phải có quyền tranh cử lại nếu như được đề cử lại. Nhiệm kì của 5 trong số những thành viên được bầu ở cuộc bầu cử đầu tiên

phải kết thúc sau 2 năm. Ngay sau cuộc bầu cử đầu tiên, tên của 5 thành viên này phải được chọn bằng rút thăm do Chủ tịch phiên họp tiến hành.

6. Nếu một thành viên của Ủy ban chết hoặc từ chức hay tuyên bố rằng vì bất kì một lí do nào khác mà không thể đảm nhiệm công việc Ủy ban, quốc gia thành viên đó sẽ bổ nhiệm một chuyên gia khác là công dân nước mình làm việc trong thời gian còn lại của nhiệm kì, với sự chấp thuận của Ủy ban.

7. Ủy ban phải đề ra các quy tắc thủ tục riêng.

8. Ủy ban phải bầu ra các quan chức của mình cho một nhiệm kì 2 năm.

9. Thông thường, các phiên họp của Ủy ban phải được tổ chức tại trụ sở của Liên hợp quốc hay ở bất kì nơi nào thuận tiện do Ủy ban quyết định. Thường thì Ủy ban phải họp hàng năm. Thời gian các phiên họp của Ủy ban phải do một phiên họp của các quốc gia thành viên quyết định và xét lại nếu cần thiết, và phải được sự chấp nhận của Đại hội đồng.

10. Tổng thư kí Liên hợp quốc phải cung cấp nhân sự và phương tiện cần thiết cho việc thực hiện có hiệu quả các chức năng của Ủy ban theo Công ước này.

11. Với sự chấp nhận của Đại hội đồng, các thành viên của Ủy ban được thành lập theo Công ước này phải được nhận thù lao của Liên hợp quốc theo những quy định và điều kiện như Đại hội đồng có thể quyết định.

**Điều 44:**

1. Các quốc gia thành viên cam kết trình cho Ủy ban thông qua Tổng thư ký Liên hợp quốc các báo cáo về những biện pháp mà họ đã thông qua nhằm mang lại hiệu quả cho những quyền được thừa nhận trong Công ước này và về tiến bộ đạt được trong việc hưởng các quyền này.

(a) Trong vòng 2 năm kể từ khi Công ước có hiệu lực đối với quốc gia thành viên liên quan;

(b) Sau đó cứ 5 năm một lần.

2. Các báo cáo theo khoản này phải nêu ra những nhân tố và các khó khăn, nếu có ảnh hưởng đến mức độ thực hiện những nghĩa vụ nêu trong Công ước này. Các báo cáo cũng phải cung cấp đầy đủ thông tin để Ủy ban có thể hiểu biết toàn diện về tình hình thực hiện Công ước ở nước có liên quan.

3. Một quốc gia thành viên mà đã nộp báo cáo tổng hợp đầu tiên với Ủy ban không cần nhắc lại trong các báo cáo tiếp sau mà họ sẽ nộp theo đoạn 1(b) những thông tin cơ bản đã cung cấp trước đó.

4. Ủy ban có thể yêu cầu các quốc gia thành viên cung cấp thêm những thông tin có liên quan đến việc thực hiện Công ước.

5. Ủy ban phải nộp báo cáo về những hoạt động của mình tới Đại hội đồng Liên hợp quốc hai năm một lần, thông qua Hội đồng Kinh tế-Xã hội.

6. Các quốc gia thành viên phải công bố rộng rãi những báo cáo của họ cho công chúng nước họ.

**Điều 45:**

Để thúc đẩy việc thực hiện có hiệu quả Công ước và khuyến

khích hợp tác quốc tế trong lĩnh vực mà Công ước đã đề cập:

(a) Các cơ quan chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và những tổ chức của Liên hợp quốc có quyền có đại diện trong các buổi xem xét việc thực hiện những điều khoản của Công ước này thuộc phạm vi chức trách. Ủy ban có thể mời các cơ quan chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và những cơ quan có thẩm quyền khác mà Ủy ban có thể coi là thích hợp làm cố vấn chuyên môn về thực hiện Công ước trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức trách của những cơ quan này. Ủy ban có thể đề nghị các cơ quan chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và những tổ chức khác của Liên hợp quốc nộp các báo cáo về việc thực hiện Công ước trong những lĩnh vực thuộc phạm vi hoạt động của họ;

(b) Ủy ban phải chuyển, nếu xét thấy thích hợp tới các cơ quan chuyên môn, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và những cơ quan có thẩm quyền khác bất kỳ báo cáo của các quốc gia thành viên mà có đề nghị hoặc có nhu cầu tư vấn hay giúp đỡ kỹ thuật, cùng với những nhận xét và gợi ý của Ủy ban nếu có về những đề nghị hay mong muốn đó;

(c) Ủy ban có thể khuyến nghị Đại hội đồng đề nghị Tổng Thư ký thay mặt mình tiến hành các nghiên cứu về những vấn đề cụ thể liên quan tới quyền trẻ em;

(d) Ủy ban có thể nêu những gợi ý và khuyến nghị chung dựa trên các thông tin nhận được theo các điều 44 và 45 của Công ước này. Những gợi ý và khuyến nghị chung này sẽ được chuyển tới bất kỳ quốc gia thành viên nào có liên quan và sẽ được báo cáo với Đại hội đồng, cùng với các nhận xét nếu có của những quốc gia thành viên.

### PHẦN III

#### **Điều 46:**

*Công ước này phải để ngỏ cho tất cả các quốc gia kí.*

#### **Điều 47:**

*Công ước này phải được phê chuẩn. Các văn kiện phê chuẩn phải được Tổng thư kí Liên hợp quốc lưu chiếu.*

#### **Điều 48:**

Công ước này phải để ngỏ cho bất kì quốc gia nào gia nhập. Các văn kiện gia nhập do Tổng thư kí Liên hợp quốc lưu chiếu.

#### **Điều 49:**

1. Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 30 kể từ ngày Tổng thư kí Liên hợp quốc nhận được văn kiện phê chuẩn hay gia nhập thứ 20.

2. Đối với mỗi quốc gia phê chuẩn hay gia nhập Công ước sau khi văn kiện phê chuẩn hay gia nhập thứ 20 được gửi cho Tổng thư kí Liên hợp quốc lưu chiếu, Công ước sẽ có hiệu lực từ ngày thứ 30 kể từ ngày quốc gia đó gửi văn kiện phê chuẩn hay gia nhập đến Liên hợp quốc.

#### **Điều 50:**

1. Bất kì quốc gia thành viên nào đều có quyền đề nghị sửa đổi và đề trình đề nghị này cho Tổng thư kí Liên hợp quốc. Ngay sau đó, Tổng thư kí phải thông báo những đề nghị sửa đổi cho các quốc gia thành viên, đồng thời đề nghị cho biết có tán thành hay

không việc tổ chức một hội nghị giữa những quốc gia thành viên để xem xét và biểu quyết về các đề nghị đó. Nếu trong vòng 4 tháng kể từ ngày thông báo, có ít nhất một phần ba số các quốc gia thành viên tán thành một hội nghị như vậy thì Tổng thư kí phải triệu tập hội nghị này dưới sự bảo trợ của Liên hợp quốc. Bất kì một sửa đổi nào được chấp nhận bởi đa số các quốc gia thành viên có mặt và biểu quyết tại hội nghị phải được đệ trình để Đại hội đồng chấp thuận.

2. Mỗi sửa đổi bổ sung được thông qua theo đoạn 1 của điều này sẽ có hiệu lực khi được Đại hội đồng Liên hợp quốc chấp nhận và được đa số 2/3 các quốc gia thành viên chấp nhận.

3. Khi một sửa đổi có hiệu lực, Công ước phải có hiệu lực ràng buộc với những quốc gia thành viên đã chấp nhận nó, còn các quốc gia thành viên khác vẫn bị ràng buộc bởi những điều khoản của Công ước này và mọi sửa đổi bổ sung trước đó mà họ đã chấp nhận.

#### **Điều 51:**

1. Tổng thư kí Liên hợp quốc phải nhận và cho lưu hành tới tất cả các quốc gia văn bản bảo lưu của các quốc gia khi phê chuẩn hay gia nhập.

2. Điều bảo lưu không phù hợp với đối tượng và mục đích của Công ước này sẽ không được chấp nhận.

3. Có thể rút những điều bảo lưu vào bất cứ lúc nào bằng một thông báo gửi tới Tổng thư kí Liên hợp quốc, sau đó Tổng thư kí phải thông báo cho tất cả các quốc gia. Thông báo rút lui này sẽ có hiệu lực từ ngày Tổng thư kí nhận được.

#### **Điều 52:**

Một quốc gia thành viên có thể tuyên bố rút khỏi Công ước này bằng một thông báo bằng văn bản gửi đến Tổng thư kí Liên hợp



quốc. Tuyên bố rút khỏi Công ước sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ khi Tổng thư kí nhận được thông báo.

#### **Điều 53:**

Tổng thư kí Liên hợp quốc được chỉ định làm người lưu chiếu Công ước này.

#### **Điều 54:**

Nguyên bản của Công ước này, bằng các thứ tiếng Ả Rập, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nga, Tây Ban Nha đều có giá trị chính thức như nhau sẽ do Tổng thư kí Liên hợp quốc lưu chiếu.

Để làm bằng, các đại diện có đủ thẩm quyền có tên dưới đây được phép đã kí vào văn bản Công ước này.

### **CÔNG ƯỚC CHỐNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ TRONG GIÁO DỤC**

*Được Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc thông qua ngày 14 tháng 12 năm 1960*

Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc, trong phiên họp lần thứ 11 từ ngày 14 tháng 11 năm 1960 đến ngày 14 tháng 12 năm 1960 tại Paris,

Nhắc lại rằng, bản Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền khẳng định nguyên tắc không phân biệt đối xử và chỉ ra rằng mọi người đều có quyền được giáo dục,

Xét thấy rằng việc phân biệt đối xử trong giáo dục là vi phạm

những quyền được nêu trong bản Tuyên ngôn đó,

Xét thấy rằng theo những điều khoản Hiến pháp của mình, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc có mục đích xác lập sự cộng tác giữa các nước nhằm thúc đẩy sự tôn trọng nhân quyền và bình đẳng trong cơ hội giáo dục cho mọi người,

Do đó, nhận thấy rằng, trong khi vẫn tôn trọng tính đa dạng của hệ thống giáo dục của các quốc gia, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc không chỉ có nhiệm vụ loại bỏ bất cứ hình thức phân biệt đối xử nào trong giáo dục mà còn có trách nhiệm thúc đẩy sự bình đẳng về cơ hội cho mọi người trong giáo dục,

Trước những kiến nghị liên quan đến các khía cạnh khác nhau của sự phân biệt đối xử trong giáo dục, đã xây dựng điều khoản 17.1.4 của chương trình nghị sự phiên họp này,

Đã quyết định tại phiên họp lần thứ 10 rằng vấn đề này cần phải được quy định thành chủ đề của một công ước quốc tế cũng như là của các khuyến nghị cho quốc gia thành viên,

Thông qua Công ước này vào ngày 14 tháng 12 năm 1960.

#### **Điều 1:**

1. Với mục đích của Công ước này, thuật ngữ “phân biệt đối xử” bao gồm mọi sự phân biệt, loại trừ, hạn chế hoặc thiên vị dựa trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, điều kiện kinh tế hay dòng dõi, có mục đích hoặc tác dụng làm tổn hại hay vô hiệu hoá sự bình đẳng về đối xử trong giáo dục, cụ thể là:

(a) Tước bỏ quyền tiếp cận với mọi hình thức giáo dục và mọi cấp giáo dục của bất cứ người nào hay nhóm người nào;

(b) Kìm hãm bất cứ người nào hay nhóm người nào trong tiêu chuẩn giáo dục thấp kém;

(c) Tùy theo những mục trong Điều 2 của Công ước này, thiết lập hoặc duy trì những hệ thống hay cơ sở giáo dục riêng rẽ cho những người hay nhóm người khác nhau; hoặc

(d) Bất bất cứ người hay nhóm người nào phải chịu những điều kiện không tương xứng với phẩm giá con người.

2. Với mục đích của Công ước này, thuật ngữ “Giáo dục” nói về mọi hình thức hay cấp độ giáo dục và bao gồm cả sự tiếp cận với giáo dục, tiêu chuẩn, chất lượng giáo dục và những điều kiện mà giáo dục được thực hiện.

### **Điều 2:**

Khi được thừa nhận trong một quốc gia, những trường hợp dưới đây sẽ không bị coi là phân biệt đối xử, trong khuôn khổ ý nghĩa của điều khoản 1 Công ước này:

(a) Sự thiết lập hay duy trì các hệ thống hoặc cơ sở giáo dục riêng cho học sinh của hai giới, nếu các hệ thống hoặc tổ chức này cung cấp sự tiếp cận tương đương với giáo dục, cung cấp đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn tương đương cũng như cung cấp hệ thống thiết bị giáo dục và cơ sở vật chất trường học có cùng chất lượng và tạo cơ hội theo những khoá học giống hoặc tương đương;

(b) Sự thiết lập hay duy trì, do những lí do tôn giáo và ngôn ngữ, các hệ thống hoặc cơ sở giáo dục riêng để thực hiện giáo dục thể theo nguyện vọng của của cha mẹ hoặc người đỡ đầu hợp pháp của học sinh, nếu việc tham gia vào những hệ thống hoặc cơ sở này là không bắt buộc và nếu việc giáo dục này tuân theo những tiêu chuẩn được đặt ra hoặc phê chuẩn bởi các nhà chức trách có thẩm quyền, đặc biệt là đối với giáo dục trong cùng cấp;

(c) Sự thiết lập hay duy trì những cơ sở giáo dục tư nhân, nếu mục đích của các cơ sở này không phải để hạn chế bất cứ nhóm

người nào mà là để cung cấp thêm những phương tiện giáo dục so với những thứ đã được chính quyền cung cấp, nếu những cơ sở này hoạt động theo đúng những mục đích trên và nếu các cơ sở giáo dục này tuân theo những tiêu chuẩn được đặt ra hoặc phê chuẩn bởi các nhà chức trách có thẩm quyền, đặc biệt là đối với giáo dục trong cùng cấp.

### **Điều 3:**

Nhằm loại bỏ và ngăn ngừa sự phân biệt đối xử trong khuôn khổ ý nghĩa của Công ước này, các quốc gia thành viên do đó cam kết:

(a) Xoá bỏ bất cứ quy định hợp pháp, chỉ thị hành chính hay tập quán nào liên quan đến sự phân biệt đối xử trong giáo dục;

(b) Bảo đảm bằng luật pháp khi cần thiết rằng không có sự phân biệt đối xử trong việc tuyển sinh vào các cơ sở giáo dục;

(c) Không cho phép có sự phân biệt đối xử của chính phủ với các dân tộc khác nhau trừ trường hợp dựa trên công trạng hay nhu cầu, về các vấn đề học phí, học bổng hoặc những hình thức trợ giúp khác cho học sinh cũng như việc cấp giấy phép hay phương tiện cần thiết khác cho học sinh theo việc học ở nước ngoài;

(d) Không cho phép, dưới bất cứ hình thức trợ giúp của chính phủ đối với các cơ sở giáo dục, bất cứ hạn chế hay thiên vị nào chỉ dựa vào lí do rằng học sinh thuộc về một dân tộc nào đó;

(e) Cho phép cư dân ngoại quốc cư trú trong phạm vi lãnh thổ của mình có điều kiện tiếp cận với giáo dục giống như điều kiện dành cho những người trong chính nước họ;

### **Điều 4:**

Ngoài ra, các quốc gia thành viên Công ước này, bằng các phương pháp thích hợp với hoàn cảnh và tập quán của mình, cam kết

xây dựng, phát triển và áp dụng các chính sách quốc gia có xu hướng tăng cường sự bình đẳng về cơ hội và đối xử trong giáo dục, cụ thể là:

(a) Quy định giáo dục tiểu học là miễn phí và bắt buộc, quy định giáo dục trung học dưới các hình thức khác nhau phải luôn sẵn dụng và dễ tiếp cận với mọi người, quy định mọi người được tiếp cận một cách bình đẳng với giáo dục đại học dựa trên năng lực cá nhân; bảo đảm mọi người tuân thủ luật lệ khi nhập học theo quy định của pháp luật;

(b) Đảm bảo rằng các tiêu chuẩn giáo dục như nhau giữa các cơ sở giáo dục công lập cùng cấp và rằng các điều kiện liên quan đến chất lượng giáo dục cũng tương đương;

(c) Bằng các phương pháp thích hợp, khuyến khích và tăng cường giáo dục những người chưa học tiểu học hoặc những người chưa hoàn thành giáo dục tiểu học toàn cấp và việc tiếp tục học tập của họ dựa trên năng lực của từng cá nhân;

(d) Không có phân biệt trong công tác đào tạo nghề dạy học.

## **Điều 5:**

1. Các quốc gia thành viên Công ước này nhất trí rằng:

(a) Giáo dục là hướng tới sự phát triển đầy đủ nhân cách con người và tăng cường tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do cơ bản của họ; giáo dục sẽ thúc đẩy sự hiểu biết, khoan dung và tình bằng hữu giữa tất cả các dân tộc, các nhóm chủng tộc hoặc nhóm tôn giáo, nó sẽ đồng thời thúc đẩy hoạt động duy trì hoà bình của Liên hợp quốc;

(b) Cần tôn trọng quyền tự do của cha mẹ, và ở những nơi có thể áp dụng được, là quyền của những người đỡ đầu hợp pháp của học sinh, trước hết trong việc chọn cho con em mình những trường

tuy khác với những trường công lập nhưng vẫn đáp ứng đủ tiêu chuẩn giáo dục tối thiểu được đề ra và thông qua bởi các nhà chức trách có thẩm quyền, và sau nữa, theo quy định và luật pháp của Nhà nước, đảm bảo giáo dục tôn giáo và đạo đức cho con em mình phù hợp với nguyện vọng và niềm tin của chính chúng; và đảm bảo không một cá nhân hay nhóm người nào bị giáo dục tôn giáo trái với niềm tin của mình;

(c) Cần phải công nhận quyền được tham gia những hoạt động giáo dục của những người dân tộc thiểu số, kể cả việc xây dựng trường học và sử dụng hay giảng dạy ngôn ngữ của họ tùy theo chính sách giáo dục của từng nước, tuy nhiên với điều kiện:

(i) Việc thực hiện quyền này không được cản trở những người dân tộc thiểu số đó hiểu văn hoá và ngôn ngữ của cộng đồng nói chung hay tham gia vào các hoạt động của cộng đồng dân tộc nói chung hoặc việc thực hiện quyền này không làm tổn hại đến chủ quyền quốc gia;

(ii) Những tiêu chuẩn của hệ thống giáo dục này không được thấp hơn những tiêu chuẩn chung được các nhà chức trách có thẩm quyền xây dựng và phê chuẩn;

(iii) Việc theo học ở các trường này là mang tính tự chọn.

2. Các quốc gia thành viên Công ước này cam kết thực hiện mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo việc áp dụng các nguyên tắc đã ghi trong đoạn 1 của Điều này.

## **Điều 6:**

Khi Công ước này được áp dụng, các quốc gia thành viên phải cam kết hết sức chú ý đến bất cứ khuyến nghị nào sau này được Đại

hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc thông qua về những biện pháp mà các quốc gia sẽ phải thực hiện nhằm chống lại mọi hình thức phân biệt đối xử trong giáo dục với mục đích đảm bảo sự bình đẳng về cơ hội và sự đối xử trong giáo dục.

#### **Điều 7:**

Các quốc gia tham gia Công ước này, vào những ngày và theo cách mà Đại hội đồng quy định, phải đệ trình lên Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc, các báo cáo thường kỳ về những quy định hành chính và pháp lí mà họ thông qua cũng như những hoạt động mà họ đã tiến hành khi áp dụng Công ước này, kể cả việc xây dựng và phát triển những chính sách quốc gia được quy định trong Điều 4 cũng như những thành quả đạt được và khó khăn cần khắc phục khi áp dụng những chính sách đó.

#### **Điều 8:**

Bất cứ tranh cãi nào giữa hai hay nhiều quốc gia thành viên liên quan đến việc luận giải hay áp dụng Công ước này mà không thể thương lượng hay hoà giải bằng các biện pháp khác sẽ, theo yêu cầu của các bên, chịu sự phán xử của Tòa án công lý quốc tế.

#### **Điều 9:**

Mọi sự bảo lưu đối với Công ước này đều không được chấp nhận.

#### **Điều 10:**

Công ước này không làm giảm giá trị những quyền mà các cá nhân hay nhóm người đang được hưởng theo quy định của các hiệp định đã đạt được giữa hai hay nhiều quốc gia, khi các quyền đó không đi ngược lại câu chữ **hoặc tinh thần Công ước này**.

#### **Điều 11:**

Công ước này được thảo thành các văn bản Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nga và Tiếng Tây Ban Nha, và bốn văn bản này đều có giá trị như nhau.

#### **Điều 12:**

1. Công ước này phải được phê chuẩn hay thông qua bởi các quốc gia thành viên Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc theo các thủ tục hiến pháp của từng thành viên.

2. Các văn kiện phê chuẩn hoặc chấp thuận sẽ được nộp lưu chiếu cho Tổng giám đốc của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc.

#### **Điều 13:**

1. Công ước này được đề ngỏ cho tất cả các quốc gia không phải là thành viên của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc nhưng được Uỷ ban hành pháp của tổ chức này mời tham gia.

2. Việc gia nhập công ước sẽ có hiệu lực khi văn kiện gia nhập được nộp cho Tổng giám đốc của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc.

#### **Điều 14 :**

Công ước này sẽ có hiệu lực trong vòng 3 tháng kể từ ngày văn kiện thứ ba về việc phê chuẩn, chấp thuận hay gia nhập được nộp, nhưng chỉ đối với những quốc gia nộp những văn kiện pháp lí của họ vào ngày này hoặc trước đó. Nó cũng sẽ có hiệu lực đối với bất cứ quốc gia nào khác sau 3 tháng kể từ khi các nước này nộp văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc gia nhập của mình.

**Điều 15:**

Các quốc gia tham gia Công ước đều công nhận rằng Công ước này được áp dụng không những trong lãnh thổ chính quốc mà còn đối với tất cả các lãnh thổ không tự quản, uỷ thác, thuộc địa hoặc các lãnh thổ khác thuộc trách nhiệm của các nước đó theo quan hệ quốc tế. Họ cam kết trong trường hợp cần thiết sẽ tham mưu với chính phủ hoặc các nhà chức trách có thẩm quyền của những vùng lãnh thổ này, trong hoặc trước khi phê chuẩn, chấp thuận hay gia nhập công ước, nhằm đảm bảo công ước được áp dụng ở những vùng lãnh thổ đó, và thông báo cho Tổng giám đốc của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc về các lãnh thổ mà công ước này được áp dụng của từng vùng, thông báo này sẽ có hiệu lực trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận.

**Điều 16:**

1. Mỗi quốc gia tham gia Công ước có thể bãi ước thay mặt đất nước mình hoặc thay mặt bất cứ vùng lãnh thổ thuộc trách nhiệm của mình theo quan hệ quốc tế.

2. Việc bãi ước này sẽ được thông báo bằng một văn bản gửi cho Tổng giám đốc của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc.

3. Việc bãi ước sẽ có hiệu lực sau 12 tháng kể từ ngày nhận được văn bản bãi ước.

**Điều 17:**

Tổng giám đốc của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc sẽ thông báo tới các quốc gia thành viên và cả những quốc gia không phải là thành viên (theo điều 13), cũng như tới Liên hợp quốc, về việc nộp lưu chiểu các văn kiện phê chuẩn, chấp thuận

và gia nhập (theo điều 12 và 13) và các thông báo, bãi ước (theo điều 15, 16).

**Điều 18:**

1. Công ước này có thể được Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc sửa đổi. Tuy nhiên, bất kỳ một sự sửa đổi nào như vậy cũng sẽ chỉ ràng buộc các quốc gia mà sẽ trở thành thành viên của công ước được sửa đổi.

2. Nếu Đại hội đồng thông qua một công ước mới sửa đổi từng phần hay toàn bộ công ước này, khi đó, trừ phi công ước mới có quy định khác, công ước này sẽ ngừng việc phê chuẩn, chấp thuận hay gia nhập từ ngày công ước mới sửa đổi có hiệu lực.

**Điều 19:**

Theo điều 102 của Hiến chương Liên hợp quốc, công ước này phải được đăng ký với Ban thư ký Liên hợp quốc theo yêu cầu của Tổng giám đốc của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc.

Được làm tại Paris, ngày 15 tháng 12 năm 1960, hai bản sao có chữ ký chủ tịch phiên họp thứ 11 của Đại hội đồng và của Tổng giám đốc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc sẽ được nộp cho kho lưu trữ của tổ chức này, và các bản sao có chứng thực khác sẽ được gửi tới các quốc gia theo điều 12 và 13 trên và tới Liên hợp quốc.

Những điều trên của Công ước này đã được Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc chính thức thông qua trong phiên họp thứ 11 tại Paris vào ngày 15 tháng 12 năm 1960.

Với cam kết của mình, chúng tôi đã ký vào Công ước này vào ngày 15 tháng 12 năm 1960.



#### **\*PHỤ LỤC 1**

**Danh sách đại biểu dự hội thảo  
Đông Nam Á về viết sách hướng  
dẫn giảng dạy nhân quyền**

#### **\*PHỤ LỤC 2**

**Các thành viên trong Nhóm  
đánh giá và biên tập khu vực  
các giáo án về nhân quyền cho  
các trường phổ thông Đông  
Nam Á**

## **Appendix 1**

**Southeast Asian Writing Workshop  
on Developing Human Rights Teaching Guides  
Manila, Philippines, June 19-27,2001**

### **LIST OF PARTICIPANTS**

#### **Vietnam**

- 1. Dr. Nguyen Duc Quang** -Secretary  
International Education Project  
Head of Educational Activities  
National Institute of Educational Science
- 2. Dr. Nguyen Thanh Hoan** -Head  
Comparative Education Department  
National Institute of Educational Science
- 3. (Mrs.) Dr. Luu Thu Thuy** -Vice Director  
Moral and Civic Education Centre  
National Institute of Educational Science
- 4. Mrs. Ngo Tu Hien** - Researcher  
National Institute of Educational Science  
101 Tran Hung Dao Street, Hanoi, Vietnam  
tel: (844) 942-3893 fax: (844) 822-1521  
e-mail: Pham Kim Phuong <dinhphuong@bdvn.vnd.net>  
Hien Ngo Tu <ngotuhien@hotmail.com>

#### **Indonesia**

- 1. Ms. Dewi Kuntari** -Teacher  
Cianjur Primary School  
Jl. Siliwangi No.5, Cianjur, Indonesia  
tel: (62263) 261-220

- 2. Mr. Yoseph Lewar** -Teacher  
Frater Junior High School  
Jalan Jenderal Sahmad Yani No. 50  
85225 Kupang, West Timor, Indonesia  
tel: (62380) 832-214 fax: (62380) 821-954 ..  
e-mail: Yoseph Lewar [lamalewa@yahoo.com](mailto:lamalewa@yahoo.com)

- 3. Mr. Daniel Frans Bessie** -Lecturer of Moral Education  
Faculty of Teacher Training and Education  
Nusa Cendana State University  
JI Soeharto No. 72, Kupang, West Timor, Indonesia  
tel: (62380) 822-515 fax: (62380) 821-954

- 4. Ms. Noor Indrastuti** -Curriculum Developer  
Curriculum Centre of BALITBANG  
Department of National Education  
Pusat Kurikulum, Jl. Gunung Sahari Raya No.4,  
Senen, Jakarta Pusat  
tel: (6221) 380-4248 ext. 257; 846-7850 fax: (6221) 350-8084  
e-mail: Noor Indrastuti <nindrast@netscape.net>

#### **Cambodia**

- 1. Ms. Chin Yahan** -Member of Curriculum Committee and  
Team Leader of Writer Group  
Department of Pedagogical Research and Curriculum Building  
Ministry of Education, Youth and Sports,  
# 185, Norodom Blvd, Phnom Penh, Cambodia  
tel: (85523) 211-409 fax: (85523) 210-369  
e-mail: <prd@camnet.com.kh>
- 2. Ms. Ly Kheng** -Trainer  
Regional Teacher Training Center of Kampong Cham, Village 6,  
Veal Vong commune, Kampong Cham district,  
Kampong Cham province, Cambodia

### **3. Mr. Yi Dara -Child Rights Officer**

Save the Children Australia -Cambodia Project  
# 30, st. 9 (p.O. Box 52), Tonle Bassac,  
Chamcak Mon, Phnom Penh, Cambodia  
tel: (85523) 214-334; 363-433, fax: (85523) 360 381  
e-mail: <scacro@bigpond.com.kh>

### **4. Mr. Pheng Horn -Staff**

Education Department  
The Cambodian League for the Promotion and Defense of  
Human Rights (LICADHO)  
B.P. 499, No. 103, Street # 97, Phnom Penh, Cambodia  
tel: (85523) 360-965 fax: (85523) 360-965; 346-901  
e-mail: [licadho@camnet.com.kh](mailto:licadho@camnet.com.kh)

## **Thailand**

### **1. Ms. Siriporn Nuanyong -Teacher**

Pakkred Secondary School  
101/111 Changwattana Rd., Pakkred  
Nonthaburi 11120 Thailand  
tel: (662) 960-6026, (662) 960-6038 fax: (662) 5830686  
e-mail: <siriporn@pk.ac.th>

### **2. Mr. Charnvit Taratiphyakul '**

IBangkapiSchool  
69 Serithai Rd., Bangkapi, Bangkok 10240, Thailand I  
tel: (662) 377-5870, (662) 375-7325 (school)  
(662) 375-6017 (home) fax: (662) 3770312  
e-mail: Mr. Chanvit Taratiphyakul <mr\_chanvitt@hotmail.com>

### **3. Ms. Chitima Booncum**

Mater Dei School  
534 Ploenchit Road, Bangkok 10330, Thailand  
tel: (662) 252-6316; 254-9724 to 26 fax (662) 253-9785; 255-3023

### **4. Ms. Gedganda Kongtawelert**

Mont Fort School  
118/2 Moo 5 Orm-Muang Road  
Muang District, Chiangmai 50000, Thailand  
tel: (6653) 274-642 fax: (6653) 274-640  
e-mail: <gedganda@montfort.ac.th>

### **5. Ms. Preeyanoot Surinkaew**

Mont Fort School  
118/2 Moo 5 Orm-muang Rd.  
Muang District, Chiangmai 50000, Thailand  
tel: (6653) 274-642 fax: (6653) 274-640  
e-mail: <metta@operamail.com>

## **Malaysia**

### **1. Dr. Yeah Seng Guan**

Sunway College  
5 Jalan Kolej, Bandar Sunway 46150, Petaling Jaya, Malaysia  
fax: (603) 735-8633  
e-mail: <yeohsg@hotmail.com>

### **2. Mr. S. Arutchelvan**

Suara Rakyat Malaysia (SUARAM)  
383, 1st Floor, Jalan 5/59, Petaling Gardens  
46000 Petaling Jaya, Selangor, Malaysia  
tel: (603) 7784-3525 fax: (603) 7784-3526  
e-mail: <suaram@geocities.com>; <parti\_sosialis@hotmail.com>  
website: [www.suaram.org](http://www.suaram.org)

### **3. Mr. Simon AIL Karunagaram ~"...~!f!"ifc~,;t.~;**

ERA Consumer  
No. 24, Jalan SS1/22A,  
47300 Petaling Jaya, Malaysia



tel: (603) 7877-4741 fax: (603) 7873-0636  
e-mail: <erahrs@po.jaring.my>  
(note: Mr. Karunagaram transferred to the Human Rights  
Commission of  
Malaysia after the writeshop.)

## **Philippines**

### **1. Ms. Arlene Mangaser**

Teacher 1  
Southern Support Command Elementary School  
Zamboanga city, Philippines  
tel: (6362) 991-316

### **2. Ms. Nancy Castillo**

Secondary School Teacher II  
Zamboanga National High School -Main  
T etuan, Zamboanga city, Philippines  
tel: (6362) 991-0805; 993-1354

### **3. Ms. Elizabeth P. Vistro**

Secondary School Master Teacher  
Turac National High School  
San Carlos city, Pangasinan, Philippines  
tel: (6375) 532-2611

### **4. Ms. Rebecca P. Lacanlale**

Secondary School Master Teacher  
Commonwealth High School  
Eco Street, Commonwealth, Quezon city  
Metro Manila, Philippines  
tel: (632) 932-9223

## **LIST OF RESOURCE PERSONS AND FACILITATORS**

### **1. Dr. Valai na Pombejr**

Adviser  
Asia-Pacific Network for International Education and Values  
Education  
(APNIEVE)  
c/o UNESCO Principal Regional Office for Asia and the Pacific  
920 Sukhumvit Road  
P.O. Box 967, Prakanong Post Office, Bangkok 10110,  
Thailand~  
tel: (662) 391-0577; 391-0703 fax (662) 391-0866  
e-mail: Supimol VIJARNPOL <v.supimol@Unescobkk.org>

### **2. Dr. Fe Hidalgo**

Undersecretary  
Department of Education, Culture and Sports  
University of Life Complex (ULTRA)  
Meralco Avenue, Pasig city, Metro Manila, Philippines  
tel: (632) 633-7202 fax (632) 636-4879  
e-mail: <hidalgo@i-next.net>  
(note: Dr. Hidalgo was still the Asst. Secretary of DECS during  
the writeshop)

### **3. Dr. Ma. Serena Diokno**

Editor I  
The Southeast Asian Studies Bulletin  
Southeast Asian Studies Regional Exchange Program Council,  
Manila Secretariat  
Unit E La Milagrosa Townhouse, 10 Valley View Street, Alta  
Vista,  
Loyola Heights, Quezon city, Metro Manila, Philippines  
tel:/fax: (632) 437-3859 "  
e-mai.l.: <seasrep@cssp.upd.edu.ph>

**4. Dr. Sirilus Belen**

Technical Staff  
Centre of Curriculum and Educational Facilities Development  
Office  
Educational and Cultural Research and Development  
Ministry of Education and Culture c  
Jalan Gunung Sahari Raya No.4, Jakarta, Indonesia , "lt  
tel: (6221) 380-4248 fax: (6221) 350-8084 '  
e-mail: <tweetyepe@astaga.com> -:'~; t

**5. Mr. Jefferson R. Plantilla ,Đ,**

Chief Researcher "  
HURIGHTS OSAKA i  
1-2-1500 Benten 1-chome, Minato-ku, Osaka 552-(XXJ7, Japan i  
tel: (~16) 657!-3578 ..fax: (816) 6577-3583  
e-mail: <Jeff@hunghts.or.Jp>

**6. Mr. Sarawut Pratoomraj**

Coordinating Committee of Human Rights Organizations of  
Thailand  
109 Shuthisanwinijchai, Samsen-Nok,  
Huaykwang, Bangkok 10310, Thailand  
tel: (662) 275-4231 (exl 2),693-4683 fax: (662) 693-4683  
e-mail: <cchrot@ksc15.th.com>;  
Sarawut Pratoomraj <tutud@hotmail.com>

**7. Ms. Felice Yeban**

Professor  
Peace and World Order Studies Unit  
Philippines Normal University  
Manila, Philippines  
tel: (632) 527-0366  
e-mail: <yeban@compass.com.ph>

**8. Ms. Ana Elzy E. Ofreneo**

Director  
Education, Research Training Office  
Commission on Human Rights  
U.P. Diliman, Quezon City 1101, Philippines  
tel:/fax: (632) 928-4471  
e-mail: <ofreneo@compass.com.ph>

**9. Dr. Corazon Echano**

Assistant Chief  
Curriculum Development Division  
Bureau of Secondary Education  
Department of Education, Culture and Sports  
University of Life Complex (ULTRA)  
Meralco Avenue, Pasig city, Metro Manila, Philippines  
tel:/fax: (632) 632-1361 exl 2064

**10. Dr. Lydia A. Agno**

Professor  
College of Education  
University of the Philippines  
Diliman, Quezon city, Metro Manila, Philippines

**11. Mr. Noel Miranda**

Education Program Specialist II  
Bureau of Secondary Education  
Department of Education, Culture and Sports  
University of Life Complex (ULTRA)  
Meralco Avenue, Pasig city, Metro Manila, Philippines  
tel:/fax: (632) 632-1361 exl 2052

**12. Mr. Jan Banquicio**

Director  
National Educators Academy of the Philippines (NE~)  
Department of Education, Culture and Sports I  
University of Life Complex (ULTRA)  
Meralco Avenue, Pasig city, Metro Manila, Philippines  
tel:/fax: (632) 633-7237

## ORGANIZING COMMITTEE MEMBERS

Judge Aurora P. Navarette-Recina -Chairperson

Ms. Ana Elzy E. Ofreneo

Ms. Susan Nuguid

Commission on Human Rights

State Accounting and Auditing Center

University of the Philippines Complex

Commonwealth Avenue, Dillman,

Quezon city, Metro Manila, Philippines

tel: (632) 929-0102; 927-6225; 928-5655

fax: (632) 928-8610; (632) 929-0102

e-mail: <apnr@chr.gov.ph>

Dr. Fe Hidalgo -Undersecretary

Ms. Zaida T. Azcueta

Ms. Nerissa L. Losaria

Department of Education, Culture and Sports

University of Life Complex (ULTRA)

Meralco Avenue, Pasig city, Metro Manila, Philippines!

tel: (632) 633-7237 fax: (632) 633 7237

Prof. Yoshio Kawashima -Director

Mr. Jefferson R. Plantilla

Asia-Pacific Human Rights Information Center

15, 2-1-1500, Benten, 1-chome, Minato-ku,

Osaka, 552-0007 Japan

tel: (816) 6577-3578 fax: (816) 6577-3583

e-mail: <webmail@hurights.or.jp>

website: [www.hurights.or.jp](http://www.hurights.or.jp)

## Appendix 2

Regional Review Team Meeting on Publication

of Human Rights Lesson Plans for Southeast Asian Schools

### MEMBERS OF THE REGIONAL REVIEW TEAM

#### 1. Dr. Nguyen Thanh Hoan

Expert

Department of Comparative Education

National Institute of Educational Science

Ministry of Education and Training

101 Tran Hung Dao Street, Hanoi, Vietnam

tel: (844) 942-3893 fax: (844) 822-1521

e-mail: <dinhpuong@bvn.vnd.net>; <hhoan1212@yahoo.com>

#### 2. Ms. Chin Yahan

Head, Social Study Section

Department of Pedagogic Research

Ministry of Education, Youth and Sports,

# 185, Norodom Blvd, Phnom Penh, Cambodia

tel: (85523) 211-409 fax: (85523) 215-096

e-mail: <chin\_yahan@yahoo.com>; <prd@camnet.com.kh>

#### 3. Dr. Valai na Pombejr :fj;

Adviser "

Asia-Pacific Network for International Education and Values Education!

(APNIEVE)

c/o UNESCO Asia and Pacific Regional, Bureau for Education

920 Sukhumvit Road

P.O. Box 967, Prakanong Post Office, Bangkok 10110, Thailand

tel: (662) 391-()577; 391-()703 fax (662) 391-0866

e-mail: Supimol VIJARNPOL <v.supimol@Unescobkk.org>

#### 4. Dr. Sirilus Belen

Technical Staff  
Centre of Curriculum and Educational  
Facilities Development Office  
Educational and Cultural Research and Development  
Ministry of Education and Culture ..  
Jalan Gunung Sahari Raya No.4, Jakarta, Indonesia  
tel: (6221) 380-4248 fax: (6221) 350-8084  
e-mail: <epeandradi@yahoo.com>; [kopci1965@yahoo.co.uk](mailto:kopci1965@yahoo.co.uk)

#### 5. Prof. Dr. Chiam Heng Keng

Commissioner  
Human Rights Commission of Malaysia  
Tingkat 29, Menara Tun Razak, Jalan Raja Laut,  
50350 Kuala Lumpur, Malaysia  
tel: (603) 2612-5600 fax: (603) 2612-5620  
e-mail: <humanrights@humanrights.com.my>;  
<chiamhk@Um.edu.my>

#### 6. Ms. Zaida T. Azcueta

Chief  
Staff Development Division, Human Resource Development  
Service  
Department of Education  
DepEd Complex, Meralco Avenue, Pasig city,  
Metro Manila, Philippines  
tel:/fax: (632) 633-7237











*Chịu trách nhiệm xuất bản*

*Giám đốc:* ĐINH NGỌC BẢO

*Tổng biên tập:* LÊ A

*Biên tập nội dung:* ĐINH VIỆT HÀ

*Trình bày bìa:* DƯƠNG QUÝ THẮNG



Mã số : 02.02.14/75.ĐH2005

---

---

## GIÁO ÁN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

In 1000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xưởng in Trung tâm NC & SX Học liệu  
Đại học Sư phạm Hà Nội

Giấy phép xuất bản số 14/1845/XB-QLXB ngày 20 tháng 10 năm 2004.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2005.